

MỤC LỤC

1. MỞ ĐẦU CÂU CHUYỆN.....	4
2. HÌNH ẢNH MỘT XỬ NỮ NGÀY XUA.....	7
3. ÔNG GIÀ HỌ MÃ MUA... NGỰA HAY LÀ MIỆNG THẾ GIAN	9
4. CHUYỆN CON VE SÀU VÀ NƯỚC NGÔ	12
5. TIẾNG ĐÀN BÀN QUỐC SỰ (TRÂU KỶ THUYẾT TỀ UY VƯƠNG).....	14
6. THUẦN VU KHÔN THỦ TÀI TRÂU KỶ	17
7. QUAN DỠ ĐƯỢC KHEN, QUAN GIỎI BỊ CHÊ	19
8. NHÂN VÀ TRÍ.....	21
9. NƠI CHUÔNG NGỰA.....	23
10. BIỂN CÁ LỚN	25
11. THẾ NÀO LÀ ẪN TRỘM.....	27
12. MẠO BIỆN CỨU TRI KỶ.....	29
13. TÍN LÃNG QUÂN KẾT BẠN.....	32
14. ĐẸP VÀ XẤU.....	37
15. CÁI GHEN CỦA NÀNG TRỊNH TỰ	38
16. CỐT CÁCH CỦA MỘT NHÂN TÀI	40
17. DIỆN MẠO CỦA MỘT TƯỚNG TÀI.....	42
18. KHÔNG AI HIỂU CON BẰNG CHA.....	45
19. KHI TRIỆU QUÁT ĐƯỢC PHONG TƯỚNG.....	47
20. QUỶ CỐC THỦ TÀI HỌC TRÒ.....	50
21. TỀ TƯỚNG ÁN ANH, QUỶ TRỌNG VỢ	52
22. HỌ CHẾT VÌ... QUẢ ĐÀO	53

23. THẾ NÀO LÀ CÔNG PHÁP BẤT VỊ THÂN	56
24. VÔ CỐ HẠI NGƯỜI LÀ CÁI CỐ TỰ HẠI MÌNH	59
25. MỘT BÀ HOÀNG GIỮ TIẾT VÀ MỘT BÀ HOÀNG THẤT TIẾT	62
26. KHÔNG TỬ VÀ CUỘC HÒA HỘI LỖ TÈ.....	64
27. CÁCH HỐI LỘ VÀ NHẬN HỐI LỘ CỦA NGƯỜI XUA	67
28. TẮM LÒNG QUẦN THẦN NƯỚC BẠI TRẬN	70
29. CUỘC CHUẨN BỊ VĨ ĐẠI HAY LÀ NGHỆ THUẬT CHÍNH TRỊ CỦA CÂU TIỀN	72
30. LO TRONG VÀ LO NGOÀI (TỬ CỐNG THUYẾT KHÁCH).....	75
31. NGƯỜI NƯỚC SỞ LÀM DẤU TRÊN THUYỀN, TÌM GƯƠM DƯỚI SÔNG	78
32. HÀ BÁ CƯỚI VỢ	79
33. LÀM THẾ NÀO ĐỂ DÂN ĐỒNG LOẠT THI HÀNH PHÁP LỆNH?	83
34. KHEN CHÊ CŨNG ĐỀU CÓ TỘI	84
35. BÀNG QUYÊN HẠI BẠN	87
36. CON DOI VỚI LOÀI BIẾT BAY VÀ BIẾT CHẠY (HAY LÀ: ĐIỀU THÚ NGHỊ HÒA)...	90
37. THUẦN VU KHÔN ĐÒI HỎI SỰ TƯƠNG XỨNG.....	92
38. PHONG CÁCH UỐNG RƯỢU	94
39. MỘT NỮ THUYẾT KHÁCH ĐẦU TIÊN.....	96
40. CÁI TỆ HẠI CỦA NHÀ LÀM LUẬT ĐẾN THẾ NÀO?	99
41. BẦY CHUỘT BÀN CHUYỆN "TRÁNH MÈO"	101
42. KHÔNG CÔNG MÀ ĐƯỢC THƯỞNG, VIỆC ĐÁNG NGỜ.....	103
43. TRÁO THIẾP CHO VUA	104
44. HẬU SINH KHẢ ÚY.....	107
45. MAO TIÊU KHIÊN VUA TẦN GIỮ ĐẠO HIẾU.....	110
46. KHI YÊU TRÁI ẬU CŨNG TRÒN	112
47. HAI NGƯỜI NHÀ QUÊ KẾT BẠN.....	114
48. LỜI TỰ BIỆN CỦA TRẦN CHẢN	116
49. BÌNH NGUYÊN QUÂN VỚI NGƯỜI QUÊ	118

50. HIỀN SĨ NHƯ CÁI DÙI TRONG TÚI	122
51. LÝ TƯ VÀ CON CHUỘT	125
52. PHƯƠNG THUỐC CHỮA BỆNH NƯỚC ĂN DA	127
53. SỰ PHI THƯỜNG CỦA ĐỨC TIN	129
54. CÂU CHUYỆN "TRIỀU TAM MỘ TỬ" (SÁNG BA CHIỀU BỐN)	132
55. THUẬT BÁCH CHIẾN BÁCH THẮNG	133
56. KHI ÔNG VUA MUỐN LÀM THÁNH HIỀN	135
57. CON CHIM HOANG DÃ	138
58. CÂY VÔ DỤNG	139
59. CUỘC TRANH LUẬN GIỮA NGƯỜI HAI CHÂN VÀ NGƯỜI MỘT CHÂN	141
60. BÀI HỌC NGỰ NGÔN: TRÁI VỚI TỰ NHIÊN	144
61. TA CŨNG MUỐN LÊ CÁI ĐUÔI TRONG BÙN	145
62. CHIM ÁC DỌA CHIM UYÊN SỒ	147
63. TẦN THỦY HOÀNG TÌM THUỐC TRƯỜNG SINH	149
64. VONG TẦN GIẢ HỒ DÃ	152
65. TRƯƠNG LƯƠNG THÍCH KHÁCH TẦN THỦY HOÀNG	156
67. ĐIỀU NÀO NHỤC HƠN	158
68. NHÂN ĐẠO HAY BẮT NHÂN	159
69. HỌC PHÉP TRƯỜNG SINH BẮT TỬ	161
70. TRƯƠNG LƯƠNG GẶP HUỲNH THẠCH CÔNG	163
71. LÝ TƯ, TRIỆU CAO MƯU VIỆC PHÉ LẬP	166

1. MỞ ĐẦU CÂU CHUYỆN

Một hôm Trang Tử dẫn học trò đi ngao du, nhân lúc ghé vào nhà một người bạn để thăm. Chủ nhà tay bắt mặt mừng, nói:

- Tiếng tăm tiên sinh vang dội như sấm bùng tai. Hôm nay tiên sinh ghé thăm鄙 phu thật là vạn hạnh.

Nói rồi quay lại gọi một gia đình, bảo:

- Hôm nay ta gặp khách quý, để mở đầu câu chuyện người hãy thịt một con chim cho ta đãi khách!

Đứa ở hỏi:

- Vâng ạ! Nhưng thưa chủ nhân, có hai con chim, một con hót hay, một con không biết hót, thịt con nào?

Chủ nhân chép miệng:

- Dĩ nhiên phải thịt con chim không biết hót, thứ vô dụng đó để làm gì?

Trang Tử cùng chủ nhân ngồi nhâm nhi ly rượu với thịt chim, luận việc thế thái nhân tình, đoạn từ già chủ nhà, dẫn học trò ra đi. Họ đến bìa rừng, thấy một tiều phu chống búa nhìn cảnh rừng núi bao la. Trước mắt lão là một cây cổ thụ. Trang Tử thấy vậy hỏi:

- Trời chiều mà chưa thấy tiều ông dẫn được cây nào. Gặp cây này cao thẳng sao ông không hạ đi?

Lão tiều thở dài nói:

- Tôi cũng muốn hạ nó, nhưng ngặt gỗ nó xộp lắm, thứ vô dụng đó dẫn mà làm gì?!

Một học trò nghe vậy, hỏi thầy:

- Cây vô dụng thì bỏ qua, con chim vô dụng thì giết. Con thật không hiểu nổi thói đời?

Trang Tử mỉm cười nói:

- Ta ở vào khoảng hữu dụng và vô dụng đó. Chỉ có bậc đạo đức mới tránh khỏi tai họa mà thôi.

LỜI BÀN:

Đây là một bài học ngụ ngôn nhằm khuyên răn người đời. Câu kết luận của Trang Tử nói nghe như lạc đề. Vì chim và cây không phải là người. Hữu dụng và vô dụng là hai mặt đơn giản của cuộc đời...

Nhưng ta để ý, làm thế nào để ẩn mình vào giữa làn mắt vô hình hữu dụng và vô dụng đó? Trang Tử nói: "Chỉ có bậc đạo đức!" Người vô dụng không phải không làm được việc gì? Ít ra họ cũng biết hô hoán (Nếu cho họ canh cửa), cũng biết dọn dẹp giặt giũ (nếu dùng họ trong việc sai vặt). Người vô dụng có thể bị người khôn khéo bóc lột công sức cho đến khi hơi thở can kiệt. Còn người hữu dụng thì sao? Người thấy việc gì cũng làm được, thành ra việc gì cũng ôm lấy, cang đáng, vong động, vong tưởng, cuối cùng cũng làm con rối cho bọn quyền thế cường hào. Tự trung, hữu dụng hoặc vô dụng cũng đều bị dùng.

Người đạo đức, theo người xưa là người hiền trí. Trí để không ai lợi dụng mình. Hiền để không ai ghét mình. Chỉ có bậc hiền trí mới tránh được cạm bẫy của người khác. Có thể chứng minh một câu chuyện tương tự.

Nước Tề có loạn lạc. Đôi bạn Bảo phúc Nha và Quản Di Ngô (tức Quản Trọng) phò hai vị công tử chạy ra nước ngoài. Bảo Thúc Nha đem công tử Tiểu Bạch sang nước Cử, và nói: "Chỉ có mấy nước nhỏ mới không thất tín". Quản Di Ngô đưa công tử Cử chạy sang nước Lỗ, và nói: "Lỗ là cường quốc của thời này. Vả lại Lỗ là quê ngoại của công tử". Vua Tề bị giết. Nhờ nước Cử ở gần Tề nên Bảo Thúc Nha đem công tử Tiểu Bạch về kịp đã lên ngôi. Công tử Cử ở nước Lỗ rất xa không về kịp. Bảo Thúc Nha nói với công tử

Tiểu Bạch (bấy giờ đã lên ngôi lấy hiệu là Tề Hoàn Công): "Trước đây Quán Di Ngô muốn giết chúa công là bởi "ai vì chúa nấy". Lúc ấy Di Ngô đang phò công tử Củ. Xin chúa công đừng giận ông ta. Di Ngô là bậc đệ nhất kỳ tài. Chúa công muốn dựng nghiệp bá, không có ông đó, không xong. Nay tôi đem binh đóng biên giới làm áp lực, buộc vua Lỗ phải "xử trí" lấy Củ, và buộc vua Lỗ giao Di Ngô cho chúa công".

Bên kia Di Ngô và vua Lỗ tranh không kịp với Tiểu Bạch, lòng còn đang tức. Bỗng nghe quân Tề kéo đến. Mưu sĩ nước Lỗ là Thi Bá, hiến kế: "Để tránh binh đao với Tề, chúa công nên giết Củ đi, vì Củ là tên vô dụng! Nhưng chúa công phải tìm mọi cách trọng dụng Quán Di Ngô, vì tài của ông ta "kinh thiên vĩ địa". Vua Lỗ nói: "Di Ngô một lòng với chủ. Nay ta giết Củ là chủ hấn, thì hấn không bao giờ chịu giúp ta đâu. Và lại, Tiểu Bạch một mực đòi Di Ngô về Tề, để tự tay mình trả thù". Thi Bá nói: "Đó là mẹo của Thúc Nha đòi Di Ngô về Tề để dùng. Chúa công không dùng thì giết chứ đừng trả Di Ngô". Vua Lỗ không nghe. Di Ngô về Tề giúp cho Tề Hoàn Công, đưa nước Tề lên địa vị bá chủ. Vua Lỗ ân hận mãi.

Chuyện này có phần hơi khác chuyện Trang Tử trên đây. Ở đây kẻ vô dụng bị giết đã đành, nhưng người tài giỏi vẫn bị người ta đòi giết. Cũng may, Di Ngô và Thúc Nha là những người kĩ mưu tuyệt trí nên không bị những kẻ tầm thường hạ sát. Nhưng cái ý nghĩa của nó vẫn giống nhau, chỉ có bậc đạo đức, hiền trí mới giữ được mình.

2. HÌNH ẢNH MỘT XỬ NỮ NGÀY XUA

Ngũ Tử Tư từ lúc lưu vong, xin ăn dọc đường bụng đói lả. Đến đất Phiên Dương thấy một thiếu nữ đang ngồi giặt lụa trên bên Lại Thủy, có đem theo mo cơm đặt bên cạnh.

Tử Tư nói:

- Ta trên bước đường cùng nên mới xin ăn, xin nàng giúp cho!

Thiếu nữ ngược lên nhìn Tử Tư rồi nói:

- Thiếp trông ngài không phải là người thương, đâu dám vì chuyện nhỏ mọn mà không cho ăn?

Người con gái mở gói cơm đưa cho Ngũ Viên (tức Ngũ Tử Tư) và Thắng (Thắng là đứa bé con Thái tử Kiến). Kiến bị vua cha muốn giết bỏ trốn tránh qua Trịnh, sau phản Trịnh bị giết ở Trịnh. Tử Tư phải mang Thắng theo). Ngũ Viên và Thắng cùng ăn. Ngũ Viên biết thiếu nữ nghèo khổ, lại ở nơi vắng vẻ, nên không dám ăn hết, để lại cho nàng một phần. Thiếu nữ nói:

- Hai người còn đi xa, hãy dùng hết đi.

Ngũ Viên và Thắng ăn hết cơm. Lúc sắp đi, Ngũ Viên nói:

- Tôi không bao giờ quên ơn nàng. Tôi là người chạy trốn. Nếu gặp người khác xin đừng tiết lộ.

Thiếu nữ than:

- Ba chục năm nay ta chưa hề tiếp chuyện với người đàn ông nào. Giờ vì miếng ăn thành ra thất tiết! Thôi, các người đi đi!

Ngũ Tử Tư đi được mấy bước, ngoảnh mặt thấy cô gái giặt lụa ấy đã ôm lấy cục đá nhảy xuống sông mà trầm mình.

Ngũ Viên bị thương quá đỗi, cắn ngón tay chảy máu, viết hai mươi chữ trên đá: "Nhĩ hoàn sa, ngã hành khát. Ngã phúc bảo, nhĩ thân nịch. Thập niên chi hậu, thiên kim báo đáp" (Nàng giặt lụa,

ta ăn xin. Ta bụng no, nàng chết chìm. Hẹn mười năm nữa ngàn vàng báo đền).

Tử Tư lấp đất hòn đá lại rồi dắt Thảng vào nước Ngô.

LỜI BÀN:

Cho đến bây giờ, có lúc người ta gặp cảnh ngộ thất thường đành tạm ăn xin qua ngày, thì thời đó việc ăn xin của Ngũ Tử Tư cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Vấn đề ở đây là một thiếu nữ quê mùa sau khi cho Ngũ Tử Tư ăn một bữa cơm, nàng lại trầm mình. Tại sao nàng lại tự sát? Có người nói, thiếu nữ chết là bởi Tử Tư dặn một câu: "Nếu gặp người khác xin đừng tiết lộ". Nàng chết là để Ngũ Tử Tư yên tâm. Thật ra đó là ý phụ.

Ta xem câu nàng nói: "Thiếp trông ngài không phải là người thường, đâu dám vì chuyện nhỏ mọn mà không cho ăn?" "không phải người thường" có ý chỉ Ngũ Tử Tư là nhân vật quan trọng sau này. "Đâu dám vì chuyện nhỏ mọn mà không cho ăn". Chuyện nhỏ mọn ở đây không chỉ việc nàng nhịn đói một bữa, mà có ý chỉ cho việc "không được tiếp xúc với đàn ông ở nơi vắng vẻ". Vì vậy nàng mới than: "Ba chục năm nay ta chưa hề tiếp chuyện với người đàn ông nào. Giờ vì miếng cơm thành ra thất tiết!"

Chỉ nói chuyện với đàn ông mà nàng cho là "thất tiết", đủ hiểu cái "tiết" to lớn đến bậc nào. "Tiết" ở đây là tiết hạnh, là sự trong trắng từ thể xác đến linh hồn. Phẩm tiết là cái diện mạo của Trinh tiết. Phẩm tiết không có thì cái "Trinh" cũng bằng thừa. Vì nhiều người không thân dâm mà ý dâm thì sao? Phẩm tiết của người con gái không hẳn chỉ ở những nhà quyền quý, không hẳn chỉ ở những tiểu thư, công nương, không hẳn chỉ ở những gia đình thế phiệt, trâm anh. Lấy theo con mắt của người nay, thì cái chết của thiếu nữ giặt lụa là "chết dại", nhưng với con người phẩm hạnh của người xưa, họ cho rằng: "danh tiết còn giá trị hơn thân xác". Vì thân xác có thể mất đi nhưng danh tiết vẫn còn.

Hình ảnh ấy vừa cao cả, vừa bi tráng.

3. ÔNG GIÀ HỌ MÃ MUA... NGỰA HAY LÀ MIỆNG THẾ GIAN

Nhà họ Mã ngày trước chuyên nghề nuôi dạy ngựa và bán ngựa. Có một đạo gia đình ông suy sụp vì con ông bị bệnh nặng, đã vét hết tiền trong nhà mà con ông vẫn không khỏi. Ông bán hết số ngựa nuôi để thang thuốc cho con. Con ông sống được. Từ đó ông bắt đầu dành dụm, tần tiện được một số tiền.

Ngày nọ Mã ông nghe ở Hương Lâm có bán một giống ngựa quý, ông đến nơi đó xem tướng ngựa thật kỹ, biết đó là giống ngựa hay, thuộc loại Hoàng Phiêu, mặc dù nó có phần hơi gầy. Mã ông thích quá, nên chịu mua với giá đắt. Ông về nhà bàn lại với con:

- Phụ thân xem biết nó rất quý, dù hơi gầy, thuộc giống Hoàng Tuyết Phiêu của người Khương. Nhà ta gầy được giống này sẽ làm giàu không mấy hồi. Ngặt vì xa ngót ngày đường, qua đèo truông e có cướp, nên cha con ta cùng đi.

Hai cha con họ Mã thử ngựa và ngã giá xong, tra yên cương, cha con đồng lên ngựa ra về, lòng thấy hoan hỉ.

Họ đi qua một xóm nhà, Mã ông khiêm tốn cho ngựa đi nước kiệu, dân làng đón ông lại nói:

- Mã lão! Ông là người nuôi ngựa, sao không biết thương ngựa? Con ngựa gầy thế kia, còn cha con ông cạp ăn bảy ngày không hết, nở nào cả hai lại đề trên mình nó?

Ông Mã nói với con mình:

- Họ nói phải đấy con ạ! Vậy cha nhường cho con cưỡi. Cha cầm cương cho.

Thế là một mình Mã công tử ngồi ngựa, ông Mã đi bộ theo. Họ yên tâm đi xóm nhà khác, bây giờ trời đã khá trưa, những

người ngồi mát trên đường thấy cảnh cha con họ Mã như vậy, họ kéo ra đón đầu ngựa, xỉ vả người con:

- Ai dạy công tử về cách hiếu đạo như thế? Con thì ngồi ngựa kênh kiệu, để cha chạy bộ theo đở mồ hôi! Qua cánh đồng kia có học hiệu Không Môn, chắc họ đánh công tử trào máu ra mát!

Mã công tử lật đật nhảy xuống ngựa, chấp tay thưa với cha:

- Họ nói phải đấy cha ạ! Nãy giờ con cũng khỏe rồi, cha hãy cưỡi nó cho đỡ mệt.

Người cha lên ngựa đi, ngang qua "Không Môn học hiệu", một số học trò ở đó biết mặt ông già, chúng chạy lại đón ông nói:

- Mã lão bá! Lão bá lâu nay mạnh giỏi chứ? Nghe nói lệnh lang lâu nay bệnh thập tử nhất sinh, nay mới vừa hơi bình phục lão bá để lệnh lang nhọc nhài cho đành.

Mã lão nhảy xuống ngựa nhìn con rồi thì thầm:

- Kể ra họ nói cũng phải. Kể không còn bao xa, ta dắt ngựa đi vậy.

Hai cha con xuống ngựa dắt bộ, hồi lâu đến xóm khác, có ai đó nhìn ngựa rồi chửi:

- Đúng là cha con một lão vô học. Đây là giống Hoàng Tuyết Phiêu, một loại thiên lý mã, mua về để cưỡi hoặc làm giống, nào phải mua về để thờ, sao có ngựa lại không cưỡi?

Cha con họ Mã thiếu điều muốn khóc. Lão nói với con:

- Cưỡi ngựa cũng bị chửi, mà không cưỡi cũng bị chửi! Ta chịu hết nổi! Thôi thả quách cho xong!

Hai người dắt đi một đoạn cho khuất mắt mọi người, rồi tháo cương, cởi yên, đánh một roi, ngựa dong tuốt vào rừng mát dạn. Về đến nhà, bà cụ nghe đón đầu ngõ. Ông cụ thuật lại mọi chuyện. Bà cụ nghe qua đâm vào đầu bình bịch, vừa khóc vừa nói:

- Ngu sao là ngu! Có bao nhiêu vét đi mua ngựa, rồi thả ngựa đi! Xưa nay miệng lưỡi thế gian. Việc mình mình cứ làm, chiều ý,

nghe lời họ làm gì? Rồi đây lấy gì mà sinh sống, lấy gì mà cưới vợ cho con? Ngu ơi la ngu!...

LỜI BÀN:

Quả là, không "ở sao cho vừa lòng người"! Ông già họ Mã hiền hậu đến mức thiếu tự tin. Những người ngoài nhìn vào làm sao hiểu được tình trạng của họ Mã và con ngựa kia như thế nào? Ý kiến nào họ nói cũng phải, nhưng trước nhất họ Mã phải biết đánh giá được cái việc của mình. Tục ngữ có câu: "Chín người mười ý", thì ý thứ mười là ý mình vậy. Mua ngựa là quyết tâm, mà giữ được "quyết tâm" (chỉ con ngựa) là thiếu quyết định. Thiếu một trong hai cái đều hỏng.

4. CHUYỆN CON VE SÂU VÀ NƯỚC NGÔ

Một sớm, Thái tử Hữu mang cung tên vào cung, vừa gặp vua Phù Sai. Nhà vua hỏi:

- Con mang cung tên đi đâu mà áo quần ướt sũng thế này?

Thái tử nói:

- Con đi săn vô ý bị sụp hãm?

- Sao lại vô ý sụp hãm?

Thái tử nói:

- Con thấy con ve đang kêu, con toan rình bắt. Bất ngờ con thấy con bọ ngựa đưa càng lên bắt con ve, lại thấy con chim sẻ đậu gần đó muốn đớp con bọ ngựa. Con bèn lui lại chuẩn bị bắt con chim sẻ, không ngờ bị sa xuống sình!

Nhà vua nói:

- Con chỉ biết ham cái lợi trước mắt mà không nghĩ đến cái hại phía sau. Thiên hạ có ai ngu như con không?

Thái tử nói:

- Vậy mà có kẻ ngu hơn con! Lỗ vốn là nước lễ nhạc, trước có Chu Công, sau có Khổng Tử, không xâm phạm gì đến Tề, thế mà Tề vẫn cất quân đánh, tưởng là lấy được Lỗ. Ai ngờ nước Ngô ta vượt ngàn dặm đánh Tề, ai ngờ nước Việt đem quân cảm tử đánh Ngô!...

Phù Sai nổi giận hét:

- Cút! Cút... Đó là luận điệu của thằng giặc già Ngũ Viên! Thằng giặc ấy tao đã giết rồi! Nếu mày là con tao từ nay đừng nói tới việc đó nữa!

Thái tử Hữu sợ hãi lui ra.

LỜI BÀN:

Trước đây Ngũ Tử Tư khổ tâm, khổ công can gián Phù Sai về việc này, ông bị Phù Sai giết đi, vì vẫn đinh ninh rằng nước Việt không bao giờ dám phản. Thái tử hữu mượn hình ảnh con ve, con bọ ngựa, con chim sẻ để chỉ nước Lỗ, Tề, Ngô, Việt. Người ta nói: "Không kẻ nào điếc bằng lòng người không muốn nghe, không kẻ nào mù bằng kẻ không muốn thấy". Ngô Phù Sai không ngu nhưng ông không muốn nghe những lời can phải. Ngô Phù Sai không giết con mình nhưng cất quân đi đánh Tề và hội chư hầu lần nữa, nước Việt đánh úp nước Ngô và giết chết Hữu! Chả khác nào Ngô Phù Sai đã giết con.

5. TIẾNG ĐÀN BÀN QUỐC SỰ (TRÂU KỶ THUYẾT TỀ UY VƯƠNG)

Tề Uy Vương lên ngôi 9 năm, ngày nào cũng đàn quyển ca vang, đắm say tử sắc. Một hôm có người tên Trâu Kỵ là người nước Tề, xin vào yết kiến Tề Uy Vương, nói:

- Tôi biết gảy đàn, nghe đại vương thích âm luật, nên tìm đến.

Uy Vương cho người mang đàn ra. Trâu Kỵ lên dây, nhưng không gảy. Uy Vương hỏi:

- Tiên sinh cho ta nghe một bản chứ?

Trâu Kỵ nói:

- Biết cầm lý (lý thuyết về đàn) mới là quan trọng, còn tiếng đàn chẳng qua là do sợi tơ phát âm mà thôi.

Vua hỏi:

- Vậy thế nào là cầm lý?

Trâu Kỵ nghiêm trang nói:

- Cầm là Cầm! Là cầm ngắt! Là cầm chỉ những sự đắm say tử sắc để giữ cho chánh đạo. Trong đàn, dây lớn nhất chỉ vua, còn các dây nhỏ là bề tôi. Đời Phục Hi chế đàn có 5 dây. Đến Chu Văn thêm một dây, sang Chu Vũ thêm một dây nữa để hợp tình ý giữa vua tôi, vậy đủ biết đàn dùng vào việc chính sự.

Uy Vương nói:

- Phải! Tất nhiên tiên sinh phải biết cầm âm?

Trâu Kỵ nói:

- Tôi học đàn tất phải biết chơi đàn, cũng như đại vương lo nghiệp nước, há lại không biết trị quốc hay sao? Nay đại vương

cầm mệnh đất nước mà không trị, có khác gì tôi cầm đàn mà không gảy? Tôi ôm đàn mà không gảy thì đại vương không bằng lòng. Đại vương bỏ nước không trị thì trăm họ không bằng lòng!

Uy Vương ngạc nhiên nói:

- Thì ra tiên sinh mượn tiếng đàn để khuyên ta? !

Sau đó Uy Vương mời Trâu Kỵ làm tướng quốc, Trâu Kỵ chán hưng nước Tề thành một cường quốc.

LỜI BÀN:

Đây cũng là thuật thuyết khách. Uy Vương thích âm nhạc. Trâu Kỵ xưng mình biết chơi đàn nên mới được Uy Vương tiếp. Nếu Trâu Kỵ nói: "Tôi vào khuyên nhà vua không nên đam mê tửu sắc", thì chưa chắc được Uy Vương mời vào.

Quả như lời Trâu Kỵ nói, âm nhạc dùng vào việc lễ nghi chính sự, âm hưởng của nó khiến người ta thư thái, an lạc, vui hòa. "Nhạc" là điệu đàn, còn âm là "lạc" là vui hòa. Các triều đại thời cổ (trước nhà Chu) đều dùng âm nhạc trong việc tế lễ, thiết triều. Đến đời Trụ Vương nhà Ân, vua Trụ sai một đại nhạc sư là Sư Diên chế ra một loại âm nhạc cho các ca nữ hát để hòa đàn theo, dần dần biến thành hai thứ âm nhạc song hành: Đó là Âm nhạc cho triều đình và Âm nhạc trong cung đình. Nhạc cung đình là nhạc đệm theo các điệu múa của cung nữ, tiến độ của nó đi đến độ "dâm nhạc". Chính Sư Diên là tác giả khúc Mi-mi, một bản dâm nhạc bắt đầu vào thời đó, Sử nói: "Từ khi vua Trụ cho đạo khúc Mi-mi, nhà vua bắt đầu bỏ bê triều chính, sa vào con đường tửu sắc, nhục dục". Khi Chu Vũ Vương đánh chiếm triều ca, giết vua Trụ, Sư Diên chạy về Đông đến nước Vệ, tự tử trên sông Bộc... Những đêm khuya vắng, người dân ở vùng sông Bộc thường nghe khúc Mi-mi rất ma quái, quỳn rũ. Một thành ngữ còn sót lại ngày nay là "Bộc thượng tang trung" (Trên sông Bộc, trong đám dâu, chỉ cho việc trai gái gian dâm. Truyện Kiều có câu: "Ra tuồng trên Bộc trong dâu / Thì con người ấy ai cầu mà chi")

Lời của Trâu Kỵ nói, là nói về nguyên ủy của âm nhạc. Còn nói "cầm", hai từ ấy nghĩa khác nhau nhưng đọc cùng âm, Trâu Kỵ dùng để nhấn mạnh cho nhà vua thức tỉnh. Trâu Kỵ là vị tướng quốc giỏi của thời đó. Sau thời Ân Anh, nước Tề chưa có vị tướng quốc nào sánh ngang với Trâu Kỵ.

6. THUẦN VU KHÔN THỬ TÀI TRÂU KỶ

Thuần Vu Khôn vốn là một biện sĩ (biện sĩ: Người biện bác giỏi) lỗi lạc nhất của Tề, nghe Trâu Kỵ uốn ba tấc lưỡi mà được phong làm Tướng quốc, có ý không phục, bèn dẫn bọn tay chân đến yết kiến Trâu Kỵ. Trâu Kỵ tiếp đãi tử tế, Thuần Vu Khôn với vẻ mặt cực kỳ kiêu ngạo nói với Trâu Kỵ:

- Tôi có mấy điều thô lậu có thể trình bày với Tướng quốc được không?

Trâu Kỵ chấp tay đáp:

- Không dám! Xin tiên sinh cho nghe!

Thuần Vu Khôn nói:

- Con không lìa mẹ, vợ không lìa chồng!

Trâu Kỵ đáp:

- Xin vâng lời! Từ nay tôi không xa vua nửa bước!

Khôn nói:

- Đã dùng gỗ gai làm bánh xe mà bôi thêm mỡ thế là trơn lắm, nhưng nếu mà đục lỗ vuông khó mà vận chuyển được!

Kỵ đáp:

- Xin vâng lời! Tôi không làm điều gì trái với thông tục.

Khôn nói:

- Cánh cung dẫu cứng cũng có lúc trẽ, các dòng sông đều chảy ra bể, tự nhiên mà hòa hợp!

Kỵ đáp:

- Xin vâng lời! Tôi sẽ chọn người hiền mà dùng, quyết không đem kẻ bất tài vào chốn miếu đường.

Khôn nói:

- Cầm sắt không so dây thì không thành âm luật.

Kỵ đáp:

- Xin vâng lời! Tôi sẽ sửa lại pháp luật để xem xét những kẻ gian lận.

Thuần Vu Khôn sợ hãi sụp lạy rồi lui ra. Bọn tay chân thấy bộ mặt của ông méo xệnh liền hỏi:

- Sao vậy?

Thuần Vu Khôn thở ra, nói:

- Ta dùng ẩn nghĩa hỏi năm điều, quan Tướng quốc trả lời được hết. Ngài là bậc đại tài ta không thể sánh bằng.

Sau đó Trâu Kỵ lập tức áp dụng những điều mà Thuần Vu Khôn đã nói.

LỜI BÀN:

Thuần Vu Khôn dùng phép ẩn ý bàn về phép làm chánh trị của Tể Tướng, Trâu Kỵ hiểu được nên giải đáp hết mọi thắc mắc. Câu đáp bao giờ cũng đồng dạng với câu xướng, ăn khớp với nhau. Người ta tưởng chừng hai bộ óc liên thông với nhau. Trong 5 điều, mỗi điều là một chi tiết trong việc xây dựng đất nước, không điều nào ngoài vấn đề. Thuần Vu Khôn hỏi, nhưng câu hỏi bị phù phiếm, không bắt bí, mọi vấn đề đều đặt vào triều chính, nhờ vậy mà Trâu Kỵ có thể liên tưởng kịp thời. Giả sử, Khôn hỏi một câu vu vơ nào đó như: "Trăng sáng vàng vạc, cung nữ nghêu ngao" thì Trâu Kỵ trả lời sao đây? Sử nói: "Thuần Vu Khôn có tài trông mặt mà đọc hết tư tưởng người đối diện". Giờ này gặp phải tay đối thủ, nét mặt ông tiu nghỉu, đến nỗi bọn đệ tử chế ông: "Sao vậy?", thì thật là thú vị.

7. QUAN DỠ ĐƯỢC KHEN, QUAN GIỎI BỊ CHÊ

Trâu Kỵ ghi nhớ lời Thuần Vu Khôn nên ông làm việc hết sức siêng năng và cẩn thận. Bảy giờ ai cũng đồn vị quan trấn thủ đất A là người hiền, và chê quan trấn thủ đất Túc Mặc đủ điều. Trâu Kỵ để tâm đến việc đó, cho người xem xét hư thực rồi tâu lại cho Tề Uy Vương biết.

Uy Vương cho triệu tập quần thần, lại đòi hai vị quan trấn thủ kia. Trước mặt bá quan, vị quan đất Túc Mặc bị coi bằng "nửa con mắt". Vua gọi lão ra hỏi:

- Người trấn thủ Túc Mặc cơ sao để các quan ở triều chê người?

Lão đáp:

- Thần chỉ biết làm hết chức trách của mình, còn việc khen chê thần không được biết.

Uy Vương lớn tiếng:

- Ta cho người dò xét đất Túc Mặc thấy ruộng vườn tươi tốt, người dân giàu có, việc quan không bê trễ, cả một vùng phương Đông ấy yên ổn, mới hay nhà ngươi một lòng vì dân, không đút lót cho bọn quan lại ở triều, vì lẽ đó mà nhà ngươi bị chê. Người thật xứng đáng là một lương thần.

Nói rồi liền gia phong cho vị quan đất Túc Mặc. Lại gọi vị quan đất A, nói:

- Người trấn thủ đất A thế nào mà ngày nào ở triều cũng thấy lời khen ngợi về người. Ta cho người đến dò xét thì thấy ruộng vườn bỏ hoang người dân đói rách. Quân Triệu xâm lấn bờ cõi người không chịu cứu. Nhà ngươi bóc lột tiền của dân chúng đút lót cho kẻ tả hữu của ta để được tiếng khen. Người là tên tham quan độc ác.

Quan đất A sụp lạy xin tha tội. Uy Vương truyền đem hần bỏ vào chảo dầu sôi. Các quan xanh mặt. Vua truyền những tên từng khen chê bất công đó ra mắng:

- Các ngươi là tai mắt của ta lại ăn bản, phải trái đảo lộn. Nay đem các ngươi cho vào vạc dầu.

Uy Vương truyền đem những kẻ thân tín nhất của mình bỏ vào vạc dầu để làm răn! Chư hầu thấy sự cải cách của Uy Vương đều sợ.

LỜI BÀN:

Việc này nhan nhản ở mọi xã hội. Đời nay có khác gì đời xưa? Thí sinh đi thi thấy mình yếu kém bèn đút lót để được điểm cao. Thậm chí có người không đi thi mà vẫn cấp bằng làm mất công nhà vua phải "lật sổ bộ" ra tra.

Nguyễn Khuyến nói:

"Có tiền việc ấy thì xong nhỉ?"

Đời trước làm quan cũng thế a?"

May mắn thay cho triều nào minh quân gặp lương thân. Vụ án hai ông quan trên đây là một bài học cho những người có trách nhiệm với người dân.

8. NHÂN VÀ TRÍ

Thầy trò Khổng Tử bỏ nước Lỗ lưu vong ra nước ngoài. Một hôm Khổng Tử gọi Tử Công (một trong 72 học trò hiền của Khổng Tử) hỏi:

- Theo con, thế nào là người nhân, thế nào là người trí?

Tử Công suy nghĩ một lát rồi đáp:

- Thưa thầy, người nhân là người biết thương người; người trí là người hiểu người.

Khổng Tử khen "hay". Rồi kêu Tăng Tử vào hỏi lại câu trên. Tăng Tử suy nghĩ một hồi rồi đáp:

- Thưa thầy, người nhân là người biết thương mình; người trí là người tự biết mình.

Khổng Tử chịu quá! Đoạn ông gọi Tử Lộ vào hỏi:

- Theo con, thế nào là người nhân, thế nào là người trí?

Tử Lộ thưa:

- Theo con, người nhân là người làm sao cho người khác thương được mình; còn người trí là người làm sao cho người khác hiểu được mình!...

Khổng Tử rất đỗi ngạc nhiên, ngửa mặt khen rằng:

- Bất ngờ thay!...

LỜI BÀN:

Cùng một câu hỏi nhưng ba câu trả lời hoàn toàn khác nhau, đây thật là điều thú vị và bất ngờ.

Nhưng ta thường thấy việc đời không khác nào một dòng sông, có lúc từ trên cao đổ ào ào xuống vực sâu, có lúc trườn mình,

len lách qua hẻm núi, có lúc thênh thang lặng tờ giữa bình nguyên... thiên hình vạn trạng. Nhưng mỗi dạng trạng đều phù hợp với mỗi hoàn cảnh. Bởi không bao giờ trời mưa lụt mà sông cạn, trời nắng hạn mà nước sông dâng. Núi dựng bạt ngàn dòng sông không thể không uốn mình lượn theo thế núi. Con người cũng thế. Có lúc ta vì người và người vì ta, có lúc ta vì ta, và người vì người, theo hoàn cảnh mà hành sự. Như thế mới không lỗi.

Trong toán học cũng có những vấn đề như trong nhân sinh. Trước đây 2300 năm, nhà Toán học Hi Lạp, Eulide phát biểu: - "Từ một điểm ngoài đường thẳng, ta chỉ vẽ được một và chỉ một đường thẳng song song với đường thẳng đã cho"!

Ai muốn học toán lên cao bắt buộc phải chấp nhận lời yêu cầu này. Vì đây là một điều hiển nhiên. Thế mà ở Anh, Remann lại phát biểu: - "Từ một điểm ngoài đường thẳng, ta không vẽ được một đường thẳng nào song song với đường thẳng cho trước"!

Chưa hết! Sau đó nhà toán học Laubatchewsky lại phát biểu: - "Từ một điểm nằm ngoài đường thẳng, ta có thể vẽ được vô số đường thẳng song song với đường thẳng cho trước"!

Thế có trái ngược không? Hai định đề sau đây phải là sai (vì sai đâu là định đề!), ở toán cao cấp người ta vẫn dùng nó. Tất nhiên muốn dùng nó phải tùy theo điều kiện. Người ta thường nói, "chân lý ở bên này Pyrréneés, sang bên kia trở thành nghịch lý". Đúng hay không đúng còn tùy theo hoàn cảnh.

Qua câu hỏi nhân trí của Khổng Tử, Ngũ tử Tư ở nước Ngô (người cùng thời với Khổng Tử) nói:

- Không thương mình làm sao thương được người ngoài? Không thương người làm sao người thương ta? Môn đồ của Khổng Tử chỉ "chê tư sợi tóc nhân nghĩa" (ý nói phiến diện) mà thôi! Nhân và Trí ít nhiều gì vốn đã có sẵn trong mỗi người, chỉ sử dụng có hợp lúc không thôi!

Do đó bất kỳ việc gì, đúng hay sai, công hay tội chúng ta khó mà đem nhận xét chủ quan ra để phán xét được. Bởi việc hành xử của tha nhân còn tùy thuộc hoàn cảnh của họ lúc đó.

9. NƠI CHUÔNG NGỰA

Ngày xưa có một hàn sĩ đến kinh để ứng thí. Trong lúc đợi đến ngày thi chàng tạm ngụ tại một quán rộng rãi bề thế. Nhà quán thấy chàng túng thiếu tiền liền cho ra ngủ ngoài chuồng ngựa.

Một hôm chàng đi thi về ghé lại chuồng ngựa bỗng thấy cháy bùng bùng phía trước, chàng hàn sĩ vừa kêu vừa cứu lửa, vừa chạy tìm đồ dập lửa. Lửa cháy gây thiệt hại cho quán khá nhiều.

Chủ quán dẫn chàng lên cáo quan, nói:

- Gã thư sinh này xin ngụ nhà tôi, hắn không có tiền bạc gì nên tôi không cho ngụ trong nhà, cũng không nở đuổi nó, chỉ cho nó ở tạm chuồng ngựa mà không tính tiền. Vì thế nó đâm ra oán hận đốt nhà tôi để trả thù!

Án quan hỏi:

- Việc gã thư sinh này đốt nhà mụ, có ai thấy, có ai làm chứng?

Mụ quán nói:

- Bẩm quan, trưa vắng ít khách vắng lai, nhưng chính mắt tôi thấy hắn đốt nhà xong, miệng thì hô "lửa cháy", chân thì chạy tìm chỗ trốn.

Lúc ấy quan án nghĩ thầm: "Có lý nào mụ quán đặt điều để hại gã này? Vì mụ cho hắn ngủ ngoài chuồng ngựa, không tính tiền, vậy là người tốt rồi".

Án quan tin lời mụ không cần nghe lời biện bạch của gã thư sinh. Án quan bắt chàng bỏ tù.

Hai năm sau mãn án, chàng ghé lại kinh hỏi thăm thì biết tin mình đậu. Nhưng vì không có mặt mình lúc đó để diện thí, thì

cầm bằng công cóc. Chàng buồn và hận. Hàn sĩ kia kiếm đâu được bộ áo nho sinh lịch sự, chàng ghé lại quán quàng ra sau chuồng ngựa bật lửa đốt nhà kho rồi chạy ra phía trước, vờ như thực khách mới bước vào quán.

Chàng vừa gọi thức ăn vừa đưa mắt nhìn khói phía sau cuốn lên ngùn ngụt... rồi mới hô hoán lên: "Cháy nhà... Cháy nhà", rồi cũng chạy đi tìm gàu múc nước dội lửa.

Mọi người xúm lại dập tắt ngọn lửa. Chủ quán dường như không nhớ mặt chàng.

Hàn sĩ bỏ đi, còn cảm râm mấy tiếng:

- Ôi cuộc đời! Kẻ có công thì bắt bỏ tù, còn người có tội được thưởng!...

LỜI BÀN:

Chàng thư sinh có vẻ như cay cú với cuộc đời. Xét ra chủ quán không có gì độc ác, vì nóng ruột mà thiếu cận mới đổ oan cho chàng. Ngày xưa, bậc quân tử không mấy khi biện bạch nỗi oan khúc của mình. Hoặc có biện bạch mà người ta không nghe thì họ cũng không thềm oán hận. Xét cho kỹ, oán hận cũng không lợi gì. Nhà Phật nói: "Nỗi oan không nên biện bạch. Vì biện bạch thì không hỉ xả". Nhưng tác giả của bài "Nơi chuồng ngựa" có một ý khác. Ý tác giả muốn nói, người đời thường hay lầm lẫn, hay có những phán đoán chủ quan. Kẻ có công đáng ra phải được thưởng, người có tội phải bị trừng trị. Ở đây thì ngược lại. Để được công bình, xét công và tội của một người, kẻ có trách nhiệm xét việc không nên xét một cách võ đoán.

10. BIỂN CÁ LỚN

Tĩnh Quách Quân Điền Anh muốn xây lại thành Tiết cho thật uy nghi hùng tráng, đăm thực khách của ông khuyên can, nhưng Điền Anh vẫn không nghe, còn hạ lệnh:

- Ai can, ta sẽ chém!

Có một ông khách đến nói:

- Cho tôi gặp Tĩnh Quách Quân, tôi sẽ nói ba tiếng thôi, nếu dư tiếng nào thì buộc tôi đi!

Tĩnh Quách Quân gọi vào. Khách nói:

- Biển cá lớn!

Rồi quay lưng chạy, Tĩnh Quách Quân gọi theo:

- Mời khách ở lại! Mời khách ở lại!...

Khách vừa chạy vừa nói:

- Kẻ hèn này không dám đùa với cái chết!

Điền Anh nói:

- Không sao! Xin hãy nói tiếp!

Khách nói:

- Ngài không nghe nói loài cá lớn sao?

Lưới không bủa được nó. Câu không kéo được nó. Nhưng nếu nó mắc cạn thì loài kiến tí tẹo kia cũng xâu xé nó được. Nước Tề với ngài giống như biển với cá lớn vậy. Ngài còn nước Tề thì áp Tiết này có kể chi? Nhưng nếu nước Tề mất thì dù thành Tiết này có xây dựng trời cũng vô ích.

Tĩnh Quách Quân Điền Anh tỉnh ngộ đáp:

- Phải!

Rồi bỏ ý định xây dựng thành Tiết.

LỜI BÀN:

Đây là đoạn văn nói về nghệ thuật thuyết phục. Ba tiếng "Biển cá lớn" chưa đủ ý nghĩa muốn nói, nhưng ông khách phải nói vậy để gây sự tò mò của người nghe. Đó là điều tiên quyết. Kể đến ông khách quay lưng chạy càng làm tăng thêm sự chú ý, đó là điều thứ nhì để "hấp dẫn" người nghe. Kết quả Điền Anh phải bỏ ý định xây thành Tiết.

Trên phương diện lịch sử, ta biết, ấp Tiết là đất phong của vua Tề cho Tướng Quốc Điền Anh. Ta có thể hình dung đó là một quốc gia trong một quốc gia. Xây thành kiên cố để chống giặc cũng không đến nỗi phung phí; nhưng chỉ làm riêng cho một ấp Tiết thôi, thì đó là "vì nhà" chứ không phải "vì nước". Xây riêng cho ấp phong của mình mà hao tốn của người dân, thâm lạm công quỹ, không mang tính toàn diện và quốc phòng thì bất lợi đủ điều: Triều đình sẽ nghi kỵ ông, dân chúng sẽ khổ cực vì ông... Lời ông khách thuyết Điền Anh nhằm vào chỗ này.

Sau khi Điền Anh mất, Điền Văn là con lên nối nghiệp được vua Tề phong là Mạnh Thường Quân, ấp Tiết vẫn là ấp phong như cũ.

11. THỂ NÀO LÀ ĂN TRỘM

Nước Tề có họ Quốc là địch phú.

Nước Tống có họ Hường là bản cùng. Họ Hường đến học cách làm giàu của họ Quốc. Họ Quốc nói:

- Tôi giỏi về nghề trộm. Trộm năm đầu thì đủ ăn, đến năm hai thì giàu có, năm thứ ba thì đại phú. Nhờ của cải dư thừa tôi mới giúp được người nghèo khổ.

Họ Hường nghe vậy mừng lắm, bèn về làm nghề trộm cắp. Ngày nào họ Hường cũng rình mò chực đục tường khoét vách, chẳng may bị người ta bắt được, bỏ tù và gia sản bị tịch biên. Họ Hường rất đau khổ. Ra tù, ông đến nhà họ Quốc trách hận. Họ Quốc hỏi:

- Ông ăn trộm thể nào nói tôi nghe?

Họ Hường thuật lại việc làm của mình. Họ Quốc nghe xong giảng cho ông nghe: Trời có bốn mùa, đất có vật sản. Nhờ đó mà ruộng vườn màu mỡ tốt tươi, tôi thu hoạch nó, chất thành kho đụn. Lại nữa, ở trên bộ tôi ăn trộm cầm thú, ở dưới nước tôi ăn trộm cá tôm đều là sản vật của Trời Đất, chứ đâu phải của riêng ai? Ăn trộm của Trời Đất không bị tai vạ. Còn ông ăn trộm tài sản của tư nhân tất nhiên phải mắc tội, còn trách ai được?

Họ Hường nghe rồi lòng vẫn nghi hoặc, bèn tìm tới một vị tiên sinh để thỉnh giáo. Tiên sinh giảng giải như lời họ Quốc.

LỜI BÀN:

Đoạn văn trên của nhà tư tưởng Liệt Ngự Khấu, dùng lời ẩn dụ để nói rằng cuộc sống thường nhật của mỗi người là phải chăm lao động. Mọi sản vật do con người tạo ra, gốc gác của nó vẫn có sẵn trong thiên nhiên, có điều người ta có chịu làm việc hay không

mà thôi. Ta để ý, cây cối đứng một chỗ mà vẫn sống được là vì trong đất có chất bổ dưỡng cho cây cối, nhưng rễ cây phải "chịu" làm việc hút chất bổ vào. Hoa lá có đủ màu xanh, hồng, tím, bạch là do trong không khí có chất bổ dưỡng, hoa lá có tiếp nhận những chất đó hay không. Trong nước sông, nước biển, nước ao hồ... Có vô vàn loài thủy tộc thì nước có chất bổ dưỡng. Mọi loài cùng tranh sống đều phải làm việc. Họ Quốc nói việc "ăn trộm" là nói theo nghĩa bóng, Hương hiểu theo nghĩa đen.

Đọc lịch sử thời Xuân Thu ta thấy, họ Quốc là quan thượng khanh của Tề, giàu có khác gì một tiểu vương lại chăm lo làm việc và có lòng từ thiện. Ở Tống có họ Hương (điển hình như Hương Thú) cũng là một đại phu chuyên về mặt quốc chính, suốt đời ông chuyên nghiên cứu về thuật an dân. Hương Thú không để ý đến gia cảnh của mình, suốt đời hết Tán lại sang Sở, gia cảnh cơ cực.

Ở đây tác giả nói về ngụ ngôn. Rất tiếc họ Hương không hỏi rõ cách ăn trộm thế nào trước khi hành động.

Ngày nay, phương tiện, đất đai... Còn dồi dào mà vẫn có người không chịu làm việc, chỉ mong "một đêm ăn trộm bằng ba năm làm", có đáng buồn không.

12. MẠO BIỆN CỨU TRI KỶ

Mạo Biện nước Tề là thực khách của Tình Quách Quân Điền Anh, Biện có nhiều tật xấu nhưng lại được Tình Quách Quân yêu vì. Thực khách trong nhà ai nấy không vui liền xúm lại can, kể cả Mạnh Thường Quân Điền Văn (con của Điền Anh). Tình Quách Quân nổi giận nói:

- Các người chết đi đừng phá nhà ta! Dẫu sau này ta có vì Mạo Biện làm hư hại ta vẫn cứ làm!

Rồi cho Mạo Biện ở phòng nhất, bắt con trướng mình phải hầu hạ, cơm nước mỗi ngày ba lần. Vài năm sau, Tề Uy Vương mất, Tề Tuyên Vương thay. Tuyên Vương rất ghét Tình Quách Quân. Không bao lâu Tình Quách Quân bị bãi chức Tể tướng, trở về ấp Tiết ở với Mạo Biện. Sau đó Mạo Biện xin gặp Tề Tuyên Vương. Tình Quách Quân nói:

- Tuyên Vương ghét Điền Anh lắm. Tiên sinh đến đó ắt chết!

Mạo Biện cười buồn:

- Mạo Biện này vốn không muốn sống. Cứ để tôi đi.

Mạo Biện tới gặp vua Tề, Tề Tuyên Vương giận, có ý muốn giết ông ta, hỏi:

- Ta nghe, người được Tình Quách Quân yêu quý, nói gì cũng nghe phải không?

Mạo Biện đáp:

- Yêu quý thì có, còn nghe thì không.

Vua gằn:

- Có gì làm bằng chứng?

Mạo Biện nói:

- Có đó! Hỡi Đại vương còn là Thái tử, Biện tôi có bảo với Tĩnh Quách Quân: "Thái tử có tướng bất nhân, má phị mắt híp giống như đầu heo luộc, hãy phé đi, để lập công tử Giao Sư (con bà Vệ Cơ)". Tĩnh Quách Quân khóc, nói: "Tôi không nhẫn tâm làm việc đó được!". Đại vương nghĩ xem, nếu Tĩnh Quách Quân nghe lời tôi thì đâu có ngày hôm nay? Còn một chuyện nữa, Tể tướng Chiêu Dương của Sở muốn đem áp phong của mình rộng gấp mấy lần áp Tiết để đổi lấy áp Tiết, tôi xúi nên đổi, Tĩnh Quách Quân than: "Áp Tiết là của tiên vương phong cho. Bây giờ tuy bị chúa công ghét bỏ, nhưng nếu đem đổi đi, thì khi xuống suối vàng, biết trả lời sao với tiên vương đây? ". Đó là bằng chứng.

Tề Tuyên Vương nghe vậy cảm động nói:

- Tĩnh Quách Quân đối với quả nhân tốt như vậy ư? Quả nhân còn trẻ không hiểu được việc đời. Tiên sinh có thể vì quả nhân mà rời Tĩnh Quách Quân về triều được không?

Mạo Biện đáp:

- Xin tuân mệnh!

Tĩnh Quách Quân mặc áo, đội mũ mang kiếm báu, tất cả đều của tiên vương ban cho, về triều gặp Tuyên Vương. Tuyên Vương xin lỗi rồi mời ông làm Tướng Quốc. Ông từ chối mãi không được bèn nhận lời.

Người ta khen Mạo Biện địa vị tuy thấp hèn nhưng vẫn vui vẻ, sẵn sàng cứu được ân nhân tri kỷ trong lúc hoạn nạn.

LỜI BÀN:

Mạo Biện có nhiều tật xấu nhưng không rõ là tật gì. Có điều, người dị tật nhiều khi hay có dị tài. Bọn thực khách dèm pha Mạo Biện với Điền Anh có lẽ vì nhân quan của họ không thấy được cái hay của Mạo Biện. Bao nhiêu khách đều ghét Mạo Biện, chỉ riêng Điền Anh nhận Mạo Biện làm tri kỷ, thì Điền Anh vẫn có chỗ hơn người. Chỉ có anh hùng mới biết được anh hùng.

Điền Anh bị thất sủng. Bao nhiêu thực khách không ai hiến kế gì để giúp Điền Anh. Chỉ có MaÊo Biện cả gan gặp Tuyên Vương. Chúng ta ngạc nhiên khi vua hỏi: "Ta nghe, người được Tể Quốc Quân yêu quý nói gì cũng nghe phải không?". Câu hỏi là "trúng ý" Mạo Biện rồi. Mạo Biện liền dẫn những điều Điền Anh không nghe mình. Một câu mà Mạo Biện nói gần như chửi Tuyên Vương: "Thái Tử có tướng bất nhân, má phị mắt híp giống như đầu heo luộc". Trong trường hợp này, Mạo Biện càng quá lời càng tốt cho Điền Anh.

Giả như Tuyên Vương không hỏi câu đó, mà hỏi một câu nào khác bất kỳ, ví dụ câu: "Tên Mạo Biện kia, người đến đây xin xỏ cho Điền Anh à? "hoặc: "Cút ngay! Ta sẽ cắt lưỡi quân thuyết khách"... thì Mạo Biện có thuyết phục được không? Việc ấy không xảy ra, nhưng ta dám quả quyết rằng "được"! Là vì, những người ăn nói giỏi thì bất kỳ câu nào họ cũng có tài để trả lời.

Vả lại, theo sử, Tề Tuyên Vương là một ông vua có nhiều đức tính lạ. Rất thích vui thú, lại cũng thích bàn luận về văn học, triết học. Tề Mạo Biện là tay gan dạ, mưu trí đã không phụ lòng Điền Anh. Điều này cho ta một bài học kinh nghiệm, không nên đánh giá ai một cách vội vàng, đã kết bạn với ai thì phải đem hết lòng thành ra mà đối xử với họ. Trong đời chỉ cần một việc làm cao cả và đúng chỗ cũng đủ bù vào trăm ngàn lần mình đã nhờ đỡ họ...

13. TÍN LĂNG QUÂN KẾT BẠN

Tín Lăng Quân là công tử Ngụy Vô Kỳ (người hoàng tộc), vốn là người có tâm hồn cao khiết, nhân hậu, tính thiùch chiêu hiền đãi sĩ, không phân biệt giàu nghèo, thương lấy lễ để giao tiếp với kẻ sĩ.

Nước Ngụy có kẻ ản sĩ tên là Hầu Doanh, tuổi đã 70, nhà nghèo, làm nghề giữ cửa thành Di Môn ở Đại Lương. Ngụy công tử nghe tiếng, tìm đến kính cẩn kết giao. Lòng công tử chí thành khiến Hầu Doanh không thể từ chối.

Hầu Doanh giới thiệu với công tử một người mổ heo ở chợ tên là Chu Hợi. Ngụy công tử vẫn thành tâm lui tới thăm viếng Chu Hợi, Hợi chưa từng đáp lễ, công tử không hề có ý phiền.

Ngày kia, nhà công tử có đặt tiệc mời các tân khách. Công tử tự mình đánh xe mời Hầu Doanh, rồi vào chợ đón Chu Hợi. Giữa tiệc đông đảo mọi người cao quý, hoàng thân quốc thích, Tể tướng, đại phu, tướng quân, phu nhân, kiều nữ vọng tộc... Công tử vẫn xem Hầu Doanh và Chu Hợi là thượng khách. Nhiều người thấy vậy chửi thảm Hầu Doanh và Chu Hợi.

Bấy giờ nước Tần sai Đại tướng Vương Hạp đem quân vây kín Hàm Đan của Triệu đánh phá suốt ngày đêm. Tướng quốc của Triệu là Bình Nguyên Quân Triệu Thắng cứ lăm le đầu hàng. Trước nay Triệu Thắng vốn kết thân với Tín Lăng Quân (Ngụy Vô Kỳ), lại quen biết với vua Ngụy là An Ly Vương. Triệu Thắng sai sứ giả sang Ngụy mượn quân. Vua Ngụy sai tướng Tấn Bỉ đem 10 vạn quân sang cứu Triệu. Vua Tần biết vậy hăm:

- Nước nào cứu Triệu ta diệt nước đó.

Ngụy Vương nghe vậy cả sợ, liền ra lệnh cho Tấn Bỉ án binh bất động ở Nghiệp Hạ. Còn Tín Lăng Quân Ngụy Vô Kỳ vốn có mối

giao tình thâm đậm với Bình Nguyên Quân, nên ông cố vào triều cố thuyết phục vua Ngụy tiến quân. Vua Ngụy quyết khước từ.

Tín Lăng Quân đau đớn không biết làm cách nào để giúp bạn mình, liền nói với đám thực khách:

- Các vị có vì ta mà hy sinh cứu Triệu không?

Cả ngàn tân khách đều hưởng ứng lời hiệu triệu đó.

Tín Lăng Quân dẫn đám thực khách đi ngang qua Di Môn, ghé lại thăm Hầu Doanh, Hầu Doanh nói:

- Chúc công tử cố gắng. Doanh này già rồi không theo công tử được.

Thấy Hầu Doanh không nói gì thêm, Tín Lăng Quân từ giả ra đi lòng buồn vắn vơ. Đi được mấy dặm, Tín Lăng Quân chợt nghĩ điều gì đó, bèn quay lại, thấy Hầu Doanh đứng trước cửa đón mình. Hầu Doanh mỉm cười nói:

- Tôi đoán công tử thế nào cũng trở lại.

Vô Kỵ (Tín Lăng Quân) hỏi:

- Sao biết?

Hầu Doanh nói:

- Công tử đãi Doanh này rất hậu. Giờ này công tử vào nơi nguy hiểm mà Doanh này không có một ý kiến gì, tất công tử sẽ giận, nên trở lại hỏi cho ra lẽ! !

Vô Kỵ nói:

- Tôi ngờ rằng đãi tiên sinh có điều gì sơ sót nên tiên sinh mới giận mà ghét bỏ, vì thế tôi quay lại hỏi cho biết.

Hầu Doanh nói:

- Công tử nuôi ba ngàn thực khách đã vài chục năm rồi thế mà không có vị nào nghĩ ra diệu kế. Công tử và đám thực khách liều mạng xông vào trại Tần có khác nào ném thịt cho hổ đói? Có phải trước đây công tử có ơn với Vương Phi Như Cơ không?

Tín Lăng Quân chợt nhớ ra... Liền quay về thành Ngụy gặp Vương Phi Như Cơ, nhờ Vương Phi lấy cấp binh phù đưa cho mình rồi tức tốc trở lại gặp Hầu Sinh (tức Hầu Doanh), Hầu Sinh nói:

- Tướng ngoài mặt trận có thể không tuân theo mệnh vua. Công tử phải mời Chu Hợi mới được.

Tín Lăng Quân cùng Hầu Doanh đến gặp Chu Hợi. Hợi nói:

- Tôi là đứa mổ heo ở chợ, thân phận hèn hạ, bấy lâu đội ơn công tử hạ cố. Sở dĩ Hợi tôi không nói lời ơn nghĩa vụn vặt là đợi đến lúc này đây.

Hầu Doanh nói:

- Binh hung chiến nguy! Doanh này đã già không đi cùng công tử được. Khi công tử tới trận, ở đây Doanh này xin lấy cái chết để tạ ơn công tử.

Ba người bái biệt nhau. Tín Lăng Quân đến Nghiệp Hạ cùng với Chu Hợi vào yết kiến lão tướng Tấn Bì. Tín Lăng Quân nói:

- Đại vương thấy tướng quân mấy mươi năm dầm sương dãi gió cực khổ về binh nghiệp, nay sai Vô Kỵ đến cầm quân thay cho lão tướng.

Nói rồi đưa binh phù ra, hai bên so, ăn khớp nhau. Nhưng Tấn Bì nói:

- Làm tướng ngoài mặt trận có lúc vì tình thế mà không tuân theo mệnh vua, tuy rằng công tử có binh phù này nhưng hãy chờ ít hôm, tôi làm sổ sách và cho người về hỏi lại nhà vua lần nữa.

Tín Lăng Quân nói:

- Cứu binh như cứu lửa. Thành Hàm Đan đang khắc khoải từng giây phút lẽ nào phải chờ tin đi tin lại?

Chu Hợi hét:

- Nguyên soái không tuân theo mệnh vua, ý muốn làm phản chăng?

Nói rồi lấy dùi sắt đập đầu Tấn Bì chết ngay.

Tín Lăng Quân cùng Chu Hợi đoạt lấy binh quyền, đánh vào trại Tần. Tướng Tần là Vương Hạp đại bại, kéo tàn quân chạy về Hàm Cốc quan đóng kín cửa ải. Công tử Ngụy Vô Kỵ cứu được nước Triệu, danh tiếng lẫy lừng.

LỜI BÀN:

Vào cuối thời chiến quốc nhiều ông hoàng thân hay những quan lại cao cấp nhưng trẻ trung, thường hay mở cửa để đón tân khách như: ở Tề có Mạnh Thường Quân Điền Văn, ở Triệu có Bình Nguyên Quân Triệu Thắng, ở Sở có Xuân Thân Quân Hoàng Yết. Đó là chưa kể những tên vô lại, con buôn như Lao Ái, Lã Bất Vi ở Tần. Thực khách của họ có đến ba ngàn! Đám thực khách ấy bu bám vào các ông hoàng thân ăn ở đến mười mấy năm.

Công tử Ngụy Vô Kỵ (Tín Lăng Quân) là trang công tử tuyệt vời.

Thực khách của ông ta hầu hết là những người có dũng khí. Cứ xem việc ngàn khách đó xung phong cùng Tín Lăng Quân đi đánh bạo Tần, đủ hiểu. Sở dĩ được như vậy là nhờ Tín Lăng Quân đối xử với họ hết lòng. Điển hình như Hầu Doanh, Chu Hợi. Hầu Doanh là ông già giữ cổng thành Di Môn, Chu Hợi là anh chàng mổ heo ở chợ. Họ sống như những kẻ vô danh. Địa vị của họ thấp hèn, nhưng khí tiết và phẩm chất của họ chưa hẳn đã thấp.

Vua Ngụy hứa giúp quân cho Triệu, nhưng vì sợ Tần mà không dám tấn binh. Ngụy Vô Kỵ thuyết phục thế nào cũng không xong. Đám môn khách của công tử không ai có mưu kế gì. Cuối cùng, công tử và đám môn khách đành phải đi liều mạng với Tần. Thử hỏi ba ngàn khách so với 15 vạn quân Tần khác nào ném thịt vào miệng thú dữ? Bấy giờ Hầu Doanh mới bày diệu kế. Nguyên nàng Như Cơ (vợ vua Ngụy) trước đây có một mối thù với kẻ giết cha mình. Mối thù ấy cho đến vua Ngụy cũng trả không được. Thế mà Ngụy Vô Kỵ giúp nàng trả thù được. Việc ấy ít người biết. Dẫu biết chưa chắc ai nghĩ ra được diệu pháp sau đó. Hầu Doanh đã bày cho Vô Kỵ vào thành nhờ Như Cơ trộm binh phù để sai khiến

tướng Tấn Bì. Ông còn cho biết thêm, có thể Tấn Bì không giao binh quyền. Vậy thì làm cách nào? Chu Hợi là người mổ heo ở chợ, có sức khỏe tốt lại gan dạ. Sử nói: "Tín Lăng Quân hạ mình kết thân với Chu Hợi, từng giúp đỡ cho Chu Hợi, nhưng Hợi chưa bao giờ nói được một tiếng cảm ơn, Tín Lăng Quân không để tâm đến việc đó". Giờ này Chu Hợi vì nghĩa mà đi làm việc lớn. Chu Hợi giết Tấn Bì để đoạt binh quyền. Tín Lăng Quân kéo 10 vạn binh Ngụy đi đánh giặc Tần. giải vây cho Hàm Đan!

Tại sao Hầu Doanh nói: "Khi công tử tới trận, ở đây Doanh này lấy cái chết để tạ ơn công tử"? Câu nói đó có hai nghĩa. Theo ngày xưa, người ta kết thân với nhau, có việc gì trọng đại mà họ không giúp được, thì người không giúp được phải tự sát để linh hồn yểm trợ người kia. Còn một nghĩa nữa: Hầu Doanh đã bày cho Ngụy Vô Kỵ một việc phạm pháp có tội với triều đình. Tội ấy xử tử cả họ cũng không đủ. Nên Hầu Doanh phải tự sát. Cái chết đó còn chết thay cho Vô Kỵ nữa. Tín Lăng Quân quả thật tuyệt vời mới có những người bạn như vậy.

14. ĐẸP VÀ XẤU

Một hôm thầy Dương Chu đi qua nước Tống trú tạm ở một khách điếm. Ông chủ điếm có hai bà vợ. Một bà rất đẹp và một bà rất xấu. Thế nhưng bà xấu được chồng yêu quý hơn. Dương Chu hỏi duyên cớ, ông chủ đáp:

- Người đẹp tự cho mình đẹp, tôi chẳng thấy đẹp chỗ nào. Còn người xấu tự cho mình là xấu, tôi chẳng thấy xấu chút nào.

Dương Chu quay lại nói với đệ tử:

- Các con thấy đó, mình làm được việc tốt, chớ nên khoe mình là tốt, thì đến nơi nào lại không được người ta yêu quý?

LỜI BÀN:

Thường tâm lý người thích khoe những gì mình đặc ý hơn người: Khoe giàu, khoe giỏi, khoe đẹp... đó là nguyên cớ để gây bất mãn cho những người xung quanh. Những cái đặc thế, đặc vị đó cũng giống như nhụy hoa, đến lúc khai hương mới toát, nhụy mới lộ ra, và người ta mới chú ý đến. Hoa không thể cưỡng khai được. Cũng như cái tài, cái đẹp cái giàu tự mình phơi bày ra tất phải có tác dụng ngược. Tục ngữ có câu: "Cái nết đánh chết cái đẹp". Đơn giản như thế nhưng không phải ai cũng áp dụng được nó.

15. CÁI GHEN CỦA NÀNG TRỊNH TỤ

Sở Hoài Vương là ông vua đa tình nhưng rất ngu dốt về việc trị nước. Vua có một ái phi là Trịnh Tụ, đẹp nhưng hiểm độc và tham lam.

Sở Hoài Vương tiên cung một nữ nhân nhan sắc chim sa cá lặn. Nữ nhân ấy nét na đầm thắm ai cũng yêu mến. Trịnh Tụ thường lui tới viếng thăm nàng, biếu tặng nàng ngọc ngà châu báu, may cho nàng vô số xiêm y lộng lẫy.

Một hôm Trịnh Tụ nói với mỹ nhân:

- Đại vương rất ghét người thở hơi vào mình.

Mỹ nhân điếng lòng hỏi:

- Thế thì phải làm sao? Xin chị giúp em với!

Trịnh Tụ nói:

- Muốn vậy thì khi gần vua em hãy khéo léo che mũi lại.

Mỹ nhân nghe theo kế ấy.

Một thời gian sau vua ghé cung thăm Trịnh Tụ. Trịnh Tụ liệu chừng nhà vua tin mình, liền nói:

- Ngọc thể bộ hạ có mùi hương cao quý như thế này mà "tân nhân" của bộ hạ nói rằng bộ hạ hôi như chuột xạ, thế có đáng hận không?

Sở Hoài Vương nhớ ra, nàng mỹ nhân nói chuyện với mình, thường lấy tay che mũi. Sở Hoài Vương tức giận hét vang như sấm sét!

Nhà vua liền truyền lệnh cho nội thị lôi mỹ nhân ra xẻo mũi, lóc thịt hành hình cho đến chết.

LỜI BÀN:

Nói về ghen thì thiên hình vạn trạng cách ghen. Có người ghen bằng cách cho người phục kích để đánh đập, đâm chém, cho người tạt nước độc, nước bắn vào mặt. Cái ghen của Trịnh Tụ mới thật có "nội công thâm hậu". Trước nhất Trịnh Tụ lấy lòng mỹ nhân, cố làm cho mỹ nhân tin mình, rồi bày kế độc để "hóa giải".

Độc kế của Trịnh Tụ trơn tru, có lý như thế, ai mà không lầm! Chỉ đáng trách Sở Hoài Vương, ông vua nổi tiếng là hôn ám của thời chiến quốc. Sao vua không kêu mỹ nhân ra tra hỏi? Sao không tự mình nghe có mùi hương hay mùi hôi? Sao không chịu hiểu Trịnh Tụ là thứ phi trong cung vua Sở lại đi tư thông với sứ Tần, triều đình lại không ai biết?

Ngày xưa, nhiều mỹ nhân rất sợ bị tiên cung. Gửi thân vào nơi đó có khác nào cánh hoa trôi giạt trên dòng nước.

16. CỐT CÁCH CỦA MỘT NHÂN TÀI

Triệu Xa người nước Triệu là nhân viên đi thu thuế. Một hôm Triệu Xa vào thu thuế nhà Bình Nguyên Quân Triệu Thắng, tên quản lý của Bình Nguyên Quân ý mình là kẻ có thân thế nhất định không chịu nộp thuế. Triệu Xa bèn giết tên quản lý đó. Bình Nguyên Quân toan giết Triệu Xa. Triệu Xa nói:

- Ngài là quý công tử của Triệu, không lý ý mình là người thân không coi phép nước vào đâu? Quốc pháp mà mất hiệu lực thì thế nước suy yếu. Nước khác thấy vậy đem quân đến đánh phỏng nước Triệu có giữ được không? Nước Triệu mà mất thì đất Bình Nguyên Quân cũng không còn. Ngài là hoàng thân càng giữ được phép công, càng làm gương cho thiên hạ, có như thế trên dưới mới công bình, đất nước mới phú cường.

Bình Nguyên Quân nghe Triệu Xa nói chột tỉnh ngộ và cho Triệu Xa là bậc hiền tài, bèn giới thiệu với nhà vua. Vua phong Triệu Xa làm quan nắm trọn quyền thu thuế cả nước. Nhờ đức tính liêm khiết và công bình của Triệu Xa, kho đụn của nước đầy đủ, nhà nhà no ấm.

LỜI BÀN:

Cái thói cậy thế ỷ thân dường như thời nào và nơi nào cũng có. Nước nào cũng có tham vọng trừ diệt nó đi, nhưng điều đó thật khó. Phong khí của nước nhà sáng sủa, luật pháp nghiêm minh, dân trí mở mang thì nạn hối mại, cửa quyền tự nhiên giảm đi, vì lúc ấy mỗi cá nhân đều ý thức được bổn phận và trách nhiệm của mình.

Qua truyện này ta biết, có lẽ từ lúc Bình Nguyên Quân Triệu Thắng cho mình là quan cao cấp (Tướng Quốc) trong triều dung túng cho đám bộ hạ làm điều ngược với phép nước, bởi vậy tên

quản lý mới không chịu nộp thuế. Triệu Xa vì phép nước mới giết tên quản lý của Tương Quốc, việc ấy tuy quá quyền nhưng không sai nguyên tắc. Trước đó có người nói: "Loạn tặc của nước nào cũng là loạn tặc của thiên hạ, ai cũng có quyền giết nó".

Triệu Xa đòi lại quyền công bình cho dân cho nước.

17. DIỆN MẠO CỦA MỘT TƯỚNG TÀI

Bấy giờ Tần là một cường quốc, sai đại tướng Hồ Thương đem quân vây thành Ứ Dự của nước Hàn giáp biên giới Triệu. Nước Hàn cho người cầu cứu Triệu. Các danh tướng của Triệu ai nấy đều cho rằng địa thế ở Ứ Dự rất hiểm hóc mà binh lực của Tần thì quá mạnh, không thể cứu Hàn được. Vua hỏi Triệu Xa, Triệu Xa nói:

- Ứ Dự hiểm và hẹp, nếu cứu Hàn thì ta và Tần phải chọi nhau, không khác gì hai con chuột chọi nhau trong hang. Bên nào gan và mạnh thì thắng.

Vua phong Triệu Xa làm tướng đem 5 vạn quân đi cứu Hàn. Triệu Xa kéo quân ra cửa Đông, khỏi kinh thành Hàm Đan 30 dặm hạ trại. Triệu Xa hạ lệnh:

- Kẻ nào nói đến việc binh ta chém đầu!

Trong khi đó quân Tần rầm rộ tiếp tục kéo quân đến Ứ Dự làm nhà nhà rung chuyển. Một tên quân biết việc đó, nói:

- Quân Tần đông lắm, thành Ứ Dự lâm nguy trong sớm tối!

Triệu Xa cho chém đầu tên quân đó ngay lập tức. Rồi cho đào công sự, đắp lũy đóng quân dài hạn ở đó.

Tướng Tần là Hồ Thương cho quân đi thám thính, Triệu Xa bắt được một tên, đãi nó cơm rượu no nê rồi thả ra. Triệu Xa liệu chừng tên thám thính kia về tới Ứ Dự, liền cấp tốc tấn binh. Hồ Thương nghe được liền chia một nửa quân tìm quân Triệu Xa mà đánh.

Bấy giờ trong quân Triệu có một tên lính tên là Hứa Lịch, viết vào tấm bảng ghi là "Xin Can", đến quỳ trước cửa dinh dâng lên.

Triệu Xa thấy lạ truyền cho vào, hỏi:

- Muốn nói gì?

Hứa Lịch nói:

- Quân Tần không ngờ quân Triệu ta đến đây. Khi biết được ắt nó đem đại quân đến với khí thế ngất trời. Vậy, Nguyên Soái cần phải tập trung quân lực lại, đội ngũ chỉnh tề để đợi nó. Nếu không làm vậy ắt sẽ thua!

Triệu Xa nói:

- Vâng lệnh!

Hứa Lịch nói:

- Tôi đã phạm quân lệnh, xin chịu chém!

Triệu Xa nói:

- Hãy đợi lệnh sau.

Khi xuất trận, Hứa Lịch lại nói:

- Theo binh pháp ai chiếm được địa lợi thì thắng. Hình thế ở Ứ Dục chỉ có Bắc Sơn là đỉnh cao mà tướng Tần không biết chiếm. Nguyên Soái hãy chiếm ngay đi.

Triệu Xa nghe lời, sai Hứa Lịch đem một vạn quân lên chiếm đỉnh Bắc Sơn. Nhờ vậy quân Tần có động tĩnh gì Hứa Lịch đều thấy và dùng cờ hiệu báo cho Triệu Xa biết.

Hồ Thương nổi giận đem đại quân (10 vạn) tấn công vào trại Triệu. Triệu Xa đem quân thiện chiến ra cự, và Hứa Lịch cho quân trên núi tràn xuống với khí thế như xô non dốc biển. Quân Tần đại bại chạy tuốt về Hàm Dương.

Qua trận này Hứa Lịch được phong làm Quốc úy.

LỜI BÀN:

Triệu Xa là một danh tướng thời đó. Đời binh nghiệp của ông chưa bao giờ biết bại. Triệu Xa dụng binh rất nghiêm, nhiều mưu trí. Cái việc ông hạ lệnh: "Ai bàn đến việc binh thì chém", mới nghe như phản binh pháp. Thật ra, đó là hư chiêu. Binh sự bàn

phải có nơi có chốn, không phải đưng nơi nào cũng nói. Triệu Xa cảm ngạt như vậy là để quân Tần không có đường mò. Triệu Xa đình binh vờ như không dám gây sự với Tần. Tướng Tần cứ nghĩ Triệu Xa sợ, nên không đề phòng.

Hứa Lịch chỉ là anh lính quèn, ai ngờ đó là một nhân tài (cũng giống như Triệu Xa trước đây chỉ là một nhân viên thu thuế). Hứa Lịch biết việc binh, can gián Triệu Xa mà không sợ chết. Trong thiên hạ "Địa hình" Tôn Tử nói: "Tấn bất cầu danh, thoái bất trị tội, duy nhân thị bảo, nhi lợi hiệp vu chủ, quốc chi bảo dã" (tiến lên không cầu danh, lui về không tránh tội, vì người mà bảo vệ, mà làm lợi cho nước). Hứa lịch là con người đó. Hứa Lịch làm đúng binh pháp khiến một tướng uy nghiêm lạnh lùng như Triệu Xa phải nghe theo.

Triệu Xa có tác phong của một Nguyên Soái đã đành, Hứa Lịch lại càng có phong cách của một tướng lĩnh. Triệu Xa và Hứa Lịch mỗi người đều có một diện mạo khác thường.

18. KHÔNG AI HIỂU CON BẰNG CHA

Triệu Xa có người con trai tên là Triệu Quát, ngay từ bé đã đọc và bàn luận rất nhiều. Triệu Quát vẽ trời vạch đất giảng giải lung tung, coi thiên hạ không ra gì, dẫu bố là Triệu Xa cũng không bắt bẻ được, nhưng Triệu Xa vẫn không cho là phải. Triệu mẫu thấy con được như vậy rất mừng, bà nói:

- Quả là... tướng môn xuất tướng!

Triệu Xa không vui, nói:

- Quát không thể làm tướng được. Nước Triệu không dùng nó là đại phúc cho xã tắc.

Triệu mẫu nói:

- Quát đọc hết binh thư, bàn rất thấu đáo về binh sự. Thiên hạ không ai bằng nó, sao bảo là làm tướng không được?

Triệu Xa nói:

- Chính vì Quát tự cho thiên hạ không ai bằng mình, tôi mới nói rằng nó làm tướng không được. Việc binh cầm bằng cái chết trong tay, lo lắng, sợ hãi, cẩn thận từng bước, học hỏi từng người mà vẫn còn nhiều sai sót. Thế mà Quát lại cho là dễ dàng. Nếu nó được giữ binh quyền thì nó sẽ tự ý mà làm, do đó những kẻ hay không lọt vào tay nó, chắc chắn chuốc lấy sự thảm bại.

Triệu mẫu đem lời nói với Quát. Quát nói:

- Cha nay đã già nên nhất.

Hai năm sau Triệu Xa bệnh nặng, trước lúc lâm chung kêu Quát đến dặn.

- Binh hung chiến nguy, người xưa lấy đó làm răn. Cha mày mấy năm làm tướng giờ mới kịp mừng tránh được cái nhục thua

trận. Mà không có tài làm tướng chớ nên dấy vào cái nghiệp đó mà làm hại nước, hư nhà, thiệt dân.

Triệu Xa lại dặn vợ:

- Sau này nếu vua phong cho nó làm tướng, bà nên kể lại những lời của tôi và từ chối. Mất quân nhục nước là cái tội rất lớn.

Vua Triệu, sau khi Triệu Xa mất, cho Triệu Quát làm Mã Phục Quân, nối chức cha!

LỜI BÀN:

Thường một xã hội tiến bộ thì thế hệ sau phải hơn thế hệ trước. Tuy nhiên trên cương vị nghề nghiệp chưa chắc con đã hơn cha hay em đã hơn anh.

Trong đạo làm tướng, ngoài tài năng thiên phú, người ấy còn phải mài luyện trên chiến trường để lấy kinh nghiệm xương máu, để biết địa hình địa thế, không thể ngồi trong tháp ngà mà nói chuyện chiến tranh.

Qua cung cách của Triệu Quát, ta biết Quát không thể làm tướng được. Tác phong làm tướng phải trầm hùng, lạnh lùng, ít nói mà hiểu việc sâu sắc. Còn nói nhiều chứng tỏ Quát không có chiều sâu, chỉ có thiên cận, nông nổi. Một lẽ dễ hiểu, nói nhiều là để lộ cái sơ hở của mình cho địch biết. Làm tướng mà đa ngôn, lạm ngôn là điều tối kỵ trong binh gia.

Ta biết, trước đây Tôn Thúc Ngao làm lệnh doãn nước Sở, trước khi lâm chung gọi con là Tôn An lại dặn: "Con ơi! Tài con thô thiển, con không thể chen vào đám quan trường được. Nếu đại vương có phong ấp cho con thì con nên từ chối. Nếu từ chối không được, con xin đất Tam Khâu. Đất ở đó cần cỗi không ai tranh giành". Tôn Thúc Ngao mất, vua Sở phong chức cho Tôn An, An từ chối, vâng lời cha lui về làm dân.

Xem thế đủ biết Triệu Quát không bằng Tôn An.

19. KHI TRIỆU QUÁT ĐƯỢC PHONG TƯỚNG

Bấy giờ Triệu Huệ Vương đã qua đời, Hiếu Thành Vương lên kế vị. Tần sai Đại Tướng Vương Hạp đem quân tiến đánh 17 quận ở Thượng Đãng (của nước Hàn), tướng Phùng Đình liệu sức không giữ được bèn dâng đất ấy cho Triệu. Người đến tiếp nhận đất Thượng Đãng Bình Nguyên Quân Triệu Thắng. Phùng Đình nói với Triệu Thắng:

- Công tử về Triệu cử danh tướng và đem đại quân đến đây mới giữ được đất này.

Thế nhưng khi tiếp quản xong, Bình Nguyên Quân về Triệu ngày đêm tiệc tùng để vui mừng "chiến lợi lớn", 17 quận ở Thượng Đãng không đánh mà được. Trong lúc đó tướng Tần vây đánh đến hai tháng, Phùng Đình không giữ nổi đành phải bỏ thành mà chạy, vua Triệu liền cử tướng Liêm Pha đến thì Tần đã lấy xong Thượng Đãng và đang tiến quân đến Trường Bình.

Liêm Pha phân quân chống cự với Tần hơn nửa năm bất phân thắng bại. Vua Triệu còn nhỏ không hiểu biết việc binh nhưng lợi hại thế nào cứ xúi Liêm Pha xuất quân mà không được phép thủ. Lúc đó Tần dùng kế phản gián nhờ các gian thần của Triệu phao tin: "Tần chỉ sợ Mã Phục Quân Triệu Quát. Nếu Mã Phục Quân cầm binh thì Tần sẽ rút binh về".

Vua Triệu hỏi Triệu Quát:

- Khanh có thể đánh Tần được không?

Triệu Quát nói:

- Nếu Tần dùng Võ An Quân Bạch Khởi thì thần có thể tổn ít công phu trừ mưu quyết kế, chứ Tần dùng Vương Hạp thì thần coi chúng không ra gì.

Vua Triệu nghe Triệu Quát nói cứng như thế rất đẹp lòng, bèn phong Triệu Quát làm tướng chuẩn bị ra trận thay cho Liêm Pha.

Lạn Tương Như đang nằm bệnh nghe vậy liền vào triều can:

- Đại vương dùng Triệu Quát làm tướng chỉ vì nghe tiếng suông của ông ấy mà thôi, giống như gảy đàn không dây. Triệu Quát chỉ đọc sách chứ không có tài ứng biến.

Nhà vua không nghe.

Triệu Quát thắng ra giáo trường duyệt 20 vạn quân sĩ. Duyệt binh xong, Triệu Quát liền chở mấy xe vàng lụa đem về nhà chào mẹ. Triệu mẫu nói:

- Lúc lâm chung, phụ thân con dạy những gì, nay con quên rồi sao?

Triệu Quát nói:

- Con cũng muốn từ chối, ngặt nỗi không có ai giỏi bằng Quát này!

Triệu mẫu dâng thư cho vua, đại ý: "Xin đức vua chớ dùng Triệu Quát. Quát chỉ biết đọc sách chứ không biết lẽ biến thông, không thể làm tướng được".

Nhà vua đòi Triệu mẫu vào triều. Bà nói:

- Già này từng thờ cha nó, được biết mỗi khi đức vua ban thưởng vật gì đều phân phát hết cho tướng sĩ, cùng chịu khó khổ với quân sĩ. Đến khi thụ phong làm tướng thì ông không để ý gì đến việc nhà nữa. Còn Quát làm tướng thì ngồi ngoảnh mặt về phía đông tiếp khách, không chịu nghe ý kiến ai. Vàng lụa của vua ban đều đem về nhà cất. Hằng ngày xem cái gì có lợi thì mua bán. Trước lúc lâm chung bố nó có dặn: "Nếu Quát làm tướng thì hại cho nước Triệu". Xin đức vua hãy chọn tướng khác.

Nhà vua vẫn không nghe.

Triệu Quát dẫn binh đến Trường Bình thay cho Liêm Pha. Bên kia Tần cũng cho Bạch Khởi thay cho Vương Hạp. Trận đầu Bạch Khởi xuất ba ngàn quân, Triệu Quát xuất quân một vạn

quân nên thắng được trận đó. Quát tự đắc khoa tay múa chân vạch trời, vẽ đất thuyết giảng om sòm, báo tiệp về triều!...

Qua trận thứ nhì, Quát đem quân đuổi theo quân Tần, bị Bạch Khởi tung quân ra vây chặt quân Triệu trong 46 ngày. Kết quả Triệu Quát bị giết tại trận. Quân Triệu đầu hàng. Đêm đó Bạch Khởi chôn sống 45 vạn quân Triệu. Dòng sông xanh Cốc Dương từ đó biến thành màu đỏ thẫm!

LỜI BÀN:

Ta miễn bàn Tướng Quốc Triệu Thắng bỏ mất Thượng Đãng, Triệu Thắng chỉ là ông hoàng để làm cảnh mà thôi.

Triệu Quát không nghe lời cha dặn, mẹ dạy, với tính cách tự cao tự đại, Quát đã chôn 45 vạn quân Triệu trong một đêm. Vua Triệu tin dùng Triệu Quát mà không chịu tin Liêm Pha và Lạn Tương Như, Triệu mẫu cũng vì xã tắc mà vào triều can, thế mà Bình Nguyên Quân Triệu Thắng đang làm Tướng Quốc không có một lời can gián. Nước Triệu bại trận này khiến cho binh lực của sáu nước phương Đông (Sở, Hàn, Ngụy, Triệu, Yên, Tề) phải xuống dốc, nước Tần có cơ hội thôn tính sáu nước. Đây là một bài học lớn cho các bậc trị quốc ngàn đời. Kẻ có tài năng (nhất là tài năng về quân sự) thì họ có thái độ khiêm tốn, nói rất ít, nghe rất nhiều. Mỗi lời nói của họ vững như núi. Chỉ có bọn đồ điều mồm mép bắt tài vô dụng mới khoa đại mà thôi. Từ đó ta có thể suy ra những việc khác...

20. QUỶ CỐC THỬ TÀI HỌC TRÒ

Quý Cốc Tôn sư có hai học trò xuất sắc là Tôn Tấn và Bànng Quyên. Một hôm Quý Cốc muốn thử tài học trò bèn kêu họ lại, bảo:

- Ta ngồi trong động, trò nào có thể mời ta ra ngoài được?

Bànng Quyên vội vàng giành mời trước, nói:

- Bạch Tô sư, ngoài cửa động có rông châu phượng múa rất đẹp!

Quý Cốc nói:

- Hôm nay hung nhật, làm gì có việc đó?

Bànng Quyên lại nói:

- Có Bạch Hạc Đông Tử mời thầy đi đánh cờ.

Quý Cốc lắc đầu, nói:

- Hôm qua ta đã chơi cờ với họ rồi.

Bànng Quyên trâng tráo:

- Nếu thầy không ra thì con nôi lửa đốt động!

Quý Cốc mỉm cười.

Đến lượt Tôn Tấn mời. Tôn Tấn thành kính thưa:

- Đệ tử không thể mời thầy từ trong ra ngoài được. Nhưng nếu thầy ở ngoài động đệ tử có cách mời thầy vào trong được.

Quý Cốc lấy làm lạ bèn truyền đem ghế ra ngoài ngồi, cốt xem Tôn Tấn sẽ mời bằng cách nào.

Khi Tôn Sư an tọa, Tôn Tử vội quỳ xuống:

- Vậy đệ tử mời thầy ra ngoài được rồi!

Quý Cốc phục cái trí của Tôn Tấn.

LỜI BÀN:

Hai lần Bàn Quyên mời Quỷ Cốc là hai lần lừa gạt một cách lộ liễu thập kém. Giả sử có rồng châu phượng múa, hoặc có Bạch Hạc Đồng Tử ở ngoài động, Quỷ Cốc vẫn không ra thì sao? Đến lần thứ ba, Bàn Quyên không cần mời nữa, bèn dùng cái kế "đốt động", Quyên bộc lộ hết cái ác tâm của mình. Quả thật, ngày sau do ghét Tôn Tẫn, Quyên đã đục lấy bánh xương chè của Tôn Tẫn. Quyên đã lừa thầy hại bạn.

Tôn Tẫn không nghĩ đến chuyện xa vời, chỉ lấy sự thật làm kế (vì không kế nào hay bằng sự thật, không có bí mật nào kín bằng công khai). Bạc Tôn sư như Quỷ Cốc cũng phải mắc mẹo này.

Tôn Tẫn ngày sau làm quân sư cho Tề hai lần đánh bại quân Ngụy do Bàn Quyên chỉ huy. Cuối cùng Bàn Quyên tự sát ở Mã Lăng. Qua cuộc thử trí trên đây, ta có thể đoán được tâm hồn của mỗi người.

21. TÊ TƯỚNG ÁN ANH, QUÝ TRỌNG VỢ

Án Anh có nhiều công trạng đối với nước Tê, Tê Cảnh công tặng áo hồ cừ, phong thực ấp... An Anh nhất mực từ chối. Cảnh Công thấy một người đàn bà liền hỏi:

- Có phải là nội tử của quan Tê Tướng đó không?

Án Anh đáp:

- Bẩm phải!

Cảnh Công cười bảo:

- Bà nhà đã già mà còn xấu nữa. Ta có một ái nữ có thể cho Tê Tướng được.

Án Anh chấp tay nói:

- Lúc trẻ người ta lấy mình là mong rằng lúc già có thể nhờ cậy được. Vợ tôi tuy già xấu nhưng tôi vẫn quý trọng, không dám phụ.

Tê Cảnh Công rất kính phục Án Anh.

LỜI BÀN:

Nhân gian chuyện một chồng một vợ từ thuở cưới nhau đến răng long bạc tóc là chuyện bình thường. Nhưng trong đám quan lại ngày xưa mà bàn việc một chồng một vợ thì hiếm lắm. Hồi xưa có câu: "Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng". "Thê" là vợ chính, "Thiếp" là vợ lẽ. Nhà vua gả ái nữ cho Án Anh, đặt địa vị một người nào đó, họ cho việc ấy là vinh dự, là cao quý, nhưng Án Anh chối từ. Không có cao quý nào bằng tấm lòng đối đãi thủy chung với nhau. "Giàu đổi bạn, sang đổi vợ", thói đó đã thành "văn bản". Với thời cách đây hơn 2500 năm, Án Anh quả là một nhân vật cấp tiến. "Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng gian, uy vũ bất năng khuất". Án Anh là một trang quân tử, đáng làm gương cho mọi người.

22. HỌ CHẾT VÌ... QUẢ ĐÀO

Một hôm Lỗ Chiêu Công cùng quan đại phu Thúc Tôn Nhược qua thăm Tề Cảnh Công bày tiệc chiêu đãi. Bọn Tam Kiệt (ba dũng sĩ nổi tiếng đó là Công Tôn Tiệp, Cổ Giả Tử, Điền Khai Cư) chống kiếm đứng hầu dưới thềm, có ý kiêu ngạo.

Nguyên ba người này vốn có sức mạnh lại có công lớn, thường hay ý mình nên kiêu ngạo với bá quan. Ba tên đó liên kết với nhau, lại còn liên kết một số cường thần trong triều có ý bất hảo. Từ lâu Án Anh muốn trừ chúng mà chưa có dịp.

Nhân dịp này Án Anh tâu:

- Nay vườn kim đào đã có quả chín, xin chúa công cho trẩy để chúc thọ hai vua.

Nhà vua sai người đi hái, Án Anh theo giám sát. Một lúc Án Anh đem đào vào, nói:

- Giống đào quý này có tên là "Vạn thọ Kim Đào", còn gọi là Bàn Đào. Nguồn gốc nó ở Độ Sách Sơn ngoài biển, trồng đã ba mươi năm, từng ra hoa mà chưa từng kết trái. May sao năm nay được lứa đầu tiên. Toàn cây đào có chín quả, chỉ có sáu quả chín, tôi hái vào đây.

Án Anh dâng rượu và mời Lỗ Chiêu Công một quả đào. Tiếp đó Án Anh dâng rượu và mời Tề Cảnh Công một quả. Cảnh Công lại ban cho Thúc Tôn Nhược và Án Anh mỗi người một quả. Ai nấy ăn vào thấy mùi vị ngon ngọt sáng khoái.

Án Anh quay xuống các quan, nói:

- Theo lệnh chúa công truyền cho các quan, quan nào thấy mình có nhiều công trạng được phép tâu lên để lãnh đào.

Dũng sĩ Công Tôn Tiệp đứng ra nói:

- Ngày xưa chúa công đi săn bị con cọp găm chụp, tôi ra sức giết nó, cứu được chúa công, công ấy như thế nào?

Án Anh nói:

- Cái công bảo giá ấy cao ngất trời, còn gì hơn, đáng được ăn đào lắm.

Nói rồi cho Công Tôn Tiệp một quả.

Cổ Giả Tử đứng ra nói:

- Ngày xưa chúa công qua sông Hoàng Hà bị con giải yêu quái làm nổi sóng, sắp đắm thuyền hại chúa công, tôi nhảy xuống nước giết giải. Công ấy thế nào?

Tề Cảnh Công nói:

- Đó mới là cái công to lớn nhất đời. Đáng được uống rượu và ăn đào.

Án Anh cho Cổ Giả Tử uống rượu và ăn đào. Đào đã hết. Điền Khai Cương giờ bước ra nói:

- Tôi phụng mệnh chúa công đi đánh nước Từ, bắt được tướng sĩ nước Từ. Các vua Từ, Đàm, Cử cả sợ mới tôn chúa công tôi làm minh chủ. Cái công ấy có xứng đáng để được ăn đào không?

Án Anh nói:

- Công của tráng sĩ lớn gấp mười so với hai người trước, nhưng giờ đào đã hết, tạm uống chén rượu, chờ năm khác vậy.

Điền Khai nói:

- Giết hổ, chém giải chỉ là cái công vặt, còn ta xông pha dưới tên đạn, biết bao khó nhọc, thế mà không được ăn đào, chịu nhục trước mặt hai vua, để tiếng cười về sau, còn mặt mũi nào sống nữa.

Nói rồi rút gươm tự vẫn.

Công Tôn Tiệp giật mình nói lớn:

- Công ta nhỏ mọn mà được ăn đào, không nhường cho bạn sao gọi là liêm, không chết theo bạn sao gọi là dũng?

Công Tôn Tiệp cũng đâm cổ chết theo.

Cổ Giả Tử la lên:

- Ba ta đã kết nghĩa với nhau. Nay hai bạn đã chết rồi, ta sống làm gì?

Nói rồi cũng tự sát.

LỜI BÀN:

Các dũng sĩ ấy thường cho mình là đại dũng sĩ nên nặng chất háo danh, khinh sinh. Công trạng của ba người, chỉ có Điền Khai Cương là vì dân vì nước nhiều hơn, có tính chất là "vị tướng quân của triều đình" hơn hẳn hai người kia. Cương nói sau nên không được ăn đào, vì tự ái mà đâm ra hổ thẹn, dẫn đến tự sát. Hai dũng sĩ còn lại cảm thấy hổ thẹn thật sự, nên cũng tự sát theo. Đây là Án Anh nghiên cứu cách trừ họ. Thực ra nếu Án Anh không muốn giết họ, thì cứ bỏ đôi quả đào cho mỗi người một nửa và uống chung rượu. Giải thích cặn kẽ, thì không đến nỗi cái chết đã xảy ra. Bọn Tam Kiệt ngày thường hay tự hào thành tích và sức lực mình, liên kết với đám Lương Khâu Cứ, Trần Vô Vũ là những kẻ quỷ quyệt, chuyên ném đá giấu tay. Tam Kiệt khinh miệt bá quan. Bọn họ có thói vũ phu nhưng không thâm độc như hai ông quan trên đây. Tuy vậy nếu để chúng sống dai cũng bất lợi cho triều đình. Mẹo của Án Anh giết họ rất kín đáo và nhẹ nhàng, không ai bắt bẻ được.

23. THẾ NÀO LÀ CÔNG PHÁP BẤT VỊ THÂN

Nước Tấn, nước Yên nghe tin Tam Kiệt của Tề đã chết, liền đem quân đánh sâu vào đất Tề, quân Tề nhiều phen thảm bại. Trước đây Ân Anh nhiều lần tiến cử lên vua bậc hiền tài Điền Nhương Thư, nhưng Cảnh Công vẫn không đoái hoài đến. Giờ đất nước có nguy biến, Cảnh Công mới biết sợ, sai Ân Anh mang lễ vật đến Đông Hải rước Điền Nhương Thư về triều. Điền Nhương Thư giảng giải binh pháp cho Tề Cảnh Công nghe, Cảnh Công rất phục ông, bèn phong làm Đại Tư Mã thống lãnh quân đội, đem quân dẹp giặc. Điền Nhương Thư nói:

- Thần xuất thân từ chôn dân dã, nay chúa công giao binh quyền, chức tước đứng trên bá quan, e rằng lòng người không phục. Xin chúa công chọn cho một người mà trong nước ai cũng kính trọng để làm giám quân, có vậy hiệu lệnh của thần mới thi hành được.

Tề Cảnh Công chọn quan đại phu Trang Giả làm giám quân. Điền Nhương Thư bảo Trang Giả:

- Giờ Ngọ ngày mai lúc mặt trời đứng bóng, cầm cây gỗ để xem giờ.

Quá Ngọ mà Trang Giả vẫn chưa đến. Nhương Thư chặt gãy cột, bước lên đài ban hiệu lệnh. Mãi đến chiều Trang Giả ngất ngưỡng đến. Nhương Thư hỏi:

- Có gì quan giám quân bây giờ mới đến?

Trang Giả cậy mình được vua yêu, nên vẻ mặt kiêu ngạo, đáp:

- Họ hàng thân hữu bày tiệc tiễn hành nên đến chậm.

Điền Nhương Thư nói:

- Đạo làm tướng khi đã thụ mệnh vua thì phải quên nhà, khi xông trận thì phải quên mình. Nay nước nhà có giặc xâm lấn, chúa công lo lắng đem việc quân ủy thác cho hai ta, thế mà ông vì chén rượu mà quên phận sự.

Trang Giả vẫn tự đắc nói:

- Giờ còn kịp chán, nguyên soái bất tất phải lăm lờ!

Điền Nhương Thư hỏi chức Quân chính:

- Làm tướng đến trễ, phạm vào điểm nào?

Quân chính nói:

- Quân phạm! Chém!

Điền Nhương Thư thét võ sĩ trói Trang Giả lại đem ra quân môn xử tử. Ba quân khiếp vía. Kẻ thân tín của Trang Giả vội chạy về phi báo với Cảnh Công. Tề Cảnh Công cả sợ sai Lương Khâu Cứ cầm cờ tiết đến xin Điền Nhương Thư tha tội cho Trang Giả. Cứ giục xe vào quân môn thì Trang Giả bị chém rồi.

Điền Nhương Thư lại hỏi Quân Chính:

- Tội giục xe vào quân môn như thế nào?

- Cũng phải chém!

Điền Nhương Thư nói:

- Lý ra phải chém. Nhưng Lương Đại Phu có cờ tiết của chúa công, nên miễn cho tội chết.

Nói rồi truyền chém đầu ngựa và đập bể xe. Các tướng ai nấy xanh mặt. Nhương Thư ra quân, Tấn, Yên không kịp giao tranh bỏ chạy về nước, Nhương Thư truyền quân đuổi theo chém hơn vạn đầu giặc. Nước Tấn, nước Yên sai sứ sang giảng hòa.

LỜI BÀN:

Điền Nhương Thư là hình ảnh mẫu mực của vị tướng lãnh. Và loại người như Trang Giả cũng là hình ảnh của người cửa quyền cậy thân ỷ thế. Đất nước đang bị chiến loạn, đám con ông

cháu cha đã không chút bận tâm lo lắng lại còn cản trở công việc của những người có tấm lòng vì nước vì dân.

Từ khi loài người biết thiết lập một nền hành chánh thì họ cũng đã có những khẩu hiệu như: "Chí công vô tư", "Công minh liêm chính", "Vị quốc vong thân"... Đại quân đã định giờ lên đường trừ giặc, ấy vậy mà phải đình lại để chờ một người đang bận "nhậu" là nghĩa gì? Một quân đội hùng cường là quân đội có luật pháp nghiêm minh, ba quân tin và nể trọng tướng lĩnh.

Hồi Tôn Vũ luyện quân ở Ngô, dẫu là đội nữ binh điển hình hợp hoàn toàn những cung nữ, hai viên đội trưởng nghĩ mình là cung nga được vua yêu, coi thường quân luật, vẫn bị Tôn Vũ giết như thường. Viên giám quân Ân Cái của Lưu Bang trong buổi Hàn Tín duyệt binh cho mình là kẻ thân tín không chịu chấp hành quân luật, cũng bị Hàn Tín chém đầu.

Bao giờ đất nước hết nạn của quyền, bè phái, dựa dẫm thì lúc đó luật pháp mới được thượng tôn, đất nước mới thực sự hùng cường và tiên bộ. Tư Mã Nương Thư là vị tướng lãnh tiêu biểu vậy.

Nương Thư viết để lại cho đời bộ "Tư Mã Binh Pháp" là một trong bảy bộ binh thư có giá trị của Trung Hoa.

24. VÔ CỐ HẠI NGƯỜI LÀ CÁI CỐ TỰ HẠI MÌNH

Tên Phí Vô Cực của nước Sở trước đây đã từng hại quan Lệnh Doãn Đẩu Thành Nhiên, gia đình Thái Tử Kiến, gia đình Ngũ Xa (cha của Ngũ Tử Tư). Giờ hần muốn hại đến gia đình Bá Khước Uyển. Bá Khước Uyển nổi tiếng là người hiền của nước Sở. Phí Vô Cực đâm ra cay ghét. Hần lập mưu cùng Yên Tương Sư vu khống cho Bá Khước Uyển lập mưu giết quan Lệnh Doãn Nang Ngõa.

Nang Ngõa là người không có trí, nghe vậ cho người tới nhà họ Bá tra xét, quả thấy có đồ giáp binh của của Bá Khước Uyển đang bày biện bên trong, còn bên ngoài đang bày tiệc linh đình mời Nang Ngõa đến dự theo lời dặn của Phí Vô Cực. Người khám về báo lại. Nang Ngõa nổi giận tức tốc kéo binh đến vây nhà Bá Khước Uyển. Khước Uyển biết mình làm kẻ độc của Phí Vô Cực, nên tự sát. Nang Ngõa lệnh cho dân chúng phóng lửa đốt nhà Bá Khước Uyển. Dân chúng không ai chịu phóng lửa. Lão hãm giết. Người ta đành bóp bụng ném lửa vào đốt nhà. Người nhà Bá Khước Uyển chạy ra, lão giết sạch. Phí Vô Cực lấy làm hả hê. Một đêm lão nghe có tiếng hát đây đó:

"Tội cho Bá Khước, trung mà bị hàm oan,

Thân đã uổng mà xương cũng tan.

Lệnh Doãn Nang Ngõa trơ như gỗ,

Trời có linh báo ứng liền liền..."

Nang Ngõa sinh nghi mới dẫn lính đi dò xét thì thấy nhà nào cũng có hương khói thờ cúng Bá Khước Uyển. Nang Ngõa phân vân mới hỏi các quan có uy tín như Công tử Thân Thẩm Doãn

Thú... Họ đều nói: "Bá Khước Uyển chết oan. Người trong nước ai cũng oán Phí Vô Cực và Yên Tương Sư". Nang Ngõa sợ hãi nói:

- Thật là lỗi lớn của tôi. Xin Thẩm Tư Mã giúp tôi một tay trừ hai thằng giặc đó.

Thẩm Doãn Thú nhận lời. Doãn Thú sai người tuyên cáo với dân chúng rằng: Bá Khước Uyển bị thác oan do Phí Vô Cực và Yên Tương Sư.

Dân chúng hưởng ứng rầm rộ, cầm vũ khí vây nhà Phí Vô Cực và Yên Tương Sư, bắt hai tên đó ra chém bêu đầu. Dân chúng tự động phóng hỏa đốt nhà Phí Vô Cực và Yên Tương Sư, giết hết tộc đảng của chúng. Ai nấy đều hả lòng.

LỜI BÀN:

Một người, lắm khi có sở thích lâu dài biến thành một thứ bệnh tật. Có vô số bệnh tật lạ lùng.

Tên xiêm thần Phí Vô Cực có lẽ mang chứng bệnh "hại người hiền". Trong vòng hai mươi năm ở Sở, hắn hại không biết bao nhiêu là người hiền, dù các nhân vật đó đang cách xa hắn cả ngàn dặm (như cha con Ngũ Xa), họ không hề gây ân oán gì với hắn. Nếu hắn không mắc chứng quái bệnh đó thì không có lý do gì giải thích. Đành rằng, có những nhân vật gọi là "nịnh thần", hắn muốn hại ai khi nhắm rằng người ấy làm hại đến quyền lợi, uy tín hoặc sinh mạng hắn. Tên Phí Vô Cực trước đây từng hại Đâu Thành Thiên, Ngũ Xa, rồi đến hai con Ngũ Xa, Thái tử Kiến... Lâu dần đâm ra nghiện "hại người".

Bá Khước Uyển hay Dương Lập Trung không hề động chạm gì đến hắn, hắn cũng giết hại được, người ta thấy hắn như thấy thần chết, hay một con rắn độc, nên họ hợp sức trừ mối hại đó đi!

Đến cuối đời Chiến Quốc, nước Sở còn có những tên như Ngạn Thượng, công tử Lan, Hùng Phụ Sô cũng cùng một chứng

bệnh như vậy. Những tên đó không bao giờ có được một cái chết như người bình thường. Bọn chúng đầy nhan nhản ở mọi triều đại. Nói chung những người có tâm địa độc ác, có máu hại người, thường họ tự tạo cho mình cái nguyên nhân dẫn đến sự chết thảm.

Ngày nay loài người tiên bộ, pháp luật nghiêm minh, những việc phi nhân ấy thấy đã giảm đi nhiều lắm.

25. MỘT BÀ HOÀNG GIỮ TIẾT VÀ MỘT BÀ HOÀNG THẤT TIẾT

Ngô Vương Hạp Lư xâm chiếm được nước Sở. Sở Chiêu Vương (con út Sở Bình Vương) cùng bá quan bỏ chạy không kịp mang theo Thái hậu và Hoàng hậu (Thái hậu là mẹ Chiêu Vương, tức vợ của Bình Vương; Hoàng hậu là vợ Chiêu Vương). Bộ hạ của Hạp Lư lòng bất được Sở Chiêu Hậu. Vua Hạp Lư bắt bà phải "hầu". Đêm ấy vua Hạp Lư ngủ trong cung với Sở Chiêu Hậu.

Hôm sau có người nói với Hạp Lư:

- Nàng Bá Doanh đáng lý là vợ của Thê tử Kiên, không ngờ Sở Bình Vương vô đạo thấy nàng nhan sắc nguyệt thẹn hoa nhường liền đoạt lấy.

Bá Doanh tức là Thái Hậu của nước Sở. Nhan sắc bà hiện giờ vẫn mặn mà. Vua Hạp Lư thích quá, sai người đi gọi bà đến hầu. Bà Bá Doanh không chịu ra khỏi cửa.

Vua Hạp Lư sai người đến bắt. Bà Bá Doanh vẫn đóng kín cửa, cầm kiếm gõ vào cửa mà nói:

- Ta nghe, ông vua là tiêu biểu cho một nước. Nay nhà vua bày việc vô đạo. Kẻ vị vong này thà đâm cổ mà chết, quyết không chịu theo tên hôn quân đó!

Vua Hạp Lư hổ thẹn xin lỗi và cấm ngặt mọi chuyện đòi bái ở Hoàng cung.

LỜI BÀN:

Ngô Hạp Lư đại thắng quân Sở, vua Sở bôn đào. Dân Sở nhốn nháo. Nước Sở hiện giờ nằm trong cảnh đầu rơi máu đổ. Quyền sinh sát hiện giờ nằm trong tay vua quan nước Ngô.

Đêm trước vua Hạp Lư bắt Sở Chiêu Hậu "hầu" mình (hầu, ngôn ngữ lịch sự, thật ra vua Hạp Lư "lấy" Chiêu hậu). Có lẽ Chiêu Hậu không dám phản đối. "Không dám phản đối" đồng nghĩa với "không phản đối", tức là bằng lòng. Sở Chiêu Hậu đã thất tiết!

Đêm hôm sau Hạp Lư lại sai nội thị đưa Sở Bình Hậu đến. Bà không đến, lại còn chửi Hạp Lư là hôn quân. Bà sẵn sàng chết để giữ phẩm tiết. Trước sự kiên cường đó vua Hạp Lư hồi tâm.

Trước đây bà Bá Doanh bị cha chồng cưỡng đoạt, chắc chắn bà Bá Doanh biết được và đau lòng lắm. Nếu ai có chút từ tâm, hay có máu nghĩa hiệp, không nên làm cho bà đau lòng một lần nữa. Lời bình của tác giả Ngô Nguyên Phi trong bộ "Khảo luận về thời Đại Xuân Thu Chiến Quốc".

"Ông vua được nước đổi diện với hai bà Hoàng hậu mất nước, một bà thì ưng thuận, một bà thì phản đối, thì phải hiểu rằng kẻ ưng thuận kia là tiêu biểu cho sự mất nước, người phản đối đó là linh hồn của đất nước. Quốc gia có tồn tại hay không là ở những người có phẩm tiết này. Kẻ chiến thắng biết giữ sĩ diện cho kẻ chiến bại là một chiến thắng toàn diện".

26. KHÔNG TỬ VÀ CUỘC HÒA HỘI LỖ TỀ

Tề Cảnh Công gửi thư mời Định Công nước Lỗ hội họp ở Giáp Cốc để bàn việc giảng hòa. Lỗ Định Công chọn Không Tử làm tướng để đi hội họp. Không Tử nói:

- Đã có văn thì phải có võ, không thể thiếu một được. Xin chúa công sai quan Tư Mã đem quân đi theo.

Lê Di là đại phu nước Tề mưu kế xảo quyết (thay chức cho Lư Khâu Cú) bàn với Tề Cảnh Công:

- Mai khai hội chúa công nên cho tấu nhạc Đông Di. Lại cho 300 quân Đông Di giả làm nhạc công, nhân đó mà bắt vua quan nước Lỗ. Còn thân đem quân đánh đuổi quân Lỗ đóng bên ngoài lề đài.

Tề Cảnh Công nghe theo. Việc này vua Tề không cho Án Anh biết.

Ngày hòa hội, hai vua Tề, Lỗ gặp nhau trên đài. Tướng lễ của hai nước Án Anh và Không Tử cũng gặp nhau. Hai bên chào hỏi nhau theo nghi lễ.

Tề Cảnh Công truyền đội nhạc Đông Di lên đài. Cả 300 tên cầm vũ mao kiếm kích lên đài miệng hét lý lô. Lỗ Định Công cả sợ. Liền đó, Không Tử tiến tới trước mặt Cảnh Công nói:

- Hai nước hội nhau để tỏ lòng giao hảo, nên dùng lễ nhạc Trung Hoa mới phải, sao nhà vua lại dùng thứ nhạc mọi rợ?

Án Anh không biết đó là kế của Lê Di, nên cũng nói:

- Lời Không Khâu nói đúng, xin chúa công bỏ nhạc ấy đi!

Tề Cảnh Công cả thẹn truyền đội nhạc rợ lui xuống. Lê Di ở dưới cả giận, kêu đội nhạc nước Tề dấn lại:

- Hễ khi hai vua và các quan dùng tiệc, các người đồng thanh hát bài "Tệ Cầu" và cho hòa nhạc.

Lê Di truyền đội nhạc lên đài, phường nhạc nhảy múa và hát những điệu dân loan. Khổng Tử nhìn Tề Cảnh Công nói:

- Những đứa thất phu dám cợt nhả vua chư hầu. Xin nhà vua sai Tư Mã nước Tề đem phép nước ra trị chúng.

Tề Cảnh Công làm thính, cho qua. Bọn con hát càng làm già tới. Khổng Tử nhìn xuống đài vẫy quan Tư Mã nước Lỗ bắt hai đứa nhạc trưởng đem xuống chém đầu. Đám nhạc sợ hãi bỏ chạy.

Khổng Tử nói:

- Hai nước đã giao hảo với nhau như anh em, thì Tư Mã của nước Lỗ cũng như Tư Mã của nước Tề.

Nói rồi vua quan nước Lỗ ra về. Ân Anh nói với Tề Cảnh Công:

- Cuộc hòa hội này nước Tề đã thất lễ với Lỗ. Vậy thì hãy dùng thành tâm mà tạ lỗi, bằng cách đem rượu Ván Dương trả lại cho Lỗ. Tề Cảnh Công nghe theo.

LỜI BÀN:

Đoạn này có mấy phần chính:

- Khổng Tử nói: "Đã có văn thì phải có võ". Ý ông muốn nói, văn và võ phải song hành. Người đời xưa nói: "Tất tiên năng chiến, hậu năng hòa". Ý nghĩa thực tiễn của nó là trước nhất mình phải đủ khả năng chiến đấu, lúc đó bàn đến chuyện hòa, đối phương mới nghe. Nếu lực lượng đôi bên không cân sức, thì hiệp ước hòa bình sẽ là hiệp ước bất bình đẳng.

- Nhạc trong vấn đề ngoại giao là nhạc trong nghi lễ. Điều ấy người Trung Hoa đã có trước đó hai ngàn năm. Và hôm nay mọi quốc gia trên thế giới cũng đều như vậy. Phần nhạc trong nghi lễ được xem là công pháp quốc tế. Tên Lê Di hiểm độc nhưng lại ngu

dốt, vậy mà Tề Cảnh Công lại đi nghe theo lời hấn, chỉ làm trò cười cho vua quan nước Lỗ và người dân hai nước mà thôi.

- "Tệ Cầu" là một bài dân ca rất phổ biến trong nước Tề và nước Lỗ cũng nhiều người biết. Nguyên nhân của nó là, nàng Tề Văn Khương (công nữ nước Tề) trước đây là loạn dâm với anh ruột là Chư Nhi, sau gả nàng cho công tử nước Lỗ nàng vẫn còn thông dâm với anh ruột, xúi anh ruột giết chồng mình, rồi cả hai cùng truy hoan ở nơi biên giới hai nước. Dân Tề thấy giận và thẹn bèn đặt ra bài "Tệ Cầu" (Tệ như chó), thế mà Lê Di không biết nhục, Tề Cảnh Công không biết hổ thẹn còn bêu cái xấu của mình ra. Ngu dốt mà lên làm vua, ít nhất phải được vài ông quan giỏi và chân chính mới che đỡ nổi.

27. CÁCH HỐI LỘ VÀ NHẬN HỐI LỘ CỦA NGƯỜI XUA

Vua Ngô Phù Sai đem binh đi đánh nước Việt để báo thù cho vua Hạp Lư. Nước Việt bị đánh phá tới bờ. Việt Vương Câu Tiễn đánh không lại phần uất muốn tự sát. Đại phu Văn Chủng đề nghị với Câu Tiễn nên hòa. Câu Tiễn không còn cách nào khác đành nghe lời cầu may. Văn Chủng đi sứ sang trại Ngô, đến nơi đi bằng hai đầu gối vào, trình bày mọi điều mọi lẽ. Ngô Phù Sai động lòng muốn cho hòa, nhưng Tể tướng Ngũ Tử Tư nói:

- Trời đem nước Việt cho Ngô mà đại vương không nhận là trời phạt đó!

Phù Sai liền đuổi Văn Chủng về. Câu Tiễn nghe lời Văn Chủng thuật lại, uất khí xông lên, muốn đem giết hết vợ con, đốt kho tàng châu báu rồi dẫn năm ngàn tinh binh xông vào đánh liều một trận. Văn Chủng ngăn lại, nói:

- Tôi nghe Thái tổ nước Ngô là Bá Phỉ tham lam hiếu sắc. Để tôi qua dinh Bá Phỉ dâng lễ vật nói hấn xem sao!

Vua Việt Câu Tiễn cho chọn một số mỹ nữ và báu vật đem sang dinh Bá Phỉ, vào yết kiến, Bá Phỉ cho người dò xét thấy lễ vật rất nhiều liền cho vào... Văn Chủng bày lễ vật lên bàn nói:

- Chúa công tôi có tội với quý quốc, nay biết lỗi, nguyện đem cả nước làm tôi cho Ngô. Nay có vật mọn dâng ngài, nhờ ngài nói dùm bề trên một lời. Sẽ còn nhiều ân nghĩa về sau.

Bá Phỉ làm mặt giận mắng:

- Nước Việt ngươi sẽ bị tiêu diệt trong phút giây, lúc đó cái gì của Việt không thuộc về Ngô? Ngươi dám đem chút ít vật mọn này qua nhem ta đây à?

Văn Chủng nghiêm sắc mặt nói:

- Nước Việt tôi thua, nhưng hiện nay vẫn còn hơn năm ngàn binh tinh nhuệ ở Cối Khê, và một khối dân mấy trăm vạn lòng quyết tử thề quyết đánh một trận lớn, may được thì không cần bàn, còn thua, vua tôi đốt hết kho tàng, rồi chạy ra nước ngoài cầu viện, chưa chắc Việt đã thuộc về Ngô, và lúc đó ngài muốn riêng một vật quý gì cũng không có!

Bá Phi đứng lên nói:

- Đại phu không sang dinh Tướng quốc (chỉ Ngũ Tử Tư) mà lại sang đây là đã biết tôi có ý tốt muốn giúp người. Sáng mai tôi sẽ đưa đại phu vào yết kiến nhà vua.

Bá Phi thu nhận lễ vật và mỹ nữ, bày tiệc khoản đãi. Hôm sau, Bá Phi dùng những mỹ ngôn xui vua Phù Sai cho vua Việt đầu hàng...

LỜI BÀN:

Bá Phi là con của Bá Khước Uyển trước đây bị Nang Ngõa giết vì nghe theo lời dèm pha của Phí Vô Cực, hấn chạy sang Ngô, Ngũ Tử Tư cảm cảnh, xin vua Ngô cho hấn làm quan, không ngờ càng ngày hấn càng giống Phí Vô Cực.

Trước khi Bá Phi cho Văn Chung vào, hấn đã cho người quan sát lễ vật nhiều hay ít. thấy lễ vật nhiều hấn còn mở lời hăm dọa, có ý muốn vùi thêm nữa. Văn Chung quá hiểu thuật ăn hối lộ của những tên tham quan chuyên nghiệp, nên mới nói cứng với lời lẽ quả quyết. Bá Phi cũng biết, nếu không nhận bây giờ thì mai này nếu nước Ngô chiếm được nước Việt, thì tài sản kia sẽ sung công hấn sẽ không được gì.

Những tay hối lộ chuyên nghiệp, ngôn ngữ có lúc nhọn như mũi tên, có lúc ngọt như mật, nhưng cuối cùng cũng chỉ là những mảnh khóc lừa đảo. Ai thiệt thòi mặc ai, riêng nhà chúng bạc lót đường, vàng lót ngõ, đất nước suy sụp thì chúng ôm vàng ra nước ngoài.

Những kẻ ăn hôi lộ quên suy tính một điều, khi chết hẳn không được hưởng một đồng nào của thế gian!

Bá Phi nhận hôi lộ rồi, thì phải ra sức "bảo kê" cho vua Việt, tính trăm mưu ngàn kế để hại Ngũ Tử Tư và những bậc trung nghĩa của nước Ngô. Kết quả sau bảy năm, Việt Vương Câu Tiễn đánh bại nước Ngô, Phù Sai tự vẫn, Câu Tiễn tru diệt cả dòng họ Bá Phi.

28. TÂM LÒNG QUẦN THẦN NƯỚC BẠI TRẬN

Trước khi vợ chồng Việt Vương Câu Tiễn từ biệt quần thần nước Việt để sang Ngô làm con tin. Câu Tiễn khóc với các quan:

- Tình thế buộc ta phải về Ngô, ta đành giao nước nhà lại cho các khanh, chớ phụ tấm lòng trông cậy của ta.

Phạm Lãi nói:

- Việc nội trị Lãi không bằng Văn Chủng, nhưng xông pha trận mạc, ứng biến bên ngoài thì Văn Chủng không bằng Lãi tôi. Tôi xin theo chúa công.

Văn Chủng nói:

- Lời của Phạm tướng công nói rất có lý. Tôi ở nhà ra sức chăm lo việc nước.

Quan thái tử Khô Hành nói:

- Truyền mệnh lệnh để tỏ đức của Đại Vương, khiến dân biết an phận là việc của tôi.

Quan Tư mã Gia Kế Dĩnh nói:

- Chiêu mộ tân binh, luyện tập sĩ tốt, chấn chỉnh quân đội là nhiệm vụ của tôi.

Quan tư nông là Cao Như nói:

- Dạy dân chúng cày ruộng tiết kiệm tài sản là nhiệm vụ của Cao Như này.

Quan Thái sự Kế Nghê nói:

- Thiên văn địa lý, mở mang văn hóa... tôi xin đảm nhận.

...

Câu Tiễn lấy làm cảm động nói:

- Thế là ta yên tâm rồi!
Vua tôi chia tay tại Cổ Lãng.

LỜI BÀN:

Cuộc chia tay này rất bi khái. Cái lạ ở đây, trên đất Việt hiện nay không có vua, lại cũng không có quân Ngô chiếm đóng. Người ta thường nói: "Nước một ngày không thế không vua", thế mà trong ba năm đằng đẳng nước Việt vẫn vắng bóng vua, tịch mịch làm sao! Dân Việt vẫn sống yên ổn trong sự chăm lo của các quan. Muốn được cảnh đó, ít ra các quan phải yêu thương đùm bọc cùng nhau xây dựng, và nhất là trong thâm tâm mỗi người đều hình dung họ có một ông vua hết mực nhân ái đang cùng họ chăm lo cho dân.

Một triều đình không có vua, các quan chia nhau mỗi người một việc để trị cho dân, dạy dân cùng nhau giữ gìn kỷ cương xã tắc. Binh bị, kinh tế giáo dục, pháp luật... Họ đều không bê trễ. Tất cả đều sống một cách tin tưởng và đều hướng đến một cuộc chuẩn bị vĩ đại cho ngày mai.

Trong suốt lịch sử, ta chưa thấy một quốc gia nào có một tình trạng lạ lùng như thời đó. Nước không vua mà vẫn không loạn. Trong bộ sử ký của Tư Mã Thiên (một sử gia vĩ đại của Hán sau này) dành một chương nói về Câu Tiễn: "Việt Câu Tiễn Thế Gia".

29. CUỘC CHUẨN BỊ VĨ ĐẠI HAY LÀ NGHỆ THUẬT CHÍNH TRỊ CỦA CÂU TIỀN

Câu Tiên ở Ngô ba năm có bậc hiền tài là Phạm Lãi giúp sức, vua tôi là những tù nhân của Ngô chịu muôn ngàn cay đắng, nay được vua Ngô tha về. Câu Tiên về lại Cối Khê, trăm quan ra đón, vua tôi gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Câu Tiên then sự bại nhục của mình liền quyết chí canh tân đất nước và trả mối thù vong quốc đó.

Phạm Lãi xây lại thành Cối Khê thật kiên cố rộng trên 50 dặm, bọc cả núi Cối Khê vào bên trong, mặt Đông Bắc thành cửa trống, phao tin đó là con đường đi công (thật ra đó là con đường chiến lược để ngày sau tiến binh diệt Ngô).

Câu Tiên cho tuyển tân binh, luyện quân đội, nuôi già, dạy trẻ, cứu nghèo trăm họ yên vui. Câu Tiên sợ mình quên đi cái thù nước Ngô nên treo quả mật bên cạnh chỗ ngồi, thỉnh thoảng nếm vào để nghe vị đắng của nó mà nhớ! Tự tay ông thảo Bộ luật Hôn Nhân: "Thanh niên không được lấy vợ già. Ông già không được lấy vợ trẻ. Trai hai mươi tuổi không chịu cưới vợ, gái mười bảy tuổi không chịu lấy chồng thì bắt tội cha mẹ. Đàn bà gần đến ngày sinh phải báo cho quan biết, quan sai lương y đến nhà chăm sóc (nếu sinh nam thì thưởng bầu rượu và con chó, sinh gái thì được thưởng bầu rượu và con heo). Sinh ba con trở lên, quan nuôi hai, gia đình chỉ nuôi một".

Vua nghe nhà nào có người chết thì thân hành đi đám ma. Mỗi khi đi đâu vua cũng mang theo cơm, hễ gặp trẻ nhỏ thì cho ăn, hỏi tên và làm quen với nó. Đến ngày mùa, vua vẫn cày bừa trông rọt, còn phu nhân thì dệt cửi, may vá, ăn mặc tiết kiệm, miễn thuế cho dân trong bảy năm. Vua không quên đem lễ vật viếng

thăm vua Ngô (để Ngô khỏi nghi). Vua Ngô tin tâm lòng thành của Câu Tiễn nên phong thêm đất cho Việt rộng hơn 800 dặm.

Bên Ngô, Phù Sai nghe lời Bá Phi cho xây Đài Cô Tô thật nguy nga tráng lệ. Vua Ngô yết bảng: "Cần tìm thứ gỗ quý". Văn Chủng nghe được liền vào báo với Câu Tiễn:

- Thần có 7 kế phá Ngô: 1) Chịu tổn tài vật để vua tôi nước Ngô khỏi nghi. 2) Xuất của kho mua lúa và cỏ để Ngô thiếu lương thực cho người, thiếu cỏ cho ngựa. 3) Chọn mỹ nữ dâng vua Ngô để mua hoặc. 4) Chọn thợ khéo và gỗ tốt cho vua Ngô xây lâu đài. 5) Ngâm vận động kẻ gian thần của Ngô làm nước Ngô rối loạn. 6) Ly gián trung thần để Ngô suy. 7) Tích của, luyện quân chuẩn bị đánh Ngô.

Câu Tiễn nghe theo bảy điều đó. Nhà vua ra lệnh cho người vào rừng tìm hai cây gỗ quý gọi là Thần mộc, lớn hai mươi ôm, cao 50 trượng cho người đem sang nước Ngô biếu, vua Ngô rất mừng. Vua Ngô truyền xẻ gỗ cất lâu đài Cô Tô cao 300 trượng rộng 84 trượng. Trèo lên đài trông xa 200 dặm! Trăm họ lao dịch ngày đêm suốt năm năm chết rất nhiều.

Câu Tiễn cho người tìm được hai mỹ nhân là Trịnh Đán và Tây Thi (Tây Thi là một trong tứ đại mỹ nhân của lịch sử Trung Hoa), mọi người tranh nhau đi xem người đẹp. Ai muốn xem thì bỏ vào công quỹ một đồng. Trong ba ngày số tiền thu đầy kho. Các đại nhạc sư chuyên cần dạy hai người biết múa hát, rồi đem dâng lên vua Ngô. Câu Tiễn cho người sang Ngô vay lúa về phát không cho dân, năm sau ông chọn giống lúa tốt đem lược đi, rồi phơi thật khô trả lại cho vua Ngô. Vua Ngô thấy giống tốt cho trăm họ gieo giống đó, lúa không mọc, nước Ngô mất mùa, Ngũ Tử Tư ra sức khuyên can những điều thất chính của vua Ngô, nhưng vua không nghe, cũng bởi bị Bá Phi bịt mắt.

Câu Tiễn cho người rước người Xử Nữ ở Nam Lâm về dạy kiếm cho quân đội Việt. Bà dạy trong một năm, phép đánh kiếm của quân Việt thành thực. Câu Tiễn cho rước cung sư Trần Âm về dạy cung pháp cho quân đội. Quân đội nước Việt thành hùng

cường vào cuối thời Xuân Thu... không bao lâu Việt diệt Ngô và làm bá chủ thiên hạ, dẫn chư hầu vào triều tôn Chu.

LỜI BÀN:

Đây là đoạn văn kiểu mẫu thuật lại một sự nỗ lực của một ông vua đã từng bại trận và mất nước. Về nội trị, ông soạn thảo một bộ luật mới về Hôn Nhân, cốt làm sao cho nước mau đông dân, để bù vào sự thiếu hụt dân số do chiến tranh trước đây và cũng để dự bị vào công việc quốc phòng. Ông làm gương cho mọi người chăm lo lao động, sản xuất để nước được hùng cường.

Một bản kế hoạch do Văn Chủng soạn thảo gồm bảy điều với nội dung làm giàu cho dân giàu nước mạnh và nước địch ngày càng suy thoái. Bất chấp mọi thủ đoạn, bằng cách nào mặc, lòng ông quyết đưa nước Việt lên hàng đại cường quốc.

Điều muốn nói ở đây, ông vua không còn là "đệ nhất công dân", ông tự coi mình là một thường dân như mọi người dân khác, mỗi khi ra ngoài không có tiền hô hậu ủng, không có tiệc tùng tốn kém, ông vẫn cày bừa gieo cấy, trồng trọt như một nông dân chuyên nghiệp, chứ không phải "đặt viên đá đầu tiên" để làm kiếng. Gương xây dựng nước của Câu Tiễn là một trong những hình ảnh sống động, bi tráng, oanh liệt nhất của Trung Hoa trong 25 thế kỉ qua.

30. LO TRONG VÀ LO NGOÀI (TỬ CÔNG THUYẾT KHÁCH)

Họ Trần ở nước Tề muốn đoạt nước, nhưng thấy họ Cao, họ Quốc, họ Tôn còn mạnh, nên chưa dám. Trần Hằng trù tính kế hoạch xong, vào tâu với Tề Giản Công:

- Nước Lỗ dựa vào Ngô đem binh làm nhục ta, thù ấy nay phải trả.

Tề Giản Công nghe lời, phong Quốc Thư làm đại tướng, Cao Vô Bình, Tôn Lâu làm phó, rầm rộ kéo đại binh đi đến biên giới nước Lỗ.

Bấy giờ Khổng Tử đang ở Lỗ san định các kinh Thi, Thư, nghe nước Tề kéo quân đánh Lỗ, than:

- Lỗ là tổ quốc của ta, phải cứu!

Than rồi hỏi học trò:

- Có trò nào đi ngăn quân Tề đừng đánh Lỗ, được không?

Hai đệ tử Công Tôn Long và Chuyên tôn Sư xin đi, ông kêu không được.

Tử Công nói:

- Tú con đi được không?

Khổng Tử đáp:

- Được.

Tử Công đến Văn Thủy, xin vào yết kiến Trần Hằng. Hằng biết Tử Công tên thật là Đoan Mộc Tứ là cao đồ của Khổng Tử đến đây thuyết khách cho Lỗ bèn mời vào, hỏi:

- Tiên sinh đến đây thuyết khách cho Lỗ đó chăng?

Tử Công nói:

- Tôi đến đây vì Tề chứ không phải vì Lỗ! Lỗ là nước khó đánh sao ngài lại cho đánh?

- Nước Lỗ khó đánh ở chỗ nào?

- Lỗ thành thấp, hào nông, vua yếu, quan hèn, sĩ tốt không luyện tập, vì vậy mới là khó đánh. Còn Ngô, thành cao, hào sâu, binh hùng tướng mạnh, mà lại dễ đánh!

Trần Hằng lấy làm khó chịu nói:

- Khó và dễ tiên sinh nói đảo điên mất!

Tử Công mỉm cười nói:

- Cho lui kẻ tả hữu, tôi sẽ trình bày.

Trần Hằng cho tả hữu lui ra ngoài, Tử Công nói:

- Nay tướng quốc cử binh đánh Lỗ là cốt lo "mặt trong" chứ không phải lo "mặt ngoài". Người ta thường nói: "Nước, nếu lo Mặt ngoài thì đánh nước yếu, còn lo Mặt trong thì đánh nước mạnh". Thế của ngài hôm nay không thể đồng sự với các đại thần kia được. Các vị ấy nay mà đánh Lỗ, tất phải có công. Công của họ mỗi ngày mỗi to, thì thế lực của họ mỗi ngày mỗi mạnh, còn quan Tướng quốc thì không có công gì, không nguy sao được? Còn nay quan Tướng quốc quay sang đánh Ngô, các vị đại thần ắt khổ, quyền chính trong nước thuộc về ngài.

Trần Hằng tươi ngay nét mặt nói:

- Tiên sinh hiểu ruột gan tôi lắm! Nhưng Tề lỡ đóng quân đây rồi, giờ quay sang đánh Ngô sao tiện?

Tử Công nói:

- Tôi sẽ thuyết phục Ngô đem quân đánh Tề, ngài có cơ đánh Ngô.

Nói rồi liền sang Ngô, vào yết kiến Phù Sai nói:

- Trước đây Ngô và Lỗ hợp binh đánh Tề, Tề rất căm thù Ngô. Nay Tề không dám đánh Ngô mà lại đánh Lỗ, rồi thừa thắng kéo xuống đánh Ngô, đó là chặc. Đại vương nên đánh Tề để cứu Lỗ. Lỗ là chư hầu sẽ phục ngài!

Phù Sai nói:

- Tề là nước phản phúc sớm đầu tôi đánh. Quả nhân muốn đem binh phạt Tề nhưng sợ Việt đánh úp. Giờ đánh Việt trước rồi mới đánh Tề sau.

Tử Công nói:

- Không nên! Nước Việt yếu, nước Tề mạnh. Đánh nước Việt mà tha nước Tề sao gọi là trí dũng? Nếu đại vương có ngại vua Việt, tôi sẽ bảo vua Việt đem quân theo hầu đại vương.

Trận ấy Câu Tiễn có gọi quân tham chiến, và quân Ngô đại thắng quân Tề ở Ngã Lãng.

Lời Bàn:

Đoạn này nói tài hùng biện của Tử Công. Thầy của Tử Công là Khổng Tử người nước Lỗ, mà nước Tề xâm lăng nước Lỗ nên các đệ tử vì thầy mà ra sức cứu nước Lỗ. Tử Công không dùng binh đao mà chỉ uốn ba tác lưỡi đẩy lui quân Tề đi chỗ khác.

Tử Công hiểu được tâm lý của Trần Hằng, muốn mượn tay nước ngoài trừ họ Cao, họ Quốc, họ Tôn. Ý Trần Hằng là như vậy mà khởi binh đánh nước Lỗ là quá vụng, vì đánh nước Lỗ, tất nhiên Tề phải thắng. Tề thắng thì các quan họ ấy có công, do đó Trần Hằng nghe lời Tử Công đình binh lại và không đánh nước Lỗ.

Có điều, Tử Công nói: "Lo trong thì đánh nước mạnh, lo ngoài thì đánh nước yếu". Nhưng ta nhận thấy, như nước Ngô hiện tại, không phải tình trạng lo trong mà là lo ngoài, vì Ngô muốn làm bá chủ, như thế Tử Công có mâu thuẫn không? Ta biết, Bá Phỉ là tên bạo ngược, xiểm thần. Phù Sai một mực tin dụng hẳn, nên không độc ác cũng trở thành độc ác. Tử Công ghét thói bạo ngược. Tề lại càng bạo ngược hơn nữa. Tử Công cố gài hai nước bạo ngược đánh nhau, để chúng không đủ lực hiệp đáp các nước nhỏ nữa.

31. NGƯỜI NƯỚC SỞ LÀM DẤU TRÊN THUYỀN, TÌM GƯƠM DƯỚI SÔNG

Có một người nước Sở đi thuyền trên sông. Thuyền qua những nơi phong cảnh xinh đẹp anh ta có vẻ thích lắm. Người ta cứ tưởng anh ta là người rất sành về ngoạn cảnh. Anh cười và nói huyền thuyên. Chỗ sông sâu anh ta cũng nhảy nhót, chỗ sông nông anh ta cũng khoa tay múa chân, bất ngờ thanh kiếm anh ta đeo bên hông rơi xuống nước! Anh muốn nhảy xuống sông để tìm thanh kiếm, nhưng sông sâu quá nên không dám. Anh mượn thanh kiếm người bên cạnh khắc vào be thuyền làm dấu và ghi mấy chữ "Kiếm rơi chỗ này". Thuyền tới bến, người nước Sở ấy từ chỗ làm dấu khi nãy nhảy xuống sông tìm thanh kiếm đã rơi! Người nước Sở ơi! Anh không biết thuyền trôi đi chứ kiếm không trôi sao?

LỜI BÀN:

Thanh kiếm rơi xuống sông, dù vị trí những người ngồi trên thuyền không thay đổi, nhưng thanh kiếm không hề song hành với chiếc thuyền. Người nước Sở kia vẫn không biết được điều đó. Thanh kiếm rơi trên nguồn, lặn tìm nó ở cuối nguồn! Đời nay có ai như người ấy không nhỉ!.

32. HÀ BÁ CƯỚI VỢ

Ngụy Văn Hầu sai Tây Môn Báo làm Thái Thú trấn nhậm Nghiệp Quận. Đến nơi, ông thấy cảnh tiêu điều xơ xác, dân chúng thưa thớt hết hoảng. Tây Môn Báo hỏi thăm vài người, họ bảo:

- Nghiệp Quận khổ vì Hà Bá cưới vợ!

Ông ngạc nhiên hỏi:

- Hà Bá cưới vợ ư?

- Hà Bá là thần sông Chương này. Thần rất thích vợ đẹp, mỗi năm bắt dân phải nộp một thiếu nữ nhan sắc, thần mới cho mưa thuận gió hòa. Nếu không thần sẽ cho bão lụt, dâng nước cuốn trôi nhà cửa.

Tây Môn Báo hỏi:

- Ai bày ra việc ấy?

- Bọn đồng cốt và Tam lão (Tam lão là ba ông lão già làng có uy tín, thay mặt chính quyền địa phương giải quyết việc làng). Dân làng ở đây rất sợ Hà Bá làm lũ lụt. Bọn đồng cốt, tam lão, hào trưởng bắt dân phải nộp mấy trăm quan tiền cúng Hà Bá cưới vợ. Mỗi năm chúng bắt đầu đi dạo, nhà nào có con gái thì chúng nói: "Đáng làm vợ Hà Bá". Nhiều người sợ phải nộp tiền thật nhiều cho chúng, nhà không tiền thì phải nộp con gái. Chúng chọn ngày tốt bắt kẻ xấu số kia đi tắm sạch sẽ, mặc đồ đẹp cho ngồi vào thuyền cỏ đẩy ra giữa sông. Thuyền cỏ chìm, thiếu nữ ấy cũng biệt tích. Nhiều người không tiền đành trốn đi. Nghiệp Quận ngày càng thưa dân.

Tây Môn Báo nói:

- Hà Bá đã thiêng như vậy, thì hôm nào tới ngày Hà Bá lấy vợ cho ta biết để hợp sức mà cầu.

Đến ngày đó Tây Môn Báo mặc triều phục ra bờ sông, thấy hào trưởng, đồng cốt, tam lão và dân chúng cả ngàn kéo đến xem. Bọn tam lão đưa một bà đồng cốt đến, vẻ mặt cực kỳ kiêu ngạo, theo sau chừng hai chục đệ tử, trang phục cực kỳ diêm dúa.

Tây Môn Báo bảo bà đồng:

- Hà Bá là Phúc thân thì phải tìm một thiếu nữ cho đẹp mới được, coi cô gái này không xứng. Phiền muội xuống nói với Hà Bá rằng, vâng mệnh quan Thái thú đi tìm một thiếu nữ nhan sắc sẽ nạp sau!

Tây Môn Báo sai lính ném bà đồng xuống sông, ông ngồi im chờ đợi. Hồi lâu không thấy gì, Tây Môn Báo nói:

- Bà đồng này tuổi đã già không làm được việc, đi đã lâu mà không thấy trả lời. Các đệ tử giục bà ấy lên cho ta!

Nói xong bắt hai đệ tử nắm tay nhau nhảy xuống sông. Rồi ông cũng ngồi im như trước. Một lúc, Tây Môn Báo lại nói:

- Sao lại không thấy lên?

Rồi sai hai đệ tử khác "đi giục", lại chê chậm, rồi lại bắt đi...

Tây Môn Báo nói với Tam lão:

- Họ là những người yếu đuối, ăn nói không rõ ràng. Phiền tam lão xuống nói cho minh bạch.

Tam lão không chịu đi. Tây Môn Báo hét:

- Đi mau, rồi về nói lại cho biết!

Lính lôi tam lão đẩy xuống sông. Mọi người khiếp sợ, Tây Môn Báo đứng chấp tay kính cẩn đợi chờ, hồi lâu nói:

- Tam lão cũng không xong việc. Phiền các hào trưởng vậy.

Các hào trưởng cả sợ, vấp đầu lạy đến chảy máu. Tây Môn Báo nói:

- Nước sông cuộn cuộn, Hà Bá chỗ nào? Các người hại không biết bao nhiêu thiếu nữ vô tội ở vùng này. Phải đền mạng cho họ!

Các hào trưởng vừa lạy vừa nói:

- Chúng tôi bị đồng cốt lừa dối.

Tây Môn Báo nói:

- Bà đồng chết rồi, từ nay kẻ nào nói Hà Bá cưới vợ ta sẽ trị tội. Còn bọn hào trưởng lấy của dân bao nhiêu thì phải trả lại cho đủ.

Từ đó việc đồng cốt ở Nghiệp Quận mới dứt.

LỜI BÀN:

Đồng cốt là một trong những việc mê tín của thời thượng cổ, thậm chí cho đến hôm nay trên Việt Nam nhiều nơi vẫn lén lút sinh hoạt. Chuyện cảm ứng chưa chắc đã không có nhưng nó không sinh lợi cho nhân sinh. Qua truyện này ta thấy, đám đồng cốt là một lũ dã man, phi nhân cấu kết với đám cường hào để hại dân, hại nước. Chúng lợi dụng lòng tin ngưỡng chất phác của dân đưa vào con đường mê tín.

Tây Môn Báo đến Nghiệp Quận thấy cảnh vật tiêu điều buồn bã, dân tình không có sinh khí, những gương mặt héo hắt sâu thẳm, hỏi ra mới biết nguyên nhân. Ông không vội vàng hấp tấp, hoặc ra lệnh bắt bớ, vì làm như vậy không thể hốt được trọn ổ, và cũng có thể va chạm sự tín ngưỡng cổ hữu của dân. Hồi đó họ đâu phân biệt được đâu là tín ngưỡng và mê tín. Ông phải chọn cách trừng trị bọn dã man mà không ai phản đối, không va chạm đến tín ngưỡng của dân, mà còn làm cho dân ý thức được rằng bọn đồng cốt là lũ lương gạt, buôn thần bán thánh, là đám giết người cướp của một cách công khai, tội còn nặng hơn những tên cường đạo.

Tây Môn Báo tham dự buổi lễ "Hà Bá cưới vợ", với vẻ tranh nghiêm kính cẩn, vẫn mặc đồ đại lễ và có một vài tên cận vệ mang hoa quả theo, vờ như tin Hà Bá cưới vợ là chuyện có thật. Cứ để mục đồng nhảy nhót với gương mặt kiêu ngạo, như bao nhiêu lần kiêu ngạo trước đây. Viên Thái thú nhìn gương mặt cô vợ Hà Bá rồi lắc đầu nói: "Coi cô gái này không xứng. Phiền bà đồng xuống nói với Hà Bá rằng, vâng lệnh quan thái thú đi tìm một thiếu nữ

nhân sắc sẽ nạt sau!". Vì Hà Bá ở dưới nước nên bắt bà đồng bỏ xuống nước, rồi ngồi đợi, vờ như bà đồng lên phúc đáp thật. Các bà đồng con son phấn diêm dứa, gương mặt tự đắc khi nãy với đôi mắt trắng nhợt, giờ có lẽ hơi xuống sắc, cũng lần lượt ra đi, mà không thấy Hà Bá đâu, cũng không thấy ai trở lại phúc đáp! Bây giờ dân chúng mới hiểu rằng, không có sự linh ứng nào ở đây cả. Rõ ràng bọn này là lũ lương gạt hại người.

Tây Môn Báo đã làm cuộc hồi sinh cho Nghiệp Quận. Nếu giết những tên bắt lương mà Nghiệp Quận vẫn còn "nước dâng cuốn nhà", thì dân chúng phải nghĩ là Hà Bá nổi giận, bởi vậy ông phải làm cho ra lẽ. Sử nói: "Tây Môn Báo cho quân lính hợp với dân chúng đào 12 con rạch từ sông Chương ra sông Hoàng Hà (cách nhau khoảng 120 km), nhờ vậy mà Nghiệp Quận không còn lũ lụt nữa. Đến đời Vũ Đế đời Hán, các quan nói làm đường cho vua đi, ra lệnh lấp các con kênh đó, dân chúng nổi lên phản đối, với khẩu lệnh "Phép tắc của bậc tiên hiền để lại không được thay đổi". Nghiệp Quận từ đó trở thành khu trù mật, dân cư sầm uất, là một trung tâm kinh tế lớn của Ngụy, nên người ta gọi là Nghiệp uận là Nghiệp Đô".

Tây Môn Báo là ông quan sáng suốt và mẫu mực. Sử ký nói: "Tây Môn Báo cai trị Nghiệp Quận dân không dám dối".

33. LÀM THẾ NÀO ĐỂ DÂN ĐỒNG LOẠT THI HÀNH PHÁP LỆNH?

Vệ Ưởng là hoàng thân nước Vệ, nên còn có tên là Công Tôn Ưởng, hiện đang làm Tể tướng nước Tân, ông soạn thảo "Pháp lệnh thất điều" (sử gọi đó là Biến Pháp của Vệ Ưởng). Vệ Ưởng chưa dám tuyên bố, vì sợ dân chúng không tin. Ông bèn nghĩ một cách:

Ông cho dựng một cây cột mà ai cũng đủ sức vác, rồi rao:

- Ai mang cây cột này đặt ở phía bắc chợ sẽ được 10 lạng vàng!

Ai nấy đều ngạc nhiên, vì nghĩ mình vác nó dễ dàng, chỉ sợ quan trên lừa mình, nên không ai dám vác. Vệ Ưởng thấy vậy tăng lên 50 lạng vàng. Có một kẻ nghèo liều mạng đem vác cây cột ra cửa bắc chợ. Lập tức Vệ Ưởng thưởng 50 lạng vàng mà không có điều kiện gì. Ai nấy đều khen:

- Quan trên biết giữ lời!

Vệ Ưởng liền tuyên bố "Biến Pháp thất điều". Ai nấy đều rầm rập thi hành pháp lệnh.

Lời Bàn:

Đối với chính phủ ngày xưa, người dân lúc nào cũng vô quyền. Dân chúng chỉ tin vào tư cách các nhà cầm quyền, nên nhắm theo đó mà... ăn ở.

Vệ Ưởng nắm được điều đó mới bày tỏ một cử chỉ đẹp cho ai nấy đều thấy, đều nghe để làm tin. Khi dân chúng đã tin theo, thì việc thi hành không trở ngại.

Điều cần nói thêm ở đây là Vệ Ưởng chỉ dùng "thuật" chứ không phải là "Nghệ thuật".

34. KHEN CHÊ CŨNG ĐỀU CÓ TỘI

Sau khi "Biến Pháp thất điều" được công bố, hàng ngàn người cho rằng biến pháp đó bất tiện, những người ấy bị biên tên vào sổ chờ ngày trị tội! Thái tử Tứ phàn nản:

- Thật là rắc rối ccho thứ pháp luật này!

Vệ Ưởng nói:

- Sở dĩ pháp luật không được thi hành là do những người trên vi phạm.

Vệ Ưởng muốn trị tội Thái tử, nhưng Thái tử sẽ là người nối ngôi vua, nên Vệ Ưởng phải trị tội thầy dạy Thái tử, đó là hai vị hoàng thân, bằng cách thích chữ vào mặt. Kể từ đó mọi người đều tuân theo mệnh.

Pháp lệnh thi hành trong 10 năm dân Tần sống có nề nếp, trật tự, ngoài đường không ai nhặt của rơi, trong xóm không có sự gây gổ, ẩu đả, trong núi không có trộm cướp. Những người chê pháp luật bất tiện, giờ lại khen, Vệ Ưởng nói:

- Khen cũng là đầu mối của sự xáo trộn!

Rồi bắt những gia đình khen, chê đó đày đi biên giới. Dân Tần im re!

LỜI BÀN:

Các nhà chính trị đời sau cho Vệ Ưởng là nhà Đại Cách Mạng. trung tuần Tây Hán, Vương Mãn dựa vào Biến pháp Vệ Ưởng làm một cuộc cách mạng toàn diện, nhưng sau 17 năm thì thất bại. Sự thất bại đó do đám nho sĩ lạc hậu sách động. Đến vương An Trạch của Tống, Khang Hữu Vi của Thanh cũng làm

biến pháp, nhưng không ai thành công. Biến Pháp thất điều đó như thế nào?

1. Từ trong xó núi ở Ba Thục, Tần dời đô về Hàm Dương.

2. Kiến huyện: Tần chia nước ra làm nhiều khu vực tùy theo hình thế của núi sông, mỗi khu vực là một huyện hành chánh, có viên huyện lệnh đứng đầu để thi hành luật pháp, ai trái lệnh thì chém!

3. Tịnh thổ: Bất dân phải cày cấy đất hoang. Tuân thủ theo các đơn vị đo lường (thước, tấc, lạng, phân, đấu,...) do chính phủ ban bố. Ai gian hoặc trái lệnh thì chém.

4. Dịch thuế: Bãi bỏ chế độ tĩnh điền (Tĩnh Điền: Ruộng có dạng chữ Tĩnh, gồm tám đám xung quanh, và một đám ở giữa). Tám đám ngoài là của tư nhân, đám giữa là của vua, dân phải hợp lại làm cho vua, coi như là đóng thuế. ("Tĩnh Điền bát Nhất" là ý nghĩa trên), thu lợi theo từng mẫu. Không ai được quyền có ruộng riêng.

5. Bản phú: Nam thì canh tác, nữ thì dệt cửi. Ai làm ra nhiều của cải thì miễn sưu dịch. Những kẻ lười biếng, những kẻ ăn gốc bán ngọn (mại bản) đều bị bắt làm nô tỳ. Những người làm thợ thì bị đánh thuế cao. Những nhà có hai trai trở lên, khi tới tuổi trưởng thành thì phải phân cư (ở riêng) và nộp một đĩnh tiền. Ai không chịu phân cư thì phạt tiền gấp đôi.

6. Khuyến chiến: Ai chém được một đầu giặc được thăng một cấp. Công nhiều thì thưởng nhiều, tha hồ ăn mặc, ai vô công thì làm tiện dân. Nếu bại thì chém. Hoàng tộc nếu vô công, cũng truất phó thưởng dân. Gây gổ nhau bị phạt cả hai. Ấu đả nhau bị chém cả hai bất chấp phải quấy.

7. Cấm gian: Cứ năm nhà là một bảo, có bảo trưởng coi ngó. 10 nhà là một liên, có liên trưởng quán xuyên. Nếu một nhà có một lỗi, chỉ cần một trong chín nhà không tố, thì cả mười nhà bị chém! Ai tố cáo được một chuyện gian coi như chém được một đầu giặc. Chứa người có tội, hoặc người không có giấy tờ, thì gia sản bị tịch biên, và chiếu theo sự nặng nhẹ mà xử phạt.

Dĩ nhiên bảy điều trên đây có phần khác nghiệt, nhất là điều thứ 7. Chính vì vậy mà Vệ Ưởng nói: "Khen cũng là đầu mối của sự xáo trộn".

35. BÀNG QUYÊN HẠI BẠN

Tôn Tấn và Bàng Quyên cùng học thầy là Quý Cốc Tử. Những khi Bàng Quyên vào núi lấy củi Tôn Tấn được thầy dạy những gì, khi Bàng Quyên về Tôn Tấn đều trao hết lại cho bạn. Khi Tấn đi lấy củi, Bàng Quyên học được những gì, Quyên tìm cách chôi quanh không hề cho Tôn Tấn biết. Thế nhưng sau thời gian học tập, Tôn Tấn vẫn giỏi hơn Bàng Quyên.

Bữa kia Quyên nghe được nước Ngụy treo bảng cầu hiền, vội vã vào thưa Quý Cốc xin về. Trước khi từ giã, Quyên nắm lấy tay Tôn Tấn nói:

- Đệ cần phải quay về trước coi thử thời cuộc thế nào. Nếu đệ được làm quan, lập tức gửi thư cho huynh biết, huynh nên về nơi đó để huynh đệ ta cùng làm quan trong một triều với nhau.

Tôn Tấn nhận lời. Quyên đem tài ăn nói của mình thuyết phục Ngụy Vương, kết quả, Quyên được làm Nguyên soái nước Ngụy. Bàng Quyên không gửi thư cho Tôn Tấn như lời đã hứa vì biết Tôn Tấn giỏi hơn mình, sợ Ngụy Vương lấy chức phong cho Tôn Tấn.

Nhưng có ông Mặc Dịch là bạn của Quý Cốc, thường lui tới chơi nên biết Tôn Tấn là bậc hiền tài, liền tiến cử cho Ngụy Vương. Ngụy Vương cho người mời Tôn Tấn về triều. Bàng Quyên vờ vui mừng nói:

- Tâu chúa công! Tôn huynh và hạ thần vốn là huynh đệ đồng môn. Nay hạ thần đứng đầu trăm quan, thì không còn chức nào cao hơn để phong cho Tôn huynh. Vì Tôn huynh là bậc đàn anh, tài đức hơn hạ thần, không lý chức vị nhỏ hơn hạ thần? Nên tạm thời Tôn huynh cứ chờ đó, đợi khi có công trạng gì chúa công phong chức cho Tôn huynh mới xứng.

Ngụy Huệ Vương nghe theo.

Tôn Tấn ở không, chẳng có việc gì làm, cứ ra vào trông ngóng. Thỉnh thoảng Bàng Quyên ghé thăm an ủi. Một hôm kia có một thương nhân nước Tề đến, vào thăm Tôn Tấn. Tôn Tấn hỏi ra mới biết người ấy bà con xa với mình. Và hắn nói:

- Chú của tiên sinh nhờ tôi đi tìm tiên sinh trao cho bức thư này, có ba điều dặn: Bằng mọi cách phải tìm được tiên sinh; Phải biết chắc người mình gặp là tiên sinh mới giao thư; Khi đọc thư xong tiên sinh phải viết thư hồi âm.

Tôn Tấn xem thư, chỉ thấy nói việc nhà, và bảo Tấn về Tề vì vua Tề đang trọng dụng hiền tài.

Tôn Tấn viết thư hồi âm, nội dung nói vua Ngụy sắp phong chức cho mình. Khi nào công thành danh toại mới trở lại quê nhà (ở Tề).

Khách thương lãnh thư ra đi. Mấy hôm sau vua Ngụy cho sứ giả triệu Tôn Tấn vào triều, vua hô võ sĩ bắt. Tôn Tấn kêu oan. Ngụy Vương thấy bức thư trước mặt Tôn Tấn nói:

- Ta đối xử với ngươi không bạc, ngươi phản phúc ăn ở hai lòng, tư thông với Tề làm nội ứng để Tề đánh ta!

Tôn Tấn xem lại quả là thư mình, nhưng đoạn tái bút do ai mạo chữ mình thêm vào, nội dung bàn việc phạm pháp. Tôn Tấn hết ngỗ phân bua. Nhà vua truyền sai Tôn Tấn ra chém. Bàng Quyên can:

- Tội Tôn Tấn không đến nỗi chết chém. Chúa công phé cạy chân của hắn là đủ.

Vua cho đục bỏ hai xương bánh chè của Tôn Tấn, rồi giam Tấn vào biệt lao! Sau này Tôn Tấn không đi đứng được.

Từ đó thỉnh thoảng Bàng Quyên đến thăm, tỏ ra đãi ngộ, săn sóc, an ủi, nhân đó bảo Tôn Tấn viết bộ "Tôn Tử binh pháp", đó là tác phẩm của Tôn Vũ, vốn là ông tổ của Tôn Tấn.

Tôn Tấn toan viết, nhưng kẻ tay chân của Bàng Quyên đang chăm sóc Tôn Tấn (để theo dõi) thấy Bàng Quyên độc ác liền khuyên:

- Nếu tiên sinh viết xong bộ này rồi, thì Bàng tướng quân sẽ giết tiên sinh liền!

Tôn Tấn hiểu hết mọi việc, chỉ thở dài và sau đó giả điên để tìm cách thoát thân!

LỜI BÀN:

Xem lời Bàng Quyên tâu với Ngụy Vương từ khi mới gặp Tôn Tấn, ta biết Quyên là một tên bất hảo. Hắn nói: "Tôn huynh là bậc đàn anh, tài đức hơn hạ thần, không lý chức vị nhỏ hơn hạ thần", đây là xảo ngôn. Nếu Quyên thật lòng đối xử tốt với Tôn Tấn, thì cứ sẵn sàng nhường chức Nguyên soái cho Tôn Tấn, còn mình giữ chức vị nhỏ hơn, tại sao không được? Quyên còn nói: "Tạm thời Tôn huynh cứ chờ đó, đợi khi có công trạng gì chúa công phong chức cho Tôn huynh mới"! Đó là sự lường gạt trắng trợn. Không được làm chức gì thì phương tiện đâu mà cho Tôn Tấn lập công? Hắn lừa phỉnh như vậy mà Huệ Vương vẫn tin hắn. Do đó ta biết hai tên lái buôn kia cũng là do Bàng Quyên sắp đặt, bức thư họ cũng do Quyên giả mạo, lời tái bút cũng do Quyên tạo nên, cố dồn Tôn Tấn vào chỗ chết.

Sở dĩ Bàng Quyên không cho Tôn Tấn chết liền, là vì Quyên muốn Tấn chép cho Quyên bộ Binh pháp của Tôn Tử.

Quyên đối xử với bạn bè không thật lòng đã đành, lại còn manh tâm muốn hại một bậc anh tài, ngày sau Quyên phải trả giá rất đắt ở Mã Lăng đạo.

Trời đất bao giờ cũng có sự công bằng, ai đi trượt ra ngoài quỹ đạo công bình đó thì cũng giống như chiếc xe bị bay xuống hố: Tự sát.

36. CON DƠI VỚI LOÀI BIẾT BAY VÀ BIẾT CHẠY (HAY LÀ: ĐIỀU THÚ NGHỊ HÒA)

Một thời nào đó, loài có cánh (điều) và loài bốn chân (thú) đánh nhau mù trời mù đất. Sau trận thư hùng quyết liệt ấy, loài thú chết rất nhiều. Thú thất bại nặng nề nên phải nghị hòa. Hai bên đang lập hiệp ước bất bình đẳng, bỗng đâu có chú dơi bay vào dự bên loài có cánh. Nó nói:

- Tôi là loài có cánh nên được quyền tham dự vào Vương Quốc có cánh của chúng tôi.

Thấy nó có lý không ai phản đối!

Sau đó không lâu, có kẻ không tuân theo hiệp ước, do đó hai vương quốc Điều và Thú lại kịch chiến với nhau dữ dội. Lần này loài thú được thắng. Loài điều xin nghị hòa, chịu ký điều ước bất bình đẳng. Lúc ấy bỗng xuất hiện một chú dơi chạy vào và ngồi vào loài thú. Nó nói:

- Tôi là loài bốn chân, nên tôi được quyền tham dự vào vương quốc thú của chúng tôi.

Có kẻ biết mặt nó liền nói:

- Dơi mà là tên ba phải, ăn có nói không! Cánh mà là cánh màng da, chân mà nằm trong cánh. Mà không trung thành với vương quốc nào cả!

Vua loài thú bèn ra lệnh xử tử dơi và đặt tên cho nó là kẻ hoạt đầu chính trị!

Lời Bàn:

Đây là bài ngụ ngôn cổ của Trung Hoa, trích trong "Sơ yếu huấn môn". Tác giả mượn hình ảnh con dơi để nói những kẻ không chân chính. Những kẻ đó chuyên "bắt mạch" thời cuộc, thấy

bên nào thắng thì ngã theo. Chúng không hề tổn chút xương máu nào cho đất nước. Ai hy sinh mặc ai, chúng chỉ lo làm giàu. Với thói lừa lọc đó, bên nào thắng chúng đều có lợi. Những kẻ đó trong thuật ngữ chính trị gọi chúng là kẻ hoạt đầu, không khác gì loài dơi xứ Biển Bức.

37. THUẦN VU KHÔN ĐÒI HỎI SỰ TƯƠNG XỨNG

Năm thứ 8 đời Tề Uy Vương (371 trước Công Nguyên), Sở đem đại binh đánh Tề, quân Tề đại bại. Vua Tề nhờ Thuần Vu Khôn qua cầu viện nước Triệu. Nhà vua giao cho Khôn 160 lượng vàng, mười cỗ tứ mã để Khôn làm thù lao cho Triệu. Thuần Vu Khôn cười bò lăn lóc, đứt cả dải mũ.

Uy Vương thấy nhột hỏi:

- Lễ vật dâng Triệu như vậy ít chẳng?

Khôn đáp:

- Thần đâu dám nói thế.

Uy Vương hỏi:

- Thế tiên sinh cười gì?

Thuần Vu Khôn nói khơi khơi:

- Sáng nay tôi đi qua cánh đồng, thấy lão nông đang tể thân ruộng, trên bàn đặt một lóng giò heo và một chung rượu nhỏ. Lão vái:

- Xin thần phù hộ cho tôi sao cho ruộng cao đầy bò, ruộng thấp đầy xe, ngũ cốc tăng trưởng, thu hoạch đầy nhà...

Tôi nghĩ mà tức cười, đem một lóng giò heo và nửa ngum rượu mà cầu nhiều như vậy. Thật là không xứng!

Tề Uy Vương hổ thẹn phải đưa thêm 1000 cân vàng, 10 đôi bạch ngọc, 100 cỗ tứ mã. Vua Triệu nhận lễ vật, xuất đại binh đi cứu Tề. Quân Triệu chưa đến nơi, quân Sở nghe tin bỏ trốn về nước.

LỜI BÀN:

Thường người ta chỉ biết cái lợi của mình mà không chịu nghĩ đến quyền lợi của người khác. Đó là thói ích kỷ. Thói ích kỷ ấy lớn lên sẽ trở thành thói tham tàn. Đại binh Tề đánh không lại Sở, nếu không có viện binh thì quân Sở sẽ tàn sát biết bao sinh mạng của dân Tề, theo đây sẽ mất biết bao tài sản của tề? Thế mà cuộc cầu viện có tính chất chiến tranh to lớn, phí khoản nhỏ như thế, thật là bủn xỉn. Thuần Vu Khôn cười là phải.

Cũng cần nói thêm, suốt đời Thuần Vu Khôn không thêm làm quan nhưng chuyện quốc gia đại sự ông thường có mặt tại triều ở 5 nước Tề, Ngụy, Hàn, Triệu, Yên. Ai nhờ ông điều gì thì lễ vật tương xứng ông mới làm, còn không thì thôi. Thuần Vu Khôn là tay biện thuyết tài ba, đồng thời cũng là nhà u mặc uyên thâm.

38. PHONG CÁCH UỐNG RƯỢU

Một hôm Tề Uy Vương dọn tiệc mời Thuần Vu Khôn. Nhà vua hỏi:

- Tửu lượng của tiên sinh thế nào?

Khôn đáp:

- Cái đó còn tùy! Một đấu cũng vừa say, 10 đấu cũng vừa say!

Uy Vương ngạc nhiên hỏi:

- Sao lạ vậy?

Khôn nói:

- Nếu ngồi uống với bậc vua chúa, quan giám tửu đứng bên cạnh, quan ngự sử rình sau lưng. Khôn sợ hãi, uống chừng một đấu đủ say chán.

Nếu ở nhà, cha mẹ có khách, Khôn phải đứng hầu, thỉnh thoảng nhấm nháp mấy giọt rượu thừa, dòn lại cũng được vài đấu, chừng ấy cũng đủ để say.

Còn bạn bè thân nhau lâu ngày mới gặp, thì cũng uống được 5, 6 đấu.

Những buổi hội hè ở nhà quê, gái trai ngồi chung, mời rượu đánh bạc, lỡ nắm tay nhau không ai trách phạt, phía trước có bông tai đánh rơi, phía sau có cái trâm bỏ sót có thể uống được 8 đấu cũng ngà ngà.

Khi trời chiều rảnh việc, dòn chén ngồi kê, trai gái ngồi chung chiếu, trèn thềm đuốc tắt, chủ nhân tiễn khách ra về mà không lưu Khôn lại, áo là cởi bó hương thơm phưng phức, lòng Khôn lâng lâng, có thể Khôn chơi hết 10 đấu!...

Vì vậy mà nói: Rượu quá hóa loạn, vui quá hóa buồn, thái quá bất cập...

LỜI BÀN:

Đoạn văn này rất linh động và khúc chiết. Những kẻ đã từng uống rượu thì mới biết đoạn văn trên đây là chính xác. 24 thế kỷ trôi qua cái không khí tử húng không hề thay đổi. Cuộc sống rượu của Lưu Linh (đời Tấn) của Trương Húc (đời Đường) tuy là tuyệt vời nhưng phong thái uống rượu linh động theo từng nhịp độ của cảm xúc thì Thuần vu tiên sinh chắc là chiếm giải quán quân! Quả là một đấu cũng say mà mười đấu cũng say!

Dù vậy với câu: "Rượu quá hóa loạn (đa tử bại tâm), vui quá hóa buồn (cực lạc sinh bi)" là lời khuyên đúng đắn. Tề Uy Vương uống rượu thâu đêm suốt ngày, nghe lời khuyên này của Thuần Vu Khôn, bèn chữa rượu! Thật là một chuyện bất ngờ.

39. MỘT NỮ THUYẾT KHÁCH ĐẦU TIÊN...

Tề Tuyên Vương (đầu thế kỷ 3 trước Công Nguyên) là một ông vua nổi tiếng "Túng dân", mê tên nịnh thần Vương Hoàn, ham rượu, chơi ngông, cho xây Tuyết Cung, mở vườn liệp uyển (vườn săn). Ngoài ra vua còn tin nhiệm nhóm Tác Hạ. Nhóm này quy tụ các triết gia, văn gia, chính trị gia, chuyên đàm thiên thuyết địa, không có gì thực tiễn. 76 thành viên Tác Hạ đề được ăn lương Đại phu nhưng không giúp việc triều đình.

Hôm nọ, Tề Tuyên Vương mở đại yến ở với bảy mỹ nữ mỹ miều có các quan tham dự. Bảy giờ ngoài Ngọ môn có một người đàn bà trán rộng mắt sâu, hầu lộ, mũi cao, răng lồi cổ bạnh, xông thẳng vào triều. Lính Ngọ môn thấy người cổ quái như vậy chặn bà ta lại. Bà ấy nói:

- Ta ở huyện Vô Diệm, họ Chung Ly tên là xuân, tuổi gần 40 còn kén chồng. Nghe đại vương mở yến ở Tuyết cung, ta đến yết kiến, xin vào hậu cung quét dọn.

Bọn lính bưng miện cười, vào tâu với Tuyên Vương. Vua cho vào. Bá quan thấy mặt xấu quá chùng đều ôm bụng cười.

Tuyên Vương nói:

- Phi tần trong cung quá nhiều, người nào cũng đẹp, mặt thì xấu quá. Chôn hương đảng chẳng ai hỏi tới mặt. Giờ mặt đến đây xin xỏ ta điều gì? Hoặc mặt có tài gì lạ không?

Chung Ly Xuân (Chung Ly Vô Diệm) liề trợn mắt hếch răng, vỗ vào gối bình bịch nói:

- Nguy lắm! Nguy lắm!... thiệp trợn mắt là thay vua nhìn vào cái nạn binh lửa; hếch răng, thay vua trị tội những kẻ chống lại lời can gián; cất tay thay vua đổi kẻ sàm nịnh; vỗ gối thay vua đập phá yến này!

Tuyên Vương nổi giận mắg:

- Quả nhân làm sao có bốn điều ấy? Mụ nhà quê dám nói càn. Hãy lôi cổ ra ngoài.

Chung Ly Vô Diệm nói:

- Khoan! Để thiếp kể bốn tội đó của đại vương rồi sẽ chịu chết. Thiếp nghe, Vệ Ưởng nước Tần dùng biện pháp canh tân nước Tần thành một cường quốc, không bao lâu họ sẽ đánh ra ải Hàm Cốc, cùng với Tề quyết đề kháng. Tất nhiên Tề không cự lại Tần. Nay, đại vương trong triều không có lương tướng, ngoài biên thiếu canh phòng. Thần thiếp từng mắt thấy đại vương thế đó!

Đại vương tham rượu, đắm sắc, bao nhiêu trang quốc sắc đại vương bắt đem về, bỏ bê triều chính. Người trung nghĩa, bậc trí thức can gián, đại vương không hề nghe. Thần thiếp héch răng nói với đại vương những lời đó.

Bọn Vương Hoàn ưa đua nịnh, đắm tác Hạ khoa ngôn, đại vương tin bọn ấy, lương phạn cứ cấp đủ cho chúng, nhưng nước Tề ta chẳng nhận được gì. Bệ hạ bị chúng mê hoặc, xả tác sắp đảo điên, nên thần thiếp mới thay đại vương đuổi bọn chúng!

Đại vương xây Tuyết Cung, mở Liệp Uyển làm dân cùng nước kiệt, thiếp vồ vào gói thay đại vương phá bỏ những thứ ấy đi! Hết lời! Đại vương giết đi!

Tề Tuyên Vương bàng hoàng than:

- Nếu không có lời Chung Ly nữ, ta không bao giờ thấy được những lỗi này.

Tuyên Vương lập tức dẹp bỏ hết yến tiệc, đem Chung Ly Vô Diệm về cung phong làm chánh hậu. Đuổi tên Vương Hoàn, giải tán nhóm Tác hạ...

Nước Tề từ đó cường thịnh.

LỜI BÀN:

Tuyên Vương là ông vua nổi tiếng phong dân. Trong Cung Oán Ngâm Khúc ta có câu: "Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn, bệnh Tề Tuyên đã nổi lên đùng đùng". Tề Tuyên Vương có nhiều cá tính lạ: háo dân, háo tửu, ham săn bắn, thích văn chương triết học... nhưng không nhìn thời cuộc bằng con mắt hiện thực. Cũng may, vua trước là Tề Uy Vương đã tạo nên một nền thịnh vượng cho nước Tề, nhờ thế mà thời Tề Tuyên Vương không có gì sa sút lắm. Nhưng các nước chung quanh: Tần, Sở, Ngụy, Triệu đều phát triển còn Tề thì dậm chân tại chỗ.

Đọc sử ta biết, xứ Chung Ly có nhiều bậc anh tài (ví dụ: Tướng Chung Ly Muội của Sở Hạng Vũ cũng là một tay cự phách của thời Tần Hán), nên nàng Chung Ly Vô Diệm có lẽ được hưởng anh linh tú khí ở nơi đó, nên khi đã nhận thức được thời cuộc rất chính xác. Người xưa nói: "Tính nét thay cho nhan sắc". Chung Ly Vô Diệm thông minh và gan dạ, và lời biện thuyết hùng hồn của nàng đã lấn át được lời tranh luận, dẹp được những buổi triều yến phù phiếm, tháo gỡ những cung đàn ủy mị, Chung Ly Vô Diệm vào cung đã đưa hai triều đình Tề Tuyên Vương và Mãn Vương đến chỗ toàn thịnh.

Chung ly Vô Diệm là nữ thuyết khách đầu tiên của Trung Hoa, và cũng là một nữ chính trị gia đầu tiên có nhiều viên kiến vào tư tưởng chế ngự Tần. Chung Ly Vô Diệm để lại cho lịch sử rất nhiều huyền thoại lẫn giai thoại. Nghe đâu sau này bà "cởi lột" ở cầu Trường Hà trở thành một giai nhân thiên kiều bá mỹ.

40. CÁI TỆ HẠI CỦA NHÀ LÀM LUẬT ĐẾN THẾ NÀO?

Thương Ưởng làm biên pháp ở Tần (cuối thế kỷ thứ IV trước Công Nguyên) vì muốn luật pháp được tôn trọng nên ông dùng chính sách hà khắc, dân chúng oán vọng. Khi Tần Hiếu Vương qua đời, Thái tử T ứ lên ngôi (Tần Huệ Vương) muốn trị tội Thương Ưởng (vì trước đây Ưởng làm tội thầy Thái tử) bèn cách chức Thương Ưởng. Ưởng ngang nhiên trở lại đất phong của mình với hàng ngựa xe có của cải, có tiền hô hậu ứng, có bá quan theo đưa, và tiếm dụng nghi trượng bậc vương hầu.

Huệ Vương nổi giận sai tướng đem ba ngàn quân đuổi theo để chém bỏ tại chỗ. Có người cho Thương Ưởng biết, Ưởng cả sợ, bèn cởi áo quan ra, mặc đồ lính trốn đến Hàm Quan. Bấy giờ trời tối, Ưởng vào nhà dân xing ngủ nhờ. Chủ nhà hỏi:

- Người có giấy tờ tùy thân điếm chỉ không?
- Dạ không!

Chủ nhà nói:

- Vậy thì người hãy đi nơi khác. Phép của Thương quân không chấp chứa những người không có giấy tờ!

Thương Ưởng thở dài than:

- Cái tệ hại của nhà làm pháp luật đến thế nào?

Sau đó Thương Ưởng trốn sang Ngụy. Vua Ngụy rất ghét Ưởng vì trước đây gạt bắt công tử Ngang (vốn vừa là bạn vừa là ân nhân của Thương Ưởng), nên muốn bắt Ưởng. Ưởng chạy về Tần, bị bắt và hành hình.

LỜI BÀN:

Đây là chuyện thật trong lịch sử. Thương Ưởng là nhà chính trị đại tài, đã đưa nước Tần đến chỗ hùng cường, nhưng vì pháp luật quá khắc nghiệt, lại áp dụng chính sách ngu dân (dân chúng không được học, chỉ có con của quan lại và hoàng tộc được học), nên dân chúng ít được biết đạo lý.

Mỗi ngày Ưởng ra lệnh chém từ 600 đến 700 người phạm pháp. Máu pha đỏ dòng sông Vị, tất nhiên dân chúng phải oán hận. Ông Ngô Nguyên Phi trong "Khảo luận về thời đại Xuân Thu và Chiến Quốc" có viết: "Ai coi việc nước là việc nhà, thì coi dân chúng là người nhà, luật pháp sẽ được tuân hành một cách tự nhiên như đã thấm nhuần, đôi khi có chút lệch lạc nhưng không khí vẫn vui tươi đầm ấm".

Thương Ưởng là công tử nước Vệ (Hoàng tộc) qua làm quan nước Tần, đã chắc gì yêu nước Tần? Ông chỉ yêu nghề, yêu chức vị và yêu cả gia tộc mình. Bằng chứng, ngàn xe của cải ở đâu mà có? Vĩ Ngao (Lệnh doãn của Sở trước đây) cũng tương đương chức vụ với Thương Ưởng. Khi Vĩ Ngao qua đời, con Vĩ Ngao phải đôn củi! Thương Ưởng đã sống trên xương máu dân Tần.

Có ai yêu nước mà không yêu dân? Khi bị cách chức rồi mà vẫn ngênh ngang. Sử nói: "Ngũ Cổ Đại Phu (Bá Lý Hề phó Tể tướng) chết đi dân Tần ai cũng khóc. Trẻ em không buồn lên tiếng hát, trong xóm không còn nghe tiếng hò giã gạo! Thương Ưởng chết đi dân chúng ai ai cũng mừng, người ta ca hát nhảy múa đầy đường"! Luật pháp Thương Ưởng nghiêm đến nỗi dân chúng không dám cho một người ngủ nhờ. "Ai chứa chấp người nếu không có giấy tờ sẽ bị chém"! Chính Thương Ưởng đã tự chém mình!

Mới hay, người sống thiếu đức độ có khác nào đang chết dần trong cái bắt đắc kỳ tử.

41. BẦY CHUỘT BÀN CHUYỆN "TRÁNH MÈO"

Nó có uy đến nỗi không cần vồ, chỉ cần trừng mắt một cái thì chú chuột xấu số kia phải chết cứng. Mèo ta có tính kiên nhẫn là phục kích chuột, và có tài đánh hơi, khiến cho bầy chuột ngày đêm lo sợ.

Một hôm, tình thế khẩn cấp, Chuột chú ra lệnh tập họp một dòng họ nhà chuột lại để bàn việc Thần dân nhà Chuột có mặt đầy đủ. Chuột chúa nói:

- Con mèo độc ác kia quả là một Sát tinh đối với chúng ta. Nó sát hại con cháu ta không biết bao nhiêu mạng. Các người có kế hoạch gì để bảo tồn nòi giống ta không.

Bầy chuột đưa mắt nhìn nhau run sợ. Bỗng ó chú chuột nhất đưa ý kiến:

- Không gì bằng chúng ta bỏ nơi này đi đến nơi khác lập nghiệp!

Chuột chúa lắc đầu:

- Không dễ đâu! Dầu gì cũng là quê hương của ta. Vả lại nơi khác chưa chắc đã không có mèo. Hơn nữa, nơi kia thức ăn có dồi dào không? Thổ ngơi có thích hợp không?

Nghe Chuột Chúa nói thế, ai nấy đều lặng thinh. Bỗng mẹ chuột già nói:

- Cổ nhân có câu: "Một cọp khó cự bầy chồn". Mấy bác Chuột Công, Chuột Chù bự con cần phải liên kết với nhau phục kích, bắt ngờ tấn công mèo, đánh cho nó một trận chắc chắn loài độc ác đó không dám bén mảng đến nữa.

Chuột chúa nói:

- Mèo đánh hơi tài lắm, không phục kích nó được đâu! Vả lại một cái nhảy cao của nó cao tới trời, dẫu chúng ta có ngàn chuột cũng không làm gì được mèo!

Bấy giờ có một chú chuột tham mưa dông dặc nói:

- Không cần phục kích, cũng không cần đi xa, tôi có một diệu kế.

Hãy lấy chuông đeo vào cổ mèo. Khi ta nghe tiếng chuông là biết sát tinh đến, ta chui vào hang là xong!

Bầy chuột nghe nói cả mừng, nắm tay nhau nhảy nhót. Hồi lâu chuột chúa gật đầu nói:

- Kế hay! Nhưng ai dám đeo chuông vào cổ mèo?

Bầy chuột nhìn nhau run sợ, không ai lên tiếng. Chuột chúa thở dài nói:

- Nói thì dễ, thực hành thì mới là khó!

LỜI BÀN:

Xưa nay nhiều người chủ trương "Biết và làm" có nhiều ý kiến khác nhau. Có người cho rằng: "Khó biết àm dễ", có người nói ngược lại: "Biết dễ làm khó", lại có người nói: "Biết và làm phải đi đôi". Dù gì, tất cả đều ở trên lý thuyết.

Bài ngụ ngôn ở đây đưa ra một trường hợp nan xử, trăm mưu ngàn kế, không kế nào thành, bỗng có một sáng kiến "đeo chuông vào cổ... tử thân" Mới nghe tưởng dễ, ai nấy đều vui mừng. Một phần họ cho đó là sáng kiến hay, nhưng phần lớn ai nấy đều nghĩ rằng: "Ai đó làm thế cho mình, chứ mình không nhúng tay vào việc nguy hiểm". Kết quả không ai dám làm công việc đeo chuông đó.

Việc đời là vậy. "Trâu đứng không ai xả, trâu ngã nhiều kẻ cầm dao". Nói được mà làm không được đã đành, còn có ý "ngồi mát ăn bát vàng".

42. KHÔNG CÔNG MÀ ĐƯỢC THƯỞNG, VIỆC ĐÁNG NGỜ

Năm 400 trước Công Nguyên, Trí Bá nước Tấn, một trong 4 hào thân nanh ác nhất của Tấn bấy giờ, muốn đánh nước Vệ, lão tặng cho nước Vệ 400 con ngựa tốt và một đôi ngọc bích. Vua tôi nước Vệ vui mừng nhảy nhót, mở đại tiệc ăn mừng. Quan đại phu Văn tử nói:

- Không có công mà được thưởng, tự nhiên mà được lễ vật, điều đó không thể không xét. Những món này là của nước nhỏ dâng nước lớn, thế mà Trí Bá đem tặng nước Vệ ta, ắt có âm mưu gì.

Nhà vua giật mình, lệnh cho các quan biên giới ngày đêm canh phòng nghiêm ngặt.

Bên Tấn, Trí Bá toan kéo quân hướng về Vệ toan đánh úp, chợt thấy binh sĩ nước Vệ canh phòng một cách cẩn thận. Trí Bá than:

- Nước Vệ ắt có người hiền.

Nói rồi kéo quân về.

LỜI BÀN:

Tuy đây là việc nước, nhưng suy ra việc nhà cũng không khác gì. trong việc giao tiếp thường nhật, hai bên chưa có ân nghĩa gì, chợt có người đem vật đến biếu, ai lại không xét đến trường hợp bất thường ấy? Thường người ta muốn lợi dụng ai, trước nhất là "làm ơn". Một trong những cách làm ơn thông thường là biếu xén. Biếu xén để tạo ơn nghĩa, quen biết thân thiết... rồi sau đó mới ló cái vòi... Chiếm đoạt. Những kẻ có tính "thấy tiền tối mắt", thường hay mắc cái mẹo sơ đẳng này. Ngày nay chuyện đó là chuyện dài hàng ngày.

43. TRÁO THIẾP CHO VUA

Lã Bất Vi vốn là một thương nhân người nước Triệu, có gan và có tài trong việc kinh doanh. Ông biết Dị nhân (hiệu là Tử Sở) là công tử nước Tần hiện đang làm con tin ở Triệu. Họ Lã thấy Dị Nhân là người có cốt cách khác thường bèn tính việc buôn vua. Một mặt Bất Vi làm quen với Dị Nhân, giúp Dị Nhân nhiều tiền bạc, một mặt Bất Vi sang Tần bỏ tiền ra vận động cho Dị Nhân về làm Thái tử. Tất cả đều trót lọt. Lã Bất Vi có người thiếp tên là Triệu Cơ nhan sắc tuyệt vời lại đang mang thai hai tháng. Lã nghĩ đến việc sau này Dị Nhân lên ngôi, thì con Dị Nhân cũng sẽ nối ngôi, Lã bèn gạ "dâng" thiếp để nâng khăn sửa túi. Dị Nhân ở Triệu đang cô đơn nên nhận lời. Gần mười tháng sau, Triệu Cơ hạ sinh được một trai, đặt tên là Chính. Lã Bất Vi lập kế đưa gia đình Dị Nhân về Tần.

Dị Nhân về Tần, sau đó không lâu được làm vua, Lã Bất Vi làm Thừa tướng, Doanh Chính làm thái tử. Bấy giờ tài sản của nhà họ Lã còn nhiều hơn quốc khố của nước Tần. Nghề buôn vua quả là giàu gấp vạn. Về sau Doanh Chính lên ngôi (mãi đến năm 221 trước Công Nguyên, Chính mới xưng là Tần Thủy Hoàng), Lã Bất Vi một tay thao túng nước Tần. Trên danh nghĩa Tần Doanh Chính là con Tần Trang Vương Dị Nhân, nhưng trên thực tế ai cũng biết, Tần Vương Chính là con của Lã Bất Vi. Và Lã Bất Vi đã thành công trong việc tráo thiếp.

Nước Sở...

Xuân Thân Quân Hoàng Yết đang làm Thượng tướng (một chức vụ tương đương với Tể tướng) của Sở, có người thiếp yêu là Lý Yên vốn là dân du thủ du thực của Triệu. Hoàng Yết lấy Lý Yên có thai được hai tháng. Anh của Lý Yên là Lý Viên bàn với nàng:

- Vua Sở không có con nối dõi. Muội đang có mang với lão Hoàng Yết. Xét ra lão ấy bất tài. Muội làm vợ vua sướng hơn vợ lão. Hay là như vậy... như vậy... Mới là đắc sách.

Anh em Lý Viên vốn là hạng vô lại. Lý Yên cả mừng, đêm đến thủ thi với Yết:

- Tướng công đã biết thiệp có mang hai tháng, mà nay vua Sở lại không có con. Chi bằng tướng công gả thiệp cho vua. Sau này con mình được làm vua, vì trong đó có dòng máu của Tướng công cũng giống như họ Lã ở Tần vậy.

Hoàng Yết nghe theo. Sở Vương lấy Lý Yên. Sau đó Lý Yên song sinh, con trưởng là Hãn, con thứ là Do. Hãn là Thái tử. Hoàng Yết còn mừng hơn vua. Ba ngàn thực khách của Yết đều có gắn ngọc ở mũi giày! Vua Sở tạ thế, triều đình tôn Hãn lên ngôi. Anh em Lý Yên, Lý Viên (Hoàng hậu) nhiếp chính. Lý Viên lập kế giết Hoàng Yết. Không bao lâu Tướng quân Hạng Yên giết toàn họ Lý Yên, Lý Viên, Hãn, Do... Thế là dòng họ Hoàng Yết cũng tuyệt tự.

Hoàng Yết và Lã Bất Vi cùng chết một năm.

LỜI BÀN:

Lã Bất Vi là con buôn vốn là người nước Triệu. Bấy giờ Tần đang đánh Triệu, tổ quốc của Vi đang bị đe dọa. Thành Hàm Đan đang bị bao vây. Quân và dân chết đầy thành. Người ta đổi con nhau để nấu ăn cho đỡ đói, lấy xương làm củ chụm. Lã Bất Vi giúp Tần để đánh lại nước mình, nói theo ngôn ngữ ngày nay, Vi là tên "Triệu gian".

Trước đây, nước Trịnh có người tên là Huyền Cao, làm nghề buôn trâu, buôn bán khắp các nước, thấy quân Tần sắp tấn công nước mình, mổ mấy chục con trâu đãi binh sĩ nước Tần. Con buôn như Huyền Cao khiến hậu thế khâm phục.

Lã Bất Vi còn chơi trò thâm độc, nhân người thiệp yêu có mang, bèn gài Thái tử Tần để gả bán, để dòng máu họ Lã thâm

nhập vào cung vua họ Doanh. Con lão là Doanh chính (thật ra là Lã Chính) làm vua, sau là Tần Thủy Hoàng.

Tần Thủy Hoàng mất, truyền cho con là Hồ Hợi, làm được ba năm, họ Doanh, họ Lã đều tuyệt chủng!

Mưu càng cao, họa càng sâu! Doanh Chính lên ngôi lúc mười ba tuổi, Vi lại thông dâm với mẹ Chính, tức là nàng Triệu Cơ, vốn là thiếp cũ của Vi, được mấy năm Doanh Chính khôn lớn, Vi sợ nguy hiểm nên không dám tiếp tục việc làm bỉ ổi đó, nhưng mẹ Triệu Cơ càng già càng đòi hỏi nhiều, Vi bèn tìm người thay thế, có tên là Lao Ái, Vi cho Ái giả làm thái giám, vào cung "thù tiếp Triệu Cơ". Ngày qua tháng lại, Triệu Cơ sinh liên tiếp hai đứa con. Nhân lúc Triệu Cơ hứng thú, Ái nói: "Nếu Tần Vương qua đời nàng hãy để con " chúng mình" lên ngôi chứ? ". Dĩ nhiên mẹ đồng ý.

Công việc bại lộ, vua Tần giết Lao Ái, giết luôn cả hai đứa con của hắn với Triệu Cơ. Đày Lã Bất Vi vào Thục. Lã Bất Vi hồ thẹn đành tự sát!

Xuân Thân Quân Hoàng yết đường đường là thượng tướng của Sở, học đòi Lã Bất Vi, cũng bắt chước tráo thiếp có mang cho vua, sau đó không lâu Hoàng Yết cũng bị mưu sát, con của Hoàng Yết với Lý Yên cũng đi đời.

Hai ông này có công "tráo thiếp", làm việc đó tuy thành công, nhưng trong nhất thời. Hai ông đó cùng chết trong một năm, rồi tuyệt diệt cả họ.

Việc làm thất đức, thất thường, dù mưu cao kế diệu cách nào cũng không tránh khỏi luật trời.

44. HẬU SINH KHẢ ÚY

Bấy giờ Lã Bất Vi đang làm Thừa tướng ở Tần, đang hợp với Yên để đánh Triệu. Yên sai Thái tử Yên vào Tần làm con tin, và xin Tần một tướng giỏi qua Yên để cầm quân. Lã Bất Vi liền cử Đại tướng Trương Đường qua Yên. Con đường qua Yên buộc phải qua Triệu, Trương Đường sợ Triệu giết mình nên từ chối. Lã Bất Vi đích thân đến dinh Trương Đường thuyết phục, Trương Đường vẫn không đi. Lã Bất Vi buồn bực ra về.

Cam La là môn hạ của Lã Bất Vi lúc đó mới 12 tuổi, mặt như dôi phấn, môi đỏ như son, đón Lã Bất Vi, hỏi:

- Thừa tướng có việc gì mà buồn vậy?

Lã Bất Vi đang bực mình, trợn mắt hét:

- Trẻ con biết gì mà hỏi?

Cam La bình tĩnh nói:

- Đã là môn hạ của ngài, tôi phải chia sẻ buồn vui với ngài chứ!

Lã Bất Vi nghe vậy liền nói:

- Tần và Yên mới giao hiếu với nhau. Yên đã gửi Thái tử vào Tần. Tần đã cử Trương Đường sang Yên làm tướng. Đường sợ Triệu nên không đi.

Cam La cười:

- Đó là chuyện nhỏ! Sao không nói sớm để tôi nói cho!

Lã Bất Vi nổi giận hét:

- Cút! Cút gấp! Ta đã đích thân mời hán mà hán còn chưa đi, huông gì là người? Con nít gì mà lớn lối? Cút!

Cam La cười cười:

- Thừa tướng chớ khinh người. Chừng nào tôi nói không xong thì hãy làm tội.

Nói rồi Cam La qua yết kiến Trương Đường.

- Công của ngài so với Vũ An quân Bạch Khởi (Bạch Khởi là danh tướng của Tần, đã từng chôn sống 45 vạn quân Triệu trong một đêm) như thế nào?

- Ta không bằng.

Cam la nói tiếp:

- Ứng hầu Phạm Thư so với Thừa tướng, ai quyền hơn?

- Thừa tướng.

Cam La nói:

- Ấy mà, Ứng hầu sai Vũ An Quân Bạch Khởi đi đánh Triệu, Bạch Khởi không chịu đi, cuối cùng phải chịu chết, huống gì hôm nay đến ngài?

Trương Đường cả sợ nói:

- Xin tiểu tiên sinh cứu tôi với!...

Cam La về nói với Lã Bất Vi:

- Trương tướng chạy đi rồi! Bây giờ ngài tâu với vua, cho tôi qua thuyết Triệu cắt đất cho Tần.

Lã Bất Vi mới biết Cam La có tài, liền tâu với vua Tần phong chức Thượng Khanh và sai Cam La đi thuyết vua Triệu. Vua Triệu thấy sứ giả là một đứa bé lên mười, lòng lấy làm ngạc nhiên. Cam La hỏi:

- Đại Vương có nghe Thái tử Yên Đan qua Tần làm con tin không?

Triệu Vương đáp:

- Nghe!

- Và có nghe Trương Đường qua Yên làm tướng không?

- Nghe!

Cam La nói:

- Thái tử Yên vào Tần là Yên không gạt Tần. Trương Đường làm tướng Yên là Tần không gạt Yên. Tần và Yên không gạt nhau đi đánh Triệu tất nguy. Nay đại vương cắt cho Tần 5 thành thì Tần không giao thiệp với Yên nữa, mà giao hiếu với Triệu, nhân đó mà đánh Yên, Triệu sẽ được một số đất.

Vua Triệu nghe lời.

LỜI BÀN:

Ngày xưa làm vua không có quy chế về tuổi tác. Lã Vọng ra giúp Chu Văn Vương lúc 80 tuổi. Nhà thơ Vương Bột đời Đường làm chức "Thái tử Thiếu Phó" (thầy dạy Thái tử) lúc 11 tuổi lúc đến 14 tuổi bị cách chức vì Bột làm bài phú "Đá gà". Lí Bí đời đường Minh hoàng vào cung dạy Thái tử Hanh khi chưa tới 11 tuổi. Đêm đêm thầy trò ôm nhau ngủ như hai đứa trẻ.

Điều đáng nói ở đây, uy quyền và mưu trí như Lã Bất Vi sai Trương Đường làm tướng nước Yên mà Đường không đi, ta thấy Cam La là người có tài. Càng phục cậu bé Cam La hơn nữa khi Cam La qua thuyết vua Triệu nạp thành. Chỉ tiếc là, năm sau (13 tuổi) Cam La đã qua đời. Dù sao Cam La cũng nổi danh là một thần đồng.

45. MAO TIÊU KHIÊN VUA TẦN GIỮ ĐẠO HIẾU

Mẹ vua Tần là Triệu Cơ thông dâm với Lao Ái được hai con. Việc đổ bể, vua giết Lao Ái và giam mẹ ở lãnh cung. Bá quan thấy vậy xúm lại can ngăn. Đã có hai mươi bảy người bị giết, xương chất thành đống.

Có người nước Tề tên là Mao Tiêu vào Hàm Dương chơi, biết việc vua Tần đày mẹ, và nhà vua đã giết 27 người về việc can vua. Mao Tiêu vì đạo lớn, nên cũng hăm hở vào can vua:

- Thiên hạ sở dĩ tôn Tần không phải do Tần mạnh đâu, mà họ thấy đại vương có điểm gì đó hợp với thiên hạ. Chứ bạo ngược như Kiệt Trụ tổ làm mất nước mà thôi! Nay đại vương muốn thu phục 6 nước mà đem cái đại ác ra chinh phục, thì thiên hạ thà chịu chết hơn phò đại vương. Tôi nói rồi đó, nấu đi!

Nói rồi cởi áo, chờn vờn muốn nhảy vào chảo dầu. Vua Tần giữ lại nói:

- Quả nhân xin tuân theo lệnh tiên sinh.

Vua Tần tha cho mẹ, phong Mao Tiêu làm Thượng khanh.

LỜI BÀN:

Mao Tiêu cũng là tên gian bịp, đem ba tác lưởi kiếm ăn như bọn Trương Nghi trước đây. Tần là ông vua bạo ngược đã giết em mình, đem quân đánh phá 6 nước.

Nước Tề nào có yên ổn gì? Tề Vương Điền Kiến là một hôn quân, Tề tướng Hậu Thắng là tên bán nước, sao Mao Tiêu không vào đó can vua mình?

Lời họ Mao can vua Tần chỉ là lời xu mỵ: "Thiên hạ tôn Tần là thấy đại vương có điểm gì đó hợp với thiên hạ... đại vương muốn

thu phục 6 nước... ". Hấn chỉ nói việc xâm lấn nước khác, có nói gì đến mẹ vua Tần? Thiên hạ ai tôn Tần? Chỉ có vua hấn là Điền Kiến tôn Tần mà thôi.

Điền Kiến đi nịnh Tần. Tần đánh nước nào, thắng trận, kiến cho sứ giả vào Hàm dương chúc mừng! Đến khi đánh Tề, bắt Kiến giam vào Cộg Địa, Kiến không có cơm ăn, nhai hết lá cây tùng bách, cạp tới vỏ cây rồi chết đói! Vua hấn như thế sao hấn không biết tủi nhục?

Mao Tiêu, Lý Tư, Trương Nghi, Uất Liêu (người nước Ngụy) đều là những tên bán nước cầu vinh, để thiên hạ ngàn đời nguyền rủa.

46. KHI YÊU TRÁI ẬU CŨNG TRÒN

Di Tử Hà là bề tôi yêu của Vệ Hâu. Pháp luật nước Vệ, ai tự tiện lấy xe của vua đi thì bị chặt hai chân. Một đêm khi nghe tin mẫu thân bị mắc bệnh nặng, Di Tử Hà vội vàng lấy tạm xe vua về thăm mẹ. Vệ Hâu biết được nói:

- Thật là con có hiếu! Vì mẹ mà đành phạm tội chặt chân.

Nhưng rồi vua vẫn tha. Vua và Tử Hà đi dạo vườn. Tử Hà hái quả đào thấy ngon, không ăn hết, dâng phần còn lại cho vua. Vua khen:

- Tử Hà thật yêu ta! Quên cái miệng của mình mà nhớ ta!

Rồi một thời gian sau, không biết sao, vua lần lần chán Tử Hà. Có thể nói Tử Hà bấy giờ thất sủng. Lúc đó vua nói:

- Nó có lần dám tự tiện dùng ngựa xa. Lại có lần nó cho ta ăn thức ăn thừa của nó. Nấu dầu hấn cũng chưa đáng tội.

LỜI BÀN:

Ca dao ta có câu:

Yêu nhau cau sáu bữa ba,

Ghét nhau cau sáu bữa ra làm mười.

Thương ai thương cả lỗi đi,

Ghét ai ghét cả tông chi họ hàng.

Thói đời là vậy. Việc thương ghét không thể luôn luôn giữ mãi một chừng. Do đó mà nói: Khi chưa nắm chắc về tâm lý của con người thì không nên khen hay chê người, không nên yêu hay ghét người để rồi có thể đi đến chỗ bất cập. Hãy giữ tấm lòng thật

bình lặng mới có sự phán xét công bình. Đời không có mấy ai được như anh em nhà Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi.

Khi người ta yêu ai, họ nhìn người đó điểm gì xấu nhất cũng thành tốt. Đến khi qua thời kỳ bông bột đó rồi, họ bắt đầu hình dung lại, cuộn phim quá khứ bắt đầu lần lượt hiện ra trong tâm trí não họ, bấy giờ họ thấy lại toàn những điều trái ngược. Sau này chúng ta sẽ gặp chuyện Trương Nhĩ, Trần Dư".

47. HAI NGƯỜI NHÀ QUÊ KẾT BẠN

Phạm bá là một nhà ngư phủ sống ở Đông Hải. Bá rất thạo nghề chài lưới. Những mùa biển lặng Bá làm rất nhiều tôm cá phơi khô hoặc mắm để dành. Khi biển động Bá chở mắm lên nhà quê bán hoặc đổi mẽ cốc.

Một hôm Phạm Bá bán mắm, vào một nhà nông dân, gương mặt ông ta xấu xí, dị dạng, nhưng tính tình tỏ ra thật thà. Bá hỏi mới biết ông này là Điền Thảo. Nhà Điền Thảo kang trang rộng rãi, Bá nói:

- Đệ từ biển chở mắm lên đây bán, đường xa năm bảy chục dặm, đổi được số mẽ cốc. Đệ đi bằng xe nhà, chở mẽ cốc không hết. Nếu thuê xe ngoài thì không có lời. Nhân huynh có thể cho đệ gửi số mẽ cốc dư, chuyến sau sẽ lên chở hết?

Điền Thảo vui vẻ nói:

- Được, được! Làm ăm mà biết tính toán như thế mới khá được.

Phạm Bá về lại quê nhà. Bảy giờ suốt mùa đông mưa gió tràn đồng, đường xá không lưu thông được, thậm chí có nhà bị nước cuốn trôi. Phạm Bá lo rầu số thóc của mình trên kia không biết ra sao?

Ít lâu sau nước rớt, Phạm Bá lại đánh xe chở cá mắm lên nhà quê bán, rồi ghé lại nhà Thảo Điền. Họ chào hỏi nhau xong, Bá hỏi:

- Trận lụt vừa rồi gia đình không hư hại gì chứ? Cho tôi nhận lại số gạo lúa đó.

Thảo sai gia đình mang lúa gạo của Bá ra. Bá nhìn lúa gạo của mình đủ số, lại khô ran ngăm biết chủ nhà là người tử tế. Đã không ăn bớt lại còn phơi khô cho mình trong trời mưa lụt.

Nhiều năm tháng trôi qua, Phạm Bá và Thảo Điền tuy chưa mở miệng kết làm bạn bè, nhưng họ thân thiết hơn những cặp bạn bè nào khác. Rồi chiến tranh xảy ra, hai bên không gặp nhau, cũng không tin tức gì cho nhau trong vòng mấy năm. Chiến tranh vẫn hồi, hai bên tìm lại nhau tay bắt mặt mừng. Từ đó họ đi lại với nhau thường xuyên.

Điền Thảo qua đời, Phạm Bá tiếc thương khôn nguôi. Không bao lâu sao Bá cũng qua đời. Con của hai người lại kết bạn với nhau như cha mình lúc trước. Đến đời cháu cũng vậy.

Đây là mối tình bạn của hai người nhà quê, tuy không có cuộc thăng trầm to lớn nhưng rất bền bỉ.

LỜI BÀN:

Chuyện này mới đọc qua tưởng chừng như không có việc gì đáng lưu ý, nhưng kỳ thực nó là một bài học thiết thực cho mọi người trong đời sống thường nhật. Cổ nhân có câu: "Quân tử giao tình như đạm thủy" (sự giao tình của bậc quân tử thường nhạt như nước lã), điều ấy rất đáng lưu ý. Thường những cái vồn vã ban đầu, chỉ là dấu hiệu của sự rã đám. "Thương nhau lắm, cắn nhau đau".

Hai người nhà quê này học hành rất ít, không giàu có, không mồm mép, nhưng họ sống có chất người rất trọn vẹn. Con cháu họ đã ảnh hưởng cái nết của cha, đem tấm lòng mà đối đãi người. Người đời có mấy ai được như vậy chăng? .

48. LỜI TỰ BIỆN CỦA TRẦN CHẨN

Trần Chấn là kẻ du thuyết, cùng với Trương Nghi thờ Tần Huệ Vương. Cả hai đều được vua quý trọng và tranh nhau để được vua yêu. Trương Nghi nói xấu Trần Chấn với nhà vua:

- Chấn trọng của, Tần và Sở hai nước đang giao chiến với nhau. Nay Sở đã không thân thêm với Tần, lại thân thêm với Chấn. Thế là Chấn lo cho mình nhiều mà không lo cho đại vương. Và lại Chấn muốn bỏ Tần sang Sở, sao đại vương không cho đi?

Nhà vua hỏi Chấn:

- Ta nghe nói nhà ngươi muốn bỏ Tần sang Sở, việc ấy có không?

Chấn đáp:

- Có!

Vua nói:

- Lời của Trương Nghi quả là đúng thực!

Chấn nói:

- Không những Nghi biết mà những kẻ muốn thi thố học thuyết của mình đều biết việc đó. Ngũ Tử Tư trung với vua mà thiên hạ tranh nhau mời ông ta về làm quan nước mình. Tăng Sâm hiền hiếu, thiên hạ muốn nuôi làm con. Bán một con hầu mà không phải đưa đi làng khác, là con hầu tốt. Bị chồng bỏ mà vẫn lấy được chồng khác trong làng, là đàn bà đảm đang. Nay nếu Chấn bất trung với đại vương thì sao Sở cho là trung được? Trung mà vẫn bị nghi kỵ, bị bỏ rơi, Chấn không sang Sở thì đi đâu?

Từ đó Tần Huệ Vương đôi đũa với Chấn rất tử tế.

LỜI BÀN:

Ai cũng biết Nghi là tên lừa đảo lật lọng. Hấn phỉnh Sở Hoài Vương: "Nếu đại vương tuyệt giao với Tề thì Tần sẽ tặng cho Sở 600 dặm đất ở Thương Ô". Sở Hoài Vương hôn ám, không nghe lời Khuất Nguyên và Trần Chấn (Bây giờ Chấn ở Sở), nên bị Trương Nghi gạt. 600 dặm đất hấn chỉ nói là 6 dặm! Nghi chạy qua làm Tể tướng nước Ngụy, xem xét tình hình rồi xúi vua Tần đánh Ngụy. Trần Chấn cũng là tay du thuyết lỗi lạc, nhưng Chấn có nhiều đức tính khả ái.

Là hiệu bạch của Trần Chấn trên đây, cho ta biết ông là người có tài thuyết phục. Cả 4 câu ví dụ, 4 câu ấy đều quy nạp về mình. 4 câu ấy chỉ là "đồng dạng một cách mơ hồ". Người ta mời ai ra giúp nước, nhiều khi người ta xét đến cái tài, còn cái trung khó mà nhận xét. Tăng Sâm là học trò lớn của Khổng Tử nổi tiếng là hiền hiếu, mẹ vẫn còn đó, thì đời nào Tăng Sâm lại nhận ai làm cha mẹ nuôi nữa? Chẳng qua là người ta ước: "Ước sao con mình được như Tăng Sâm thì hay biết bao nhiêu"! Hai trường hợp sau cũng vậy.

Quả tình Chấn không thích đám quan lại của Tần như tư cách của Trương Nghi, Chấn không thể đồng sự được dù họ có muốn trung với vua. Tần Huệ Vương là một trong những ông vua sáng suốt thời ấy.

49. BÌNH NGUYÊN QUÂN VỚI NGƯỜI QUÈ

Một nữ nhân của Bình Nguyên Quân (Triệu Thảng) từ trên lầu nhìn xuống thấy một nhà dân thấy một người què khập khễnh ra mức nước. Mỹ nhân cười rộ có ý chê bao giễu cợt. Hôm sau người què đến nhà Bình Nguyên Quân nói:

- Tôi nghe ngài biết quý trọng kẻ sĩ, vì thế kẻ sĩ trong thiên hạ không quản ngàn dặm đến đây! Tôi chẳng may bị tật nguyên, thế mà mỹ nhân của ngài ở trên lầu chê bai giễu cợt tôi. Tôi đến đây xin ngài cái đầu của người con gái chê cười tôi hôm qua đó!

Bình Nguyên Quân cười đáp:

- Vâng

Người què ra về, Bình Nguyên Quân cười mà rằng:

- Thằng què kia lấy cái cớ để giết mỹ nhân ta sao ngu thế?

Rồi cho qua.

Hơn một năm, Bình Nguyên Quân coi lại đám quan khách của mình bỏ đi quá nửa. Ông ngạc nhiên nói:

- Thảng này đối xử với các vị đầu khiếm lễ, sao có nhiều người bỏ đi?

Có người nói:

- Ngài không giết mỹ nhân xác lão kia, tức ngài yêu sắc hơn yêu kẻ sĩ, nên họ bỏ đi.

Bình Nguyên Quân giật mình, chém đầu mỹ nhân đó, đoạn thân đến nhà người què tạ lỗi. Kẻ sĩ dần dần kéo về.

LỜI BÀN:

Nếu xét thật kỹ thì việc này không ai đúng cả.

1. Với nàng "mỹ nhân": Người đẹp này có lẽ từng sống trên nhung lụa, từng tiếp xúc với người lành lặn đẹp trai, ít từng biết đến việc đời. Thấy người tàn tật không biết xót thương mà lại còn cười hợm mình và chế giễu. Nàng hồn nhiên đến khờ dại. Mỹ nhân có lẽ không độc ác gì.

2. Người què: Phải biết phạt mình và phải biết người. Người tàn tật tất nhiên là có mặc cảm. Nhưng nếu là người có tâm hồn trong sáng thì người ta dù có cười mình, cũng thản nhiên mới là đáng quý. Còn nếu tui phạt thì tốt hơn nên im lặng mà chịu đựng. Người ta chế giễu mình chẳng qua là thái độ thiếu ý thức, chứ đâu làm mình què quặt thêm mà đòi cái đầu của họ? Người què ấy biết Bình Nguyên Quân là người biết trọng kẻ sĩ, muốn lợi dụng tấm lòng đó mà trả thù riêng cho mình. Hắn là tên thất phu không hơn không kém.

3. Bình Nguyên Quân: Bình Nguyên Quân không có gì đặc sắc. Ông là người Hoàng tộc. Lợi dụng tước vị và thân thế mình mở hội tân khách để cầu danh. Một ngày tốn biết bao nhiêu tiền để nuôi ba ngàn thực khách! Số tiền đó là xương máu của dân. Đám thực khách ấy chỉ ăn rồi tán ngẫu cả ngày. Có hỏi Bình Nguyên Quân chọn 20 người sang Sở cùng ông để bàn việc "hợp tung" với Sở để đánh Tần. Trong 3000 người ông chỉ chọn được 19 người, thì đám môn khách kia giúp được gì?

Bình Nguyên Quân không chút tài cán gì trong việc chính trị. Hắn làm Tể tướng nước Triệu không có công trạng gì, thế mà dám ép vua cắt đất phong thêm cho hắn. Một hiền sĩ áo vải là Lỗ Trọng Liên thấy Bình Nguyên Quân là tên vô sĩ, liền tới gặp mặt chửi: "Nhà vua cho ngài làm tướng quốc nước Triệu không phải vì đất nước này không có người tài năng hơn ngài. Nhà vua cắt đất Đông Vũ Thành phong cho ngài không phải vì ngài có công hay đất nước này không có ai có công hơn ngài, mà chỉ vì ngài là hoàng thân đầy thôi. Sở dĩ ngài nhận ấn Tướng quốc mà không từ chối vì biết mình bất tài, được phong đất mà không từ chối là biết mình vô công"! Bình Nguyên Quân hổ thẹn không nói được lời nào.

Kinh đô Hàm Đan bị Tần vây chặt, Bình Nguyên Quân không có mưu kế gì để cứu đất nước, chỉ lăm le hàng Tần, trong khi nhà hán thê thiếp hàng mấy trăm, tội tớ càng đông, thế mà ngày nào hán cũng trôi nhạc, ca xang. Thành Hàm Đan người ăn thịt người, xương người thay củi chụm. Có một thanh niên tên là Lý Đồng con của lão phu trạm tới yết kiến Bình Nguyên Quân, hỏi:

- Ngài không lo mất Triệu sao?
- Có chứ! Vì Triệu mất, Thắng này sẽ bị bỏ tù.

Lý Đồng chửi:

- Dân Hàm Đan xương chết làm củi, đổi con cho nhau để ăn thịt, thế mà hậu cung của ngài có hàng trăm, tỳ thiếp thì lụa là, gạo thịt dư thừa. Ngoài kia có người lấy gậy làm vũ khí đánh giặc, đồ chuông khánh nhà ngài vẫn rộn ràng như xưa. Sao không lấy những thứ kim khí ấy mà rèn đao kiếm? Nếu Tần phá được Triệu thì làm sao ngài còn được những thứ đó? Nay, ngài hãy khiêu từ phu nhân trở xuống biên tên vào hàng sĩ tốt, chia việc mà làm, đem hết của cải trong nhà ra nuôi binh sĩ trong lúc khốn cùng này!

Tư cách của một Tể tướng (tương đương với Thủ Tướng) như thế, dân chúng biết trong mong gì được.

Trở lại vấn đề trên, khi người què đến mắng vốn Bình Nguyên Quân, nếu là người sáng suốt biết điều thì nên thay mặt mỹ nhân mà xin lỗi y; nếu không nữa, nên gọi mỹ nhân xuống đích thân nàng xin lỗi y, và bốn phạm Bình Nguyên Quân phải dạy dỗ đám thê thiếp của mình biết nét na một chút. Đằng này Bình Nguyên Quân lại gật đầu hứa giết mỹ nhân để tạ tội. Khi tên què ra khỏi nhà, Bình Nguyên Quân mắng trộm y. Thái độ không phải của bậc quân tử. Đám thực khách lặng xem Thắng xử việc đó như thế nào. Thắng không giết mỹ nhân, thực khách bỏ đi.

4. Đám môn khách: Đám môn khách ấy tự cho mình là kẻ sĩ; thật ra là những tên ăn bám. Trong sách "Ngũ đồ" của Hàn phi, dành một chương chửi lũ ăn bám. Bọn chúng ăn không ngồi rồi, tính việc không tương, vạch trời chỉ đất giáng giải lung tung, kết

quả không đem lợi cho thiên hạ một cọng tranh. Thấy Bình Nguyên Quân sai trái sao không khuyên can lúc đó? Âm thầm bỏ đi, rồi lại có kẻ xúi Bình Nguyên Quân giết mỹ nhân đó! Mỹ nhân có tội gì phải giết? Thế mà mãi năm sau Bình Nguyên Quân lại giết mỹ nhân đó. Bọn thực khách lại trở về. Đám thực khách đó đã vô hạnh lại còn độc ác. Có lẽ chúng thù ghét người đàn bà kia có tính tự cao, không chịu "hòa đồng" với chúng.

50. HIỀN SĨ NHƯ CÁI DÙI TRONG TÚI

Tần vây Hàm Đan rất ngặt. Vua Triệu sai Bình Nguyên Quân sang Sở bàn việc hợp tung đánh Tần. Bình Nguyên Quân tuyển chọn trong 3000 thực khách của mình chỉ được 19 người khả dĩ có thể ăn nói được, và như vậy không đủ túc số làm để thành một sứ bộ.

Bình Nguyên Quân buồn vô cùng, trong đám thực khách kia có tên là Mao Toại bước ra nói:

- Đi hợp tung lần này tôi thiếu phải 20 người, mà chỉ chọn được 19 người. Vậy ngài hãy nhận Toại này cho đủ số.

Bình Nguyên Quân thấy Mao Toại nhỏ con, chân đi lạch bạch liền nói:

- Tiên sinh làm môn hạ cho Thắng được bao lâu?

- Ba năm!

- Phàm hiền sĩ trên đời như cái dùi bỏ túi, lâu ngày mũi dùi phải lòi ra! Tiên sinh đến ở đây ba năm mà Thắng này chưa hề nghe ông có danh tiếng gì, nên ở lại đi!

Mao Toại cười:

- Mãi đến hôm nay tôi mới được làm cái dùi trong túi. Nếu Toại tôi vào túi sớm thì nay cái dùi đã lộ ra rồi, chứ đâu phải cái mũi mà thôi đâu!

Bình Nguyên Quân bèn cho Mao Toại đi cùng. Đến Sở, Bình Nguyên Quân cùng với vua Sở bàn việc hợp tung, hai chục môn khách kia đứng dưới thềm. Cuộc bàn bạc ấy từ lúc mặt trời mọc đến lúc đứng bóng vẫn chưa vào đâu.

Mao Toại bước lên thềm báo Bình Nguyên Quân:

- Việc hợp tung lợi hay hại chỉ vài tiếng là xong, nay ngài đến nửa ngày vẫn chưa xong là sao?

Vua Sở hỏi Bình Nguyên Quân:

- Khách kia là ai thế?

Bình Nguyên Quân đáp:

- Đó là xá nhân của tôi.

Vua Sở quát:

- Cút đi ngay! Ta nói chuyện với chủ người, người làm trò gì thế?

Mao Toại rút kiếm tiến lại nói:

- Vua dám quát Toại này, ý vua cho rằng Sở đông người chắc? Nay trong vòng mười bước, nhà vua không thể cạy vào chỗ đông người đó. Tính mạng nhà vua nằm trong tay Toại này đây! Chủ tôi ngồi đó sao ngài dám nhiếc tôi! Chắc vua cũng biết vua Thang chỉ có 70 dặm đất mà làm vua thiên hạ. Vua Chu Văn chỉ có 100 dặm đất mà chư hầu quy phục. Họ được vậy đâu phải vì binh sĩ đông? Mà cái uy, cái đức của họ đó. Nay Sở đất vuông 5 dặm, kẻ cầm kích cả trăm vạn, đó là chỗ dựa để dựng nên cơ nghiệp. Nước Sở mạnh như vậy thiên hạ có ai địch nổi? Bạch Khởi chẳng qua là thằng oắt con mà thôi, thế mà hắn đem mấy vạn binh để gây chiến với Sở, đánh một trận lấy được Yển Sinh, đánh trs65n thứ nhì lấy được Di Lăng, đánh trận thứ ba làm nhục tổ tiên nhà vua! Đó là cái oán hận cả trăm đời. Nước Triệu xem thế là xấu hổ. Thế mà nhà vua không biết xấu hổ! Kẻ hợp tung là vì lợi ích cho Sở chứ không phải cho Triệu!

Vua Sở luống cuống nói:

- Vâng! Vâng! Quả như lời tiên sinh dạy! Tôi xin hợp tung!

Mao Toại bưng chậu huyết, sau đó là Mao Toại, rồi đến 19 người kia. Mao Toại nói với họ:

- Các anh xoàng lắm! Chỉ dựa vào người mà nên việc thôi!

Khi định tung ước xong, Bình Nguyên Quân về Triệu kêu Mao Toại nói:

- Thắng này từ nay không dám xét đoán kẻ sĩ nữa! Thắng chưa hề bỏ sót ai mà nay bỏ sót tiên sinh! Tiên sinh đi lần này làm cho nước Triệu thanh thế lẫy lừng. Ba tác lược của tiên sinh mạnh hơn trăm vạn quân.

Mao Toại từ đó được làm thượng khách.

LỜI BÀN:

Câu: "Hiên sĩ trên đời cũng như cây kim trong túi lâu ngày phải lòi ra" là câu ví dụ hay. Nhưng Bình Nguyên Quân Triệu Thắng là người tầm thường còn hơn Mạnh Thường Quân. Triệu Thắng chỉ được một Mao Toại mà giữ không được (Mao Toại sau về với Mạnh Thường Quân).

Những lời Mao Toại nói với Sở Vương là những lời danh thếp và chính xác, và cử chỉ của Mao toại cũng dũng dạc. Cử chỉ ấy phần nào cho ngôn ngữ.

Nhưng... sự hợp tung lần này của Sở cũng vô dụng. Sở sai Hoàng Yết làm tướng thống lĩnh 10 vạn quân, nhưng Yết cứ chần chừ, đến khi Tín Lăng Quân Ngụy Vô Kỵ đánh tan quân Tần ở Hàm Đan rồi, Yết mới lộ mặt ra! Mao Toại có tài nhưng phò người không được toại nguyện.

51. LÝ TƯ VÀ CON CHUỘT

Lý Tư là người đất Thương Thái nước Sở. Hồi còn trẻ, Tư là một viên lại nhỏ ở quận, thấy một con chuột trong nhà xí, nơi mình đang làm, ăn đồ bẩn thỉu, luôn luôn lo sợ người hoặc chó mèo. Đến khi Tư vào trong kho, nhìn thấy chuột ở đấy, ăn lúa no nê dưới ngói nhà lớn không hề lo sợ gì cả. Lý Tư than:

- Người ta hiền tài hay kém cỏi chẳng qua cũng như con chuột kia mà thôi, đều là nhờ vào hoàn cảnh, không lạ gì?

LỜI BÀN:

Lý Tư giỏi nhưng không có đức hạnh. Lý Tư có nhiều tương đồng với Thương Ưởng. Cả hai đều xuất thân từ môn phái hình pháp, đều thất đức và khát máu. Cuối cùng cả hai đều bị triều đại đó xử tử. Lý Tư tự ví người như con chuột: Con chuột ở trong nhà xí chật hẹp, ăn bẩn thì nhút nhát lo sợ, sợ người, sợ chó mèo. Con người lúc nghèo, ăn cực khổ lòng cũng nơm nớp lo sợ chuyện không đâu: Sợ người khác hại mình, sợ người thấy việc của mình... Chuột ở kho lẫm ăn no, có nhiều ngõ ngách không thèm đề phòng người hay chó mèo. Dường như cái đồng lương thực kia là chỗ sở cậy mãi đời của nó. Cũng như con người, khi ở vào địa vị sang trọng, đã được phe cánh bầy đảng thì tha hồ đi dọc về ngang mà không cần dè dặt lo sợ!...

Suy nghĩ của Lý Tư dẫu đúng nhưng rất nông nổi. Bởi vì loài chuột không phải là loài người! Loài người có luật pháp, có văn hiến. Lý Tư đi từ bi quan đến chỗ lạc quan cực đoan làm mất hết nhân tính, bất chấp đạo lý, nên mẹ Lý Tư đã giắt roi trên mái nhà để răn đe Lý Tư từ thiếu thời cho đến khi làm Thừa tướng.

Lý Tư người nước Sở chạy vào Hàm Dương thờ Lã Bất Vi. Lã Bất Vi dù có tài đi chẳng nữa chỉ là đứa vô hạnh. Sau ra làm quan

cho Tần Thủy Hoàng, xúi nhà vua đốt sách và chôn sống nho sinh, liên kết với bọn hoạn quan Triệu Cao bức tử Thái tử Phù Tô là bậc hiền hiếu.

Lý Tư làm nhiều việc tàn ác nên mẹ ông phải bỏ nhà lên núi mà ở, vì bà biết rằng Lý Tư trước sau gì cũng tự hủy diệt dòng họ mình. Điều đó đã khẳng định.

52. PHƯƠNG THUỐC CHỮA BỆNH NƯỚC ĂN DA

Nước Tống có người chế được một phương thuốc trị chứng bệnh nước làm da tay bị nứt nẻ. Nhưng nhà y làm nghề dệt vải, nên phương thuốc kia không giúp y được gì. Có người khách biết việc ấy tới gạ mua phương thuốc ấy với giá trăm lượng vàng. Y liền bán phương thuốc thần diệu ấy cho khách.

Người khách được phương thuốc đó sang thuyết phục vua Ngô nhằm vào lúc nước Việt đang đánh nước Ngô vào mùa Đông. Vua Ngô phong cho hắn làm quân y sĩ. Hắn đem thuốc đó ra xoa bóp vào tay chân lính Ngô, nhờ thế mà quân sĩ Ngô cầm vũ khí dễ dàng. Qua một trận thủy chiến, quân Việt đại bại. Vua Ngô cất đất phong cho viên y sĩ ấy và thưởng cho hắn rất hậu.

LỜI BÀN:

Qua câu chuyện này, Trang Tử phê: "Cùng một phương thuốc trị bệnh da tay nứt nẻ, mà một người nhờ đó được đất phong, trở thành địch phú, còn một người không thoát khỏi nghề dệt vải, đó là cách dùng không giống nhau? "

Ta có thể nói thêm, rất nhiều người có tài trong một nghề nhất định, nhưng trên nhiều lĩnh vực khác họ bị hạn chế. Chẳng hạn qua việc này, người nước Tống không đủ phương tiện đi qua Ngô, giả sử qua Ngô được chưa chắc có ai tiến cử hắn cho vua Ngô; hoặc có tiến cử, vị tất vua Ngô đã cho là quan trọng. Đâu phải Tống là nước không chiến tranh, và quân sĩ nước Tống không hẳn không bị nước ăn tay? Ý của bài này chê người nước Tống không có chí lớn, chỉ thấy cái lợi trước mắt mà không lường được những chuyện khác về sau. Ví dụ, nếu nước Ngô dùng phương thuốc ấy đánh với Tống, thì hóa ra mình hại nước mình không?

Câu chuyện trên đây cũng giống như chuyện Ngụy Huệ Vương cho Huệ Tử một quả bầu. Quả bầu ấy đem khoét ruột để đựng nước người không vác nổi. Huệ Tử không biết dùng nó để làm gì, bèn cưa quả bầu ra toan làm cái bát đựng cơm hay cháo gì đó, nhưng vì lớn quá cũng thành vô dụng. Huệ Tử bèn đập nó đi. Trang Tử hay được việc này kêu Huệ Tử trách: "Ông có cái hồ lô đựng đến 5 thạch (50 gáo), sao không nghĩ đến việc dùng nó làm phao mà vượt sông hồ? Thì ra cái lòng của ông quá nhỏ nhoi vậy".

53. SỰ PHI THƯỜNG CỦA ĐỨC TIN

Phạm Tử Hoa là người thích kết nạp dũng sĩ. Ông có một thế lực rất lớn ở Tấn. Tử Hoa không có quan chức gì nhưng uy tín ông vượt hơn cả Tam Khanh (3 quan đầu triều). Cái uy tín đó khiến ông làm được những việc: Từ giàu hóa nghèo, hoặc từ nghèo hóa giàu; người vô tội Tử Hoa có thể làm người chết, người bị tội chết ông có thể cứu sống.

Có một lão tên Thương Khâu Khai nhà rất nghèo, tưởng chừng trong xã hội không ai nghèo hơn, nghe được quyền lực của Phạm Tử Hoa, họ Thương bèn xốc áo lên đường tìm Tử Hoa. Bọn môn khách nhà họ phạm thấy ông già lụm cùm, da nhăn nheo râm nắng, áo quần xốc xếch bản thủ biểu môi khinh miệt lão, ông không hề phản ứng. Bọn chúng đưa Thương Khâu đến một cái đài cao, một tên xác xược nói:

- Lão nhảy được từ trên đài xuống đất sẽ được thưởng 100 lạng vàng.

Thương Khâu Khai nhảy liền! Ai cũng tưởng lão tan xương nát thịt, không ngờ lão nhảy xuống nhẹ nhàng như chiếc lá rơi. Dĩ nhiên lão bình yên.

Bọn chúng lại đưa lão đến vực sâu, nước xoáy cuộn cuộn, nói:

- Dưới này có châu ngọc nhiều lắm, lão nhảy xuống đó lấy.

Thương Khâu Khai tin thật bèn nhảy xuống, hồi lâu lão bình thân trôi lên mặt nước, trong tay lão bình thân trôi lên mặt nước, trong tay lão có một viên ngọc. Bây giờ bọn chúng kể cả Phạm tử Hoa rất ngạc nhiên. Phạm Tử Hoa cho lão vào hàng thượng khách.

Dè đâu kho tài sản nhà Tử Hoa phát hỏa, lửa khói mù mịt. Phạm tử Hoa sốt ruột bảo Thương Khâu Khai:

- Nếu ông có thể xông vào lửa khuân ra mấy hòm gấm vóc châu báu, tôi sẽ thưởng công cho ông!

Lão Thương nét mặt tự nhiên xông vào biển lửa cứu được tài sản của họ Phạm, bụi than không hề dính vào người lão. Bấy giờ bọn chúng mới biết sợ cúi đầu lạy lão và hỏi:

- Tiên sinh có đạo thuật gì không?

Lão chân thành đáp:

- Tôi không có thuật gì cả. Chính tôi cũng lấy làm ngạc nhiên cho tôi lắm. Nhưng tôi biết chắc một điều, lời người ta đồn đây ông Phạm đây, giàu có thể đổi thành nghèo, nghèo có thể hóa giàu, có quyền khiến ai chết, cho ai sống. Vì tôi quá tin điều đó, nên tôi làm việc gì cũng không trở ngại. Tôi tin tôi sẽ giàu, tôi tin rằng ông Phạm không cho tôi chết. Chỉ có vậy!

Tể Ngã nghe được điều đó về thuật lại cho Không Tử nghe. Không Tử nói:

- Người có chí thành có thể cảm hóa được vạn vật, khiến quỷ thần, Trời Đất cảm động, nên có thể tung hoành mà không có gì trở ngại. Các con hãy nhớ kỹ điều đó.

LỜI BÀN:

Chuyện này có tính chất đạo học, nó có vẻ gì huyền bí và siêu nhiên. Tuy vậy trên thực tế không phải là không xảy ra. Người Tây Phương có câu "Muôn là được!". Người ta đặt hết niềm tin và hi vọng vào "muôn". "Muôn" như một tâm linh không thể tách rời với cơ thể. Kinh Thánh nói: "Chỉ cần một đức tin lớn bằng hạt cải, có thể xoay chuyển được một quả núi". Thuật thôi miên cũng ở đức tin mà ra. Thôi miên không thuộc về thần học, mà nó thuộc khoa học.

Sử Ký Tư Mã Thiên có chép một đoạn về Lý Quảng: "Quảng ở Hữu Bắc Bình đi săn, thấy tảng đá trong bụi rậm tưởng rằng đó là hổ, bèn giương cung bắn, mũi tên cắm lút vào. Nhìn lại là tảng đá. Quảng bắn lại lần nữa nhưng không sao găm được!" Bộ sách

này rất có giá trị về sử liệu, khó nói ngoa. Lý Quang là một cung thủ nổi tiếng. Ban đầu đài tượng kia ông cho là hổ, nếu là hổ ắt mũi tên phải găm lút vào. Ấy thức ấy đã biến niềm tin mãnh liệt thành sức mạnh. Sau, Lý Quang biết là đá, thì sự hoài nghi nảy sinh. "Mũi tên bằng cây làm sao có thể xuyên qua đá?". Sự hoài nghi ấy đã làm niềm tin không còn mãnh liệt nữa. Và tất nhiên mũi tên không thể xuyên qua đá được!

Ở đây, Thương kHâu Khai có một niềm tin tuyệt đối, vì vậy ông xuống nước, vào lửa đều không trở ngại, bởi vì những thứ kia ông vẫn xem nó là không khí, nó là món lợi nhuận, lại có một Phạm Tử Hoa cứu tử, thì ông không hề nghĩ đến cái chết!

Nhưng đại khối nhân sinh mấy ai có được niềm tin tuyệt đối và mãnh liệt để chứng nghiệm điều ấy đúng hay không đúng.

54. CÂU CHUYỆN "TRIỀU TAM MỘ TỬ" (SÁNG BA CHIỀU BỐN)

Nước Tống có một người giỏi nghề nuôi khỉ vượn. Lão biết tâm lý loài khỉ và loài khỉ cũng biết lão. Số lương thực của bầy khỉ bắt đầu vơi, lão bèn hạn chế thức ăn của chúng. Lão nói:

- Từ nay các ngươi ăn buổi sáng ba hạt dẻ, chiều ăn bốn hạt nhé?

Bầy khỉ khọt khẹt tỏ vẻ tức giận. Lão lật đật nói:

- Thôi, thôi! Vậy thì các ngươi buổi sáng ăn bốn hạt, buổi chiều ăn ba hạt!

Bấy giờ bầy khỉ vui vẻ!

LỜI BÀN:

Qua chuyện này Trang Tử bàn: "Danh và Thực chẳng thay đổi gì thế mà lũ khỉ ấy giận và vui khác hẳn. Đó là vì tác dụng chủ quan của chúng. Do vậy, Thánh nhân vì sự hòa mà phải nói đến thị phi, nhưng rốt cuộc rồi cũng quy vào cái lẽ tự nhiên".

Cũng việc này, Liệt Tử bàn: "Đối với loài động vật ta có thể dùng trí thông minh lung lạc chúng. Đạo lý ấy cũng giống như thánh nhân dùng trí tuệ lung lạc người ngu. Thực chất không có gì thay đổi, nhưng kết quả có thể làm chúng giận dữ hay vui mừng, hai cách khác nhau!"

Với chúng ta ngày nay câu chuyện đó vẫn còn dùng được. Trong cuộc bán quảng cáo hay tiếp thị, người ta ít khi mua một lần hai món như nhau, nhưng nghe nói "mua một cái sẽ được tặng một cái", thì người ta mua ào ào, mặc dù có thể phải trả tiền hai cái.

55. THUẬT BÁCH CHIẾN BÁCH THẮNG

Bàng Quyên dẫn quân đi đánh Hàn có Thái Tử Ngụy Thân đi theo. Ra khỏi biên giới, có một người áo vải tên là Tư Sinh vào yết kiến Thái tử nói:

- Thái tử đem quân đi đánh Hàn, tôi có thuật bách chiến bách thắng, Thái tử có muốn dùng không?

Thái tử nói:

- Nên nghe lắm!

Tử Sinh nói:

- Thái tử đánh Hàn có thắng thì Thái tử vẫn là Thái tử, ngôi không thể cao hơn được nữa, giàu cũng ngang với ngôi vương là cùng. Nếu bại thì cái sở hữu của Thái tử không còn gì cả. Do vậy mà tôi gọi là cái thuật bách chiến bách thắng!

Thái Tử nói:

- Tôi sẽ nghe lời tiên sinh mà quay quân về!

Tử Sinh nói:

- Không chắc Thái tử sẽ quay về được. Bởi vì những người chung quanh Thái tử sẽ dựa vào Thái tử mà ăn theo!

Tư Sinh lui ra. Thái tử hạ lệnh ban sư! Bàng Quyên chạy đến nói:

- Đại Vương đem quân đội giao cho Thái tử, chưa đánh sao đã vội lui? Lui về cũng bị chúa công bắt tội ngang với bại trận, sao bằng đánh?

Thái tử đành cho quân đi tới.

LỜI BÀN:

Ngụy đánh Hàn lần này là do ý kiến của Bàn Quyên đề bạt. Trong chuyện đi này có Thái Tử Thân. Không rõ tự ý Thái tử xin đi hay cũng do sự sắp đặt của Bàn Quyên? Dù sao Thái Tử xuất quân vẫn có sự đồng ý của Ngụy Vương. Lời Tử Sinh thuyết phục Thái tử là nghiêm túc. Chẳng những nó đúng về mặt nhân bản, nó còn đúng theo cương vị Thái tử nữa. Câu then chốt là: "Không chắc Thái tử đã quay về được. Bởi vì những người chung quanh Thái tử đều dựa vào Thái tử mà ăn theo".

Kết quả đúng như lời Tử Sinh nói, Thái tử muốn quay về bị Bàn Quyên ngăn lại. Trong chiến tranh có vô số người lợi dụng mồ hôi và xương máu của chiến sĩ để tư lợi. Ngồi cao như Thái tử vẫn không thoát khỏi guồng máy khổng lồ của chiến tranh do bọn trục lợi điều khiển, làm mất hết ý nghĩa thuần túy của quốc gia.

Trận này Bàn Quyên bị giết, Thái tử Thân bị cầm tù, rồi sau cũng tự sát.

56. KHI ÔNG VUA MUỐN LÀM THÁNH HIỀN

Vua nước Yên là Khoái đắm say tửu sắc, dùng Tử Chi làm Tướng quốc. Tử Chi to con, tướng mạo uy nghi, thấy Khoái bỏ bê triều chính nên có ý muốn tiếm ngôi. Tử Chi kết bè phái với những kẻ có thế lực trong triều như anh em Tô Đại, Tô Lệ, Lộc Mao Thọ. Bọn chúng nịnh Tử Chi và gọi Tử Chi là "người hiền".

Một hôm Yên Khoái hỏi Tô Đại:

- Tề có bậc hiền tài là Mạnh thường Quân, liệu Tề có làm bá chủ được không?

Đại đáp:

- Không được, vì vua Tề dùng Mạnh Thường Quân không chuyên.

Khoái nói:

- Rất tiếc quả nhân không có Mạnh thường Quân, nếu có thì dùng khó gì?

Đại nói:

- Tướng quốc Tử Chi có kém gì Mạnh thường Quân?

Yên Vương Khoái nghe vậy liền cho Tử Chi rộng quyền trong việc triều chính. Sau đó Khoái kêu Lộc Mao Thọ hỏi:

- Các bậc hiền tài ngày trước rất nhiều, sao họ chỉ ca ngợi Nghiêu Thuấn mà thôi?

Thọ nói:

- Nghiêu, Thuấn biết nhường ngôi cho người hiền chứ không nhường ngôi cho con. Vũ cũng nhường ngôi cho Ích là người hiền nhưng lại không phế Thái tử. Nên khi Vũ mất, Thái tử Khải cướp của Ích. Bởi đó đời sau cho Vũ kém đức hơn Nghiêu Thuấn!

Yên Khoái cao hứng nói:

- Quả nhân muốn truyền ngôi cho Tử Chi, có nên không?

Thọ đáp liền:

- Nếu đại vương làm được như vậy thì đức đâu khác gì Nghiêu Thuấn.

Yên Khoái họp quần thần lại, tuyên bố truất Thái tử Bình, truyền ngôi cho Tử Chi!. Tử Chi giả nhún nhường đôi phen cho hợp với nghi lễ, rồi nhận ngôi, làm lễ tế cáo thiên địa, mặc áo cổn, đội mũ miện, cầm ngọc khuê, ngoảnh mặt về Nam xưng Cô. Quả không chút ngượng.

Còn Khoái thì đứng cùng bầy tôi quay mặt về hướng bắc mà bái triều rồi dọn ra ở Biệt cung. Ba tên, Đại, Lệ, Thọ, được phong Thượng Khanh. Tướng quân Thị Bị nổi giận kéo quân bản bộ đánh Tử Chi có dân chúng ào ạt tham gia. Hai bên cầm cự nhau đến mười ngày, số thương vong đến vài vạn. Cuối cùng Thị Bị bị giết.

Lộc Mao Thọ nói với Tử Chi:

- Thị Bị nổi loạn là bởi Thái tử Bình.

Tử Chi cho bắt Thái tử. Quách Ngỗi đem Bình đi trốn.

Nhân cơ hội đó, Tề đem quân đánh Yên lấy cớ là dẹp loạn Tử Chi, nên dân Yên tham gia, Tử Chi và bọn Đại, Lệ, Thọ đều bị giết, Yên Khoái tự tử, Tề chiếm đóng luôn nước Yên không chịu trả.

LỜI BÀN:

Đời vẫn có câu: "Nhập nô xuất chủ" (khi vào ở là đầy tớ, khi bước ra là chủ nhà) nó có ý nghĩa trên phương diện tu thân. Chẳng hạn, bạn vào học một nghề nào đó, lúc đó bạn trong vai trò là người học trò, hoặc con em, hoặc người làm công, giúp việc. Khi bạn học thành tài, thì cũng có quyền mở hãng, xưởng như ai. Đó là ý nghĩa của "nhập nô xuất chủ".

Yên Vương Khoái bị con tửu sắc hành hạ, muốn tỏ ra mình có một "phong cách dị thường", cho nên đã làm một việc đáng gọi là kim cổ kỳ quái! Khoái muốn làm bá chủ chư hầu thì không được, tác phong lẫn tài cán đều tầm thường, nên ông đành bỏ ngôi vương để đi làm... Thánh Hiền! Khoái có thể coi ngôi vị không ra gì, nhưng không thể coi lãng miếu, xã tắc, dân chúng coi không ra gì! Và phẩm chất thánh hiền không đơn giản như Khoái hoang tưởng. Thánh hiền là là bậc trí tuệ, còn Khoái là người hôn ám. Khoái không phân biệt được chánh tà để đắm con buôn lường gạt, thì làm sao nói chuyện thánh hiền kia chứ?

Hai tên Tô Đại, Tô Lệ là em của Tô Tần, là những tên du thuyết, nói chuyện phải trái một cách đảo điên, tráo trở lật lọng. Trong sách Ngũ Đố (5 thứ sâu mọt: Bọn du thuyết, bọn thích khách, bọn ăn bám, bọn con buôn, bọn chuyên làm hàng giả mạo), Hàn Phi chỉ bọn du thuyết: "Bọn sâu mọt là bọn sâu mọt đục khoét xã hội, những tên ngụy nho trá hình hiền giả". Lộc Mao Thọ cũng là tên vô sỉ, ăn cơm phật làm việc cho ma! Còn Tử Chi thì sao? Hắn là một thứ hồ ly rưng đuôi. Nhưng không trách hắn. Hắn thấy Yên Khoái hèn quá, nên hắn nuôi mộng soán ngôi. Việc soán ngôi trong thiên hạ không đếm hết. Chỉ trách hắn một điều, trước đây hắn tự xưng là người hiền để dụ thiên hạ mà cướp ngôi. Kẻ kia đã nhường ngôi một cách danh ngôn chính thuận, hắn lại không có chính sách an dân, để nước Yên không yên, tất nhiên hắn và gia tộc hắn phải đền tội.

Trên đây là một Bi Hải Kịch của lịch sử.

57. CON CHIM HOANG DÃ

Sách Nam Hoa Kinh của Trang Tử viết: "Những con chim trĩ hoang dã sống bên đầm lầy, cứ mười bước mở mỗi một lần, dù cuộc sống khó nhọc mà không đủ no, thế nhưng chúng không hề mong muốn được nuôi trong lồng. Sống trong lồng tuy khỏe hơn nhưng chẳng vui vẻ gì".

LỜI BÀN:

Không riêng gì loài chim, mọi vật trong thiên nhiên đều thích bay nhảy riêng cõi của mình. Câu ví: "Cá chậu chim lồng" là chịu sự mất tự do. Đoạn văn này mang tính chất đạo tính. Cái gì trái với tự nhiên đều là sự ràng buộc. Trang Tử chủ trương: Tự nhiên chính là tự do.

58. CÂY VÔ DỤNG

Có một mộc sư tên Thạch đi qua vùng Khúc Viên của Tề thấy một cây lịch to lớn trước miếu thổ thần. Bóng râm của nó có thể che hết ngàn con bò, cây cao đến đỉnh núi, cành nó có thể khoét thành thuyền độc mộc, thân lớn trăm ôm, người ta bu lại coi đông như chợ, thế mà Thạch vẫn cắm đầu đi thẳng.

Bọn đệ tử nhìn chán rồi mới đuổi theo Thạch. Một đứa nói:

- Từ khi con vác búa theo thầy đến nay chưa hề thấy cây nào lớn đẹp như vậy, thế mà thầy không thèm nhìn là sao?

Mộc sư nói:

- Thôi, thôi! Đó là cây vô dụng, ta còn lạ gì? Dùng nó làm thuyền thì đắm, làm quan tài thì mau mục, làm khí cụ thì mau hỏng, làm cửa thì nó hay tiết ra chất dầu rất nhớt, làm cột kèo rui mè thì lấm mối mọt. Vì vậy nó mới sống lâu và cao như thế!

Học trò hỏi:

- Nhưng sao nó lại mọc ở chỗ tế tự?

Mộc sư nói:

- Cây ấy bất quá chỉ giới mình ở nơi cúng tế để những kẻ ngu dốt khỏi chửi nó vô dụng. Không mọc ở chỗ miếu thì dễ bị những kẻ phá đi, nhưng cách bảo toàn nó có khác gì con người? Lấy sự lý đời này ra để chứng minh có lẽ là khác xa lắm!...

LỜI BÀN:

Đoạn văn này cổ nhân muốn nêu lên sự khác biệt giữa cái hữu dụng và vô dụng. Không phải vô dụng là... vô dụng, mà có cái đại dụng trong cái vô dụng đó. Trang Tử nói: "Những cây táo, lê, quýt, cam, bưởi... , khi quả chín đều bị bẻ hái đi cho đến khi tàn

lại. Đó chính là tài năng mà tự làm khổ cả đời, sống không hết tuổi, mà chết yếu. Ta chẳng có chỗ nào hữu dụng nên mới sống lâu". Xét lại câu: "Cây ấy bất quá chỉ gởi mình nơi cúng tế để những kẻ ngu dốt khỏi chửi nó vô dụng", tác giả ngầm nói những kẻ bất tài, có thân thể với quan cũng chen chân lần bước vào chốn miếu đường, để qua mắt mọi người, giống như Lỗ Trọng Liên đã chửi Bình Nguyên Quân Triệu Thắng trước đây. Tác giả phân biệt ba loại cây vô dụng:

a) Cây vô dụng sống ngoài thiên nhiên thì sống lâu. Sự sống lâu đó là đáng quý vì nó hợp lẽ tự nhiên.

b) Cây vô dụng mà sống gần làng xóm thì dễ bị người ta quấy phá, đốn bỏ để phong cảnh quanh nhà. Theo ý tưởng này thì Dương Vương Minh (triết gia thời Minh) nói:

"Cây kia trở lá xanh xanh,
Thân ta biết thế đừng sinh ra đời".

c) Cây vô dụng mọc nơi đền miếu, là có ý lợi dụng lòng mê tín của người ngu (không dám đốn vì sợ quỷ thần quở), kiếp của nó là sống gởi (chỉ cho những kẻ bất tài mà bu bám).

Rốt cuộc, ý cả bài quy lại, làm người không nên tranh danh đoạt lợi, muốn khỏe thân thì phải an tĩnh và sống vào vị trí thích hợp của mình, mới có thể thọ mà không bị tai tiếng.

59. CUỘC TRANH LUẬN GIỮA NGƯỜI HAI CHÂN VÀ NGƯỜI MỘT CHÂN

Thân Đồ Gia bị cụt chân cùng với Trịnh Tử Sản là học trò của Bá Hôn Vô Nhân. Tử Sản nói với Thân Đồ Gia:

- Nếu phải ra ngoài, thì hoặc là ông ra, hoặc là tôi ra!

Hôm sau hai người đang ngồi học, Tử Sản hỏi:

- Bây giờ tôi sắp ra ngoài, ông ở lại được không? Hơn nữa, ông nhìn thấy quan đang chấp chính mà sao không tránh mặt, ông ngang hàng với quan chấp chính ư?

Thân Đồ Gia nói:

- Trong các môn đệ của thầy Bá Hôn lại có quan chấp chính sao? Ông cho rằng địa vị ông cao (Tử Sản là Tể tướng của Trịnh), nhưng tôi nghe câu "gương chỉ sáng khi không có bụi bám, người sống lâu với bậc hiền giả thì không phạm lỗi lầm". Hiện tại điều ông đang mong cầu là học đạo đức ở thầy, mà thốt những lời như thế chẳng là lỗi lầm lắm ư?

Tử Sản nói:

- Ông đã ra nông nổi này (chỉ việc cụt một chân) mà còn muốn tranh thiện với Nghiêu! Hãy xét lại đức hạnh của mình thử, có đủ cảnh tỉnh ta chăng?

Thân Đồ Gia đáp:

- Ngụy trang để che đậy tội lỗi của mình rồi tự cho rằng mình không đáng phạm tội chặt chân, hạng người như thế nhiều lắm! Người không ngụy trang che đậy tội lỗi của mình, thà bị chặt chân, ít lắm! Ý thức được tự nhiên đó chỉ có hạng đạo đức mới làm được. Bước vào ngay làn tên của Hậu Nghệ mà không trúng tên, đó chính là chỗ của mệnh. Người có đủ hai chân cười người không

đủ chân, hạng người ấy hàng hà. Việc ông nói với ta như thế ta rất tức giận, nhưng nơi đây là chỗ ở của thầy, nên ta hết giận mà bỏ về. Không biết thầy đã dùng đạo gì mà dạy ta được thế (hết giận). Ta theo học thầy đã mười chín năm, thầy chưa bao giờ thấy ta cụt chân. Hiện nay ta thấy ông lấy tu dưỡng đạo đức giao du với nhau, ông lại chê khinh ta thân thể khuyết tật, chẳng phải là sai sao?

Tử Sản cả thẹn lấp liếm:

- Thôi thôi!... Ông không cần nói nữa!

LỜI BÀN:

Nội dung bài này nói: Thân Đồ Gia là người cụt chân nhưng tâm phúc mãn, còn Tử Sản thân tuy lành lặn nhưng tâm bị khuyết tật.

Theo sử, ta biết Tử Sản tên là Công Tôn Kiêu là người liêm khiết thông minh, làm Tế tướng của Trịnh vang danh bốn phương. Sử gia Tư Mã Thiên viết: "Tử Sản làm Tế tướng ở Trịnh dân không thể dối". Nhưng Tử Sản ảnh hưởng học thuyết Chu Công Cơ Đán nên các ông Trang Tử, Liệt Tử có ý bài xích. Tuy vậy cuộc đối thoại giữa Thân Đồ Gia với Tử Sản, tác giả xem là chuyện có thật để rút nơi đó một bài học kinh nghiệm về phép xử thế.

Tàn tật là một điều không may mắn, người lành lặn không nên chê bai, nếu không có dịp an ủi họ thì cũng đối xử với họ một cách bình thường. Tục ngữ ta có câu: "Bảy mươi chưa què, đừng khoe rằng lành".

Tử sản cùng học chung một thầy với Thân Đồ Gia, sợ hai người cùng đi ra, đi vào thì người ngoài hiểu rằng hai người cùng đẳng cấp với nhau. tử sản sợ mất thể diện. Đã vậy Tử Sản còn giới thiệu mình là quan chấp chính (Tế tướng), nếu quả vậy đó là một sự lộ bịch. Thân Đồ Gia nói: "Ngụy trang để che đậy tội lỗi của mình rồi tự cho rằng mình không đáng phạm tội chặt chân, hạng người như thế nhiều lắm".

Nếu cứ vạch lá tìm sâu thì dẫu có thánh nhân cũng không tránh khỏi tội, biết vậy cơ sao cứ hạch sách người ta? Thân Đồ Gia nói: "Ta theo học thầy 19 năm, thầy chưa bao giờ thấy tôi cụt chân". Đây là câu then chốt! Thầy Bá Hôn Vô Nhân là người đã đạt đến cái đức toàn mỹ: Không phân biệt người và ta, không phân biệt cái lớp bì bên ngoài, bởi vậy ông ta không thấy sự khuyết tật của cơ thể. Câu then chốt trên đây, để giải thích câu: "... ta rất tức nhưng đây là chỗ của thầy, nên ta hết giận mà bỏ về. Không biết thầy lấy đạo gì để dạy ta được thể". Ý của Gia muốn nói, không thềm nhìn cái lỗi của họ mà giận.

Bài này có thể bỏ tít cho bài: "Bình Nguyên Quân với người què", nhưng có một ý nghĩa cao siêu hơn vì nó đi vào Đạo học.

60. BÀI HỌC NGỤ NGÔN: TRÁI VỚI TỰ NHIÊN

Vị vua ở biển nam là Thúc, vị vua ở biển bắc là Hốt. Hai vị đế vương này thường gặp nhau ở trên đất của vua Hồn độn. Hồn độn tiếp đãi họ hết sức tử tế, nên Thúc và Hốt bàn nhau tìm cách báo đáp lại lòng tốt của Hồn Độn.

Mọi người nói:

- Con người có thất khiếu (7 lỗ) đó là: hai mắt để nhìn, hai tai để nghe, hai lỗ mũi để thở và một miệng để ăn. Duy chỉ hoàng đế Hồn Độn không có khiếu nào. Chúng ta nên đục lỗ cho ông đi!

Người kia nói:

- Phải đó!

Rồi mỗi ngày hai ông đê Hồn Độn ra đục một lỗ để làm khiếu. Đục đến ngày thứ bảy thì Hồn độn chết mất!

LỜI BÀN:

Bài ngụ ngôn này rất u mặc. Hai ông vua biển Nam, biển Bắc đều có lòng tốt, nhưng lòng tốt không đúng chỗ hóa ra làm hại người. Một sinh vật nào sống trong môi trường nào thì thích hợp với môi trường đó. Trên phần đầu của loài người đang có hai thất khiếu, nếu ta lần lượt bịt kín đi, người ấy sẽ chết ngay lập tức. Trong trường hợp ngược lại của Hồn Độn cũng vậy.

Cũng cần nói thêm: Theo đạo học, Hồn Độn là một thời đại Hồng Hoang của thuở mới khai thiên lập địa, lúc ấy vạn vật chưa có, hai khí âm dương còn hỗn độn là một. Và Một ấy lại trở về với yên nguyên Thái Cực. Nếu có ông vua Hồn Độn nào đó, thì ông vua ấy dĩ nhiên vô khiếu. Khi bày ra chuyện vua Bắc, vua Nam (tượng trưng cho Âm Dương, tức là đất trời đã phân biệt), thì vua Hồn độn không còn hợp thời nữa. Dầu đục khiếu hay không đục khiếu, Hồn Độn cũng vẫn già biệt.

61. TA CŨNG MUỐN LÊ CÁI ĐUÔI TRONG BÙN

Trang Tử câu cá bên sông Bộc, vua Sở nghe Trang là bậc đại hiền, liền phái hai đại phu đến mời ông về giúp việc cho nước Sở.

Trang Tử vẫn ôm cái cần câu không quay lại, nói:

- Ta nghe nước Sở có một con rùa thần chết đã ba ngàn năm nay, vua Sở bọc điều bọc xác nó đặt trong tráp cất ở miếu đường.. Chẳng lẽ con rùa ấy muốn chết để lưu thân xác lại cho người ta thờ ư? Hay là nó muốn sống để lê cái đuôi trong bùn thích hơn?

Hai vị đại phu đều đáp:

- Thà sống lê cái đuôi trong bùn thích hơn!

Trang Tử nói:

- Ta đây cũng muốn lê cái đuôi trong bùn!

LỜI BÀN:

Trang Tử có cuộc sống đầy thiên nhiên và u mặc. Ông sống vào hạ bán thế kỷ thứ tư đầu thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Ông trước tác bộ Nam Hoa Kinh, một tác phẩm triết lý thiên về Đạo học nhưng lại là một tác phẩm văn chương tuyệt vời. Với cái tài mẫn tiệp ấy, ông ra làm quan nước nào mà chẳng được? Thế nhưng ông không muốn câu thúc, hàm danh khoái lợi là thói đua đòi của thế tục. Xưa nay có nhiều người ra làm quan bị thất sủng, khi cái họa xảy đến, than: "Biết vậy ta không thềm làm quá!"

Sử nói: "Đại đế Alexandre Le Grand (người cùng thời Trang tử) người Hy Lạp kéo quân đi đánh xứ Ba Tư, trên đường đi gặp nhà hiền triết Diogène, Alexandre dừng quân lại chào nhà hiền triết. Lúc ấy vào buổi sáng Alexandrre đứng về hướng đông, Diogène đứng phía Tây. Alexandre nói:

- Hiền sư Diogène! Ngài muốn gì ta ban cho?

Diogène bình thản nói:

- Ta muốn đứng ngoài ánh sáng mặt trời!

Câu của Diogène Câu nói của Diogène nói rất nhiều nghĩa và sâu sắc. Ta biết Alexandre tướng mạo đang đứng về phía đông che mất ánh sáng mặt trời ban mai, nên Diogène đuổi khéo Alexandre đi! Nghĩa thứ hai, Diogène không hề thích làm quan, "ta muốn đứng ngoài ánh sáng mặt trời", là ông ta muốn nói cuộc sống tự do tự tại. Các triết gia và sử gia đời sau cho rằng Diogène có nhiều điểm tương đồng với Trang Tử và Diogène là lãnh tụ của phái Cynisme. Tư tưởng thoát tục và tự tại của những nhà tư tưởng, những triết gia dù Đông hay Tây cổ hay kim đều vĩ đại.

62. CHIM ÁC DỌA CHIM UYÊN SỒ

Huệ Tử làm Tướng quốc nước Lương (Ngụy). Trang Tử muốn qua thăm. Có người nói với Huệ Tử:

- Trang Tử đến đây là có ý muốn thay ông làm Tướng quốc đó!

Huệ Tử hoảng sợ cho lòng xét trong thành ba đêm, ba ngày.

Trang Tử đến gặp nói với Huệ Tử:

- Ở phương Nam có loài chim tên là Uyên Sồ, ông có biết không? Uyên Sồ phát xuất từ từ biển nam bay sang biển bắc, không phải là cây ngô đồng không đậu, không phải quả luyện (một loại quả rất thanh khiết) không ăn, không phải suối nước ngọt không uống. Bấy giờ có con chim Ác đang rửa xác con chuột thì nó thấy chim Uyên Sồ bay qua, ngẩng đầu nhìn Uyên Sồ, kêu một tiếng "quác" giận dữ (vì sợ Uyên Sồ giành mất môi). Nay ông định đem cái chức vị Tướng quốc của nước Lương ra kêu "quác" dọa tôi đấy ư?

LỜI BÀN:

Việc này không biết có hay không, không thấy bộ chánh sử nào nói. Văn của Trang Tử rất u mặc, viết toàn những chuyện hư cấu, có có không không, không biết đâu mà lần; hai làng ở trên hai con ốc đánh nhau; chim Bằng to lớn bay cao chín vạn dặm; Cá Côn lớn bằng cái biển... ! Chim Uyên Sồ là tác giả tự ví mình, biển nam, biển Bắc chỉ cho Tống và Ngụy. Tống là quê hương của tác giả ở phía Nam nước Ngụy. Chim Ác chỉ Huệ Vương, con chuột già chỉ cho chức vị Tể tướng...

Sau khi thiết lập một số hình ảnh tở giáo, tác giả phong bút ví von. bấy giờ người ta tranh giành tước vị không khác gì như bạn

hàng trả giá cá tôm! Tôn Tấn, Bàng Quyên, Điền Kỳ, Trâu Kỳ (đồng thời với tác giả) ở Ngụ, ở Tề; Nghiêm Toại, Hiệp Lũy ở Hàn... Có lẽ tác giả lấy mình và Huệ tử ra để chửi bọn chính khách bấy giờ. Và cũng có thể tác giả gửi lại cho hậu thế một nụ cười bí hiểm, mỉa mai và thâm trầm rất... hài hước.

63. TẦN THỦY HOÀNG TÌM THUỐC TRƯỞNG SINH

Năm 221 trước Công Nguyên nhà Tần đại Tống, Tần Vương Chính xưng Thủy Hoàng Đế (Vị Hoàng Đế đầu tiên). Tần Thủy Hoàng cho xây Ly Cung, Hoàn Lăng, A Phòng cực kỳ tốn kém.

Một buổi hội triều có một thuật sĩ nổi tiếng là Lưu Sinh bước ra nói:

- Thần nghe, Chân nhân là một vị tu hành đắc đạo, trướng sinh bất lão, họ vào lửa không cháy, vào nước không cháy, có thể cưỡi mây cưỡi gió mà đi trong không khí như chim. Những vị ấy đều có thuốc quý, uống vào có thể sống đến ngàn, muôn tuổi!

Tần Thủy Hoàng cảm thấy sung sướng nói:

- Từ nay trẫm tự xưng là "Chân Nhân". Có ai vì trẫm mà đi tìm thuốc trường sinh bất lão không?

Tống Vô Kỵ tâu:

- Thần có người bạn tên Từ Phúc, thường qua lại chôn Bồng Lai, biết được Chân nhân ở đâu. Nếu "Chân nhân" tin dùng, thần sẽ tiến cử người ấy.

Vua Tần cả mừng sai mời Vô Kỵ đi mời Từ Phúc, Phúc vào yết kiến vua, Thủy Hoàng nói:

- Trẫm nghe người biết chôn Bồng Lai, hãy nói sơ việc ấy ta nghe.

Phúc tâu:

- Trong biển Bột Hải ở bắc nước Tề cũ có ba ngọn núi thần, cây ngọc lá vàng, loan xòe phụng múa, những vị Chân nhân thường lui tới nơi đó. Tên gọi ba ngọn núi đó là Bồng Lai, Phương Tượng, Doanh Châu. Thuốc tiên ở nơi ấy.

- Ta phải làm sao để lấy được thuốc trường sinh?

Từ Phúc râu:

- Trường sinh là môn thuốc quý, ít ai cầu mà được. Bệ hạ muốn tìm, phải đóng 10 chiếc thuyền lớn, trong tàu có 5 hạng thợ, chọn 500 đồng nam, 500 đồng nữ, phòng có lúc dùng đến họ. Thần sẽ vì bệ hạ mà đi tìm.

Tần Thủy Hoàng cả mừng làm theo đúng lời dặn của Từ Phúc. Từ Phúc hướng dẫn đoàn người lên đường... Mãi đến nửa năm mà không có tin tức gì Từ Phúc...

LỜI BÀN:

Tần Thủy Hoàng là ông vua bạo ngược nhất nhân loại, cũng là một hoàng đế kiệt xuất của Trung Hoa. Khi ông thống nhất xong lục địa Trung Hoa, ông không "phong hầu kiến địa" cho ai cả.

Vị hoàng đế nào cũng có tham vọng sống lâu. Tần Thủy Hoàng rất tin bọn phương sĩ. Thuật luyện kim đan (còn gọi là linh đan, hay đan) của họ thường có kết quả ngược lại. Vì trong đan hầu hết có thủy ngân. Về sau, y sư Lý Thời Trân trong "Ban thảo Cương Mục" có nói: "Thủy ngân là một chất độc, uống vào loét ruột, mục xương". Nhiều ông vua cả tin linh đan mà chết sớm.

Thuốc trường sinh là ước mơ không nguôi của loài người. Nhưng người ta có thể kéo dài sự sống mà không thể ngăn được sự chết. Xưa nay các vật thể có dạng trạng thái đều có sự thay đổi. Tần Thủy Hoàng đã hoang tưởng. Một ông vua hùng lược và sáng suốt như ông vẫn không tránh được sự hoang tưởng. Những Quảnh thành tử, Bành Tổ... Chỉ là sự hoang đường!

Từ Phúc đi tìm thuốc trường sinh mà đem theo 500 cặp đồng nam, đồng nữ, lại có đủ hạng thợ, xem ra đó là một sự mưu tính lâu dài. Những quần đảo trên biển đông như Nhật Bản, Bành Hồ,... không chừng là nơi trú ngụ của họ. Nơi ấy chính là cõi tiên, một miền đất hứa. Năm trăm cặp nam nữ ngày sau sẽ là 500 gia

đình tạo dựng thành một làng, rồi lớn dần thành một phủ... Nơi ấy họ tránh được cảnh máu đổ thây phơi. Họ làm cuộc sinh tồn, sinh con cái trong cảnh nhân gian. Đó là chân nghĩa của thuốc quý dành cho con người. Và đó là... Chân nhân.

64. VONG TẦN GIẢ HỒ DÃ

Ngày qua tháng lại, Từ Phúc đi quá lâu, cả năm trời mà không nghe tin tức gì. Vua Tần bụng nóng như lửa đốt liền kêu Lưu Sinh bảo:

- Trước đây ngươi khoe với ta từng biết Chân nhân. Ngươi và Tổng Vô Kỵ bảo tâu cho Từ Phúc. Từ Phúc đi đến nay không có âm hao gì. Ngươi phải đi tìm hắn, nếu không được thì ngươi phải đi tìm cho được Chân nhân. Nếu không ngươi đừng gặp ta nữa!

Mặt Lưu Sinh cắt không còn giọt máu, lãnh lệnh ra đi.

Giữa trời nước mênh mông không biết tìm đâu cho ra Từ Phúc. Một hôm Sinh đến địa phận Thái Hoa thấy một người hình dạng cổ quái ngồi trên tảng đá, Sinh động tâm bước tới vái chào. Quái nhân hỏi:

- Có việc gì vậy?

Sinh thưa:

- Tiểu sinh vâng lời vua Tần đi tìm thuốc trường sinh. Dám xin tiên sinh dạy giúp một lời!

Quái nhân cười rộ, nói:

- Thủy Hoàng là một bạo chúa lại muốn sống lâu sao? Con người ta sống chết ở trời, sao vua Tần lại có ý ngông cuồng như thế. Làm gì có thuốc trường sinh bất tử?

Lưu Sinh cầu khẩn:

- Tiểu sinh là người phàm mắt thịt óc não ngu muội. Tiên sinh có cách nào cứu giúp tiểu sinh.

Quái nhân một thoáng suy nghĩ, nói:

- Ta cho ngươi vật này.

Nói rồi ông bước vào động lấy quyển sách đưa cho Lưu Sinh, nói:

- Hãy đưa cho vua Tần xem quyển sách này trong đó có nói đến lẽ sinh tồn vong.

Lưu Sinh xem lại, sách có tên "Thiên Lục Bí Quyết". Sinh muốn hỏi lại một vài điều chưa rõ, nhưng quái nhân đã vào cõi nhập định. Sinh đem sách về dâng cho vua Tần rồi thuật lại cho mọi việc. Nhà vua mở xem, thấy sách viết theo lối "khoa đầu". Vua không đọc được, bèn sai Thừa tướng Lý Tư đọc. Lý Tư đọc và giảng cho vua nghe, lời trong sách huyền nhiệm khó hiểu, đại ý nói về sự biến dịch của trời đất. Ngoài ra còn có câu: "Vong Tần giả, Hồ dã" (kẻ làm mất nhà Tần là Hồ).

Tần Thủy Hoàng thất kinh nói:

- Cứ như sách, thì rợ Hồ sẽ xâm lược nước Tần ta!

Vua Tần lo sợ, liền sai Đại tướng Mông Điền đem 30 vạn quân đi đánh hung Nô, lại còn bắt thêm 80 vạn dân đi xây Vạn lý trường thành!

LỜI BÀN:

Dĩ nhiên đám Tử Phúc như chim trời cá nước biên biệt trời mây tìm đâu cho ra? Đoàn người đi tìm thuốc trường sinh không về. Tần Thủy Hoàng bắt Lưu Sinh đi tìm cho được Tử Phúc, nếu không tìm ra, thì phải tìm cho được Chân nhân! Hỡi ơi!... Nếu Chân nhân có thực thì đời nào đến ông vua bạo ngược? Cũng may Lưu Sinh tìm được vị "Dị nhân" cho một quyển "bí quyết" trong đó có câu sấm: Vong tần giả, Hồ dã. Năm chữ này khiến vua Tần lo sợ mà xây Vạn Lý Trường Thành. Bức Trường thành này trước đây thời chiến quốc, Yên, Triệu đã xây từ Miên huyện Cam Túc chạy đến Liêu Đông (Trường thành này dài trên 4000km, cao từ 15 m tới 30 m, rộng từ 12 tới 20 m, không phải hoàn toàn do công của Tần Thủy Hoàng. Sau này, Tấn, Bắc Ngụy, Đường, Minh đều có xây thêm). Người chết ở bên hào Vạn Lý Trường Thành cả chục

vạn! Với năm chữ đó, khiến cho diện mạo chính trị của nhà Tần cũng thay đổi hết sức to lớn.

Sự thất bại trong việc tìm thuốc trường sinh để Lý Tư có cơ phỉ báng Nho học, để không có học sĩ nào tâu trình những việc của họ Lý làm. Kết quả Tần Thủy Hoàng ra lệnh đốt hết sách vở có từ trước đến đương thời (trừ sách thuốc, sách canh nông và sách bói toán). Cấm ngặt sự trước tác. Chỉ có 70 vị bác sĩ nhà Tần mới có quyền tác trước. Ai vi phạm sẽ bị tự tử. Lý Tư còn tâu lên vua Tần cho chôn sống hơn 460 nho sinh, những người bị tình nghi có liên quan đến việc "tìm thuốc trường sinh", làm sách phỉ báng chế độ, xúi giục dân chúng nổi loạn...

Năm chữ "Vong Tần giả, Hồ dã" mà vua Tần hiểu là nước Tần mất do Hồ, đã khiến chiến tranh Tần, Hồ kéo dài ngót 10 năm, xương trắng phơi đầy trên khắp thung lũng, bên dưới chiến hào Vạn Lý.

Nhưng "Vong Tần giả, Hồ dã" đã khiến vua Tần phải hiểu nghĩa một cách lệch lạc như vậy là do Lý Tư cất nghĩa! Lý Tư là kẻ khát máu, là một tay dùng chiến tranh để trục lợi. Thử hỏi Hồ dân số bao nhiêu? Văn minh Hồ là những gì? Thủ đô ở đâu? Tần bấy giờ là một đế quốc to lớn phía nam đến tận Nhật Nam (Quảng Bình Hà Tĩnh ngày nay), phía Bắc đến Mông Cổ, phía Tây đến Tây Tạng. Dân số toàn lục địa Trung Hoa thời đó trên 50 triệu, can gì bị Hồ với dân số chưa đầy một triệu tiêu diệt?

Nếu có ai đặt ngược lại vấn đề, tại sao Mông Cổ lại có cơ hội đè bẹp Trung Hoa? Hai bối cảnh ấy khác nhau. Vì nhà Tống kể từ Huy Tôn trở đi, vua tới quan đều hèn nên bị thống thuộc vào Liêu Kim. Còn Mông Cổ lo thống nhất các bộ lạc, xong, lần lượt thôn tính các nước Trung Á, Tây Á, Đông Âu, quay lại đánh Liêu Kim, rồi mới thôn tính nhà Tống, chương trình ấy hết đời Thành Cát Tư Hãn vẫn chưa xong. Và Thành Cát Tư Hãn là một Đại Hãn hùng tài đại lược từ Tần đến 5 thế kỷ sau Hồ đã làm được những gì? Sách lược của Lý Tư đã làm hao tổn nhân mạng và của cải. Có Vạn Lý Trường Thành đó tại sao đời Đông Tấn có nạn "Ngũ Hồ loạn Hoa"? Tại sao đời Nam Tống có nạn quân Mông? Nếu quân lực của

Hồ hùng cường thì chồng lên 10 Vạn Lý Trường Thành, người Hồ vẫn vượt qua như thường!

Sau này ta mới biết rằng, năm chữ "Vong Tần Giả, Hồ dã" có nghĩa rất rõ là: "Kẻ làm mất nước Tần chính là Hồ Hợi" Thừa tướng Lý Tư có tài, nhưng ông cũng là người rất đa đoan quý quyết, một tay trục lợi thứ thiệt. Đại sứ gia Tư Mã Thiên nói: "Tần Thủy Hoàng đến cùng Lương Sơn, đứng trên núi nhìn xuống thấy đoàn xe đi sấn của Thừa tướng đến ngàn cỗ, quân kỵ rất đông, vua rất không bằng lòng... sau đó có kẻ thóc mách lại cho Lý Tư, Lý bèn bớt lại... Vua Tần ra lệnh cho giết những kẻ đó!"

"Vong Tần giả, Hồ dã" đó là câu sấm đã biết. Biết nhưng có tránh được không? Trước đây nhà thao lược Ngô Khởi nói: "Giữ nước cốt ở Đức chứ không dựa vào núi sông hiểm trở". Tần có ả Hàm Cốc, "một người giữ muôn người khó qua", cứ sao lại mất nước? Cả triều đình nước Tần đều là những kẻ bạo ngược: Tần Thủy Hoàng, Hồ Hợi (Tần Nhị Thế), Lý Tư, Triệu Cao, Diêm Nhạc, Triệu Thường... Là những kẻ bạo ngược. Khi nhà Tần thống nhất thiên hạ 221 trước Công Nguyên, cho đến khi chấm dứt nhà Tần 206 trước Công Nguyên vốn vẹn có 15 năm so với nhà Chu 870 năm thì đủ biết cái đức của nhà Tần không có! Đáng để tang cho giấc mộng của Tần Thủy Hoàng! Ông ta nói: "Ta là hoàng đế đầu tiên, con ta sẽ là Nhị Thế, cháu ta là Tam Thế... truyền mãi mãi vạn thế".

65. TRƯƠNG LƯƠNG THÍCH KHÁCH TẦN THỦY HOÀNG

Đại phu nước Sở là Bạch Công Thắng (cháu nội của Sở Bình Vương) suốt ngày chỉ suy nghĩ đến việc giết Tử Tây (tên Thân, con thứ của Sở Bình Vương, chú của Thắng) và đánh Trịnh. Ông ta đứng suốt buổi sáng ngăn người, bất động đến nỗi cây roi ngựa cầm trên tay trở ngược, cái đầu nhọn đâm vào cầm máu chảy xuống đất mà Thắng không hay!

Người nước Trịnh nghe chuyện ấy bảo:

- Máu mình chảy xuống mà còn quên, thì còn gì mà không quên?

Nên có thể nói, người tập trung ý chí cao độ dầu có vấp vào cây, có va vào đá, có lăn xuống hố... Cũng không hề biết.

LỜI BÀN:

Đoạn văn này cũng có chút đạo khí, vì nói đến ý chí gần đến chỗ tuyệt đối. Nhân gian không có gì là tuyệt đối! Nước Trịnh giết cha Thắng (Thái Tử Kiến, Tấn xâm lược Trịnh, Trịnh cầu cứu Sở). Sở Tử Tây là chú Thắng đi cứu Trịnh, vì thế Thắng thù Tử Tây! Thật ra trước đó, Tử Tây đã từng giúp đỡ Thắng. Bây giờ mọi việc đều dính dáng đến lịch sử ta bỏ qua, chỉ nói đến ý nghĩa của sự quyết tâm! Quyết tâm của Thắng hết sức cao độ đến nỗi vật nhọn đâm vào người đổ máu mà không hay!

Ở Việt Nam ta có một trường hợp tương tự, khi quân Nguyên đang xâm chiếm nước Việt, lúc ấy Phạm Ngũ Lão chỉ là một dân đinh, nhưng lòng canh cánh muốn cứu nước. Ông ngồi đan sọt giữa đường, xe của tướng quân Trần Hưng Đạo đi qua, mặc dù có lính

tiền hô hậu ủng, Phạm Ngũ Lão vẫn không hay. Mũi giáo của một tên lính đâm vào đùi ông đổ máu, ông cũng không hề biết!

Trường hợp của Phạm ngũ Lão còn lạ lùng hơn Bạch Công Thắng nhiều. Chừng ấy, theo người xưa, Phạm ngũ Lão xứng đáng làm Thánh nhân rồi!

Xin nói rộng thêm, Thắng chỉ vì thù nhà, nhưng thù không đúng chỗ. Nước Trịnh giết cha Thắng (là Kiến) là lỗi của Kiến muốn bán nước mình cho Tấn. Và Tử Tây cứu Trịnh với một nghĩa cử, vậy mà thắng quyết trả thù. Còn Phạm ngũ Lão thì quyết cứu nước!...

67. ĐIỀU NÀO NHỤC HƠN

Nước Tề có một người nghèo khổ, thường hay ăn xin ở chợ trong thành. Ai nấy đều chán ghét hắn, vì hắn thường xin nhiều lần. Giờ thì không còn ai muốn bố thí cho hắn nữa.

Người khốn cùng đó tìm đến nhà họ Điền làm tạp dịch cho tên mã phu của họ Điền để kiếm ăn. Có người nói với kẻ khốn cùng đó:

- Làm việc cho một tên chăn ngựa để tìm miếng ăn, người không cảm thấy nhục sao?

Người kia đáp:

- Cái nhục lớn nhất là đi ăn xin. Trước đây tôi đã từng đi ăn xin mà chưa thấy nhục, huống chi nay được làm khổ dịch cho người chăn ngựa kiếm miếng ăn thì nhục nỗi gì?

LỜI BÀN:

Thậm chí đi ăn xin cũng chưa phải là nhục. Người ta xin ăn (trừ bọn ăn bám xã hội) vì thời cuộc, hoàn cảnh, tật nguyên... đó là giải pháp tạm thời của những kẻ không đủ điều kiện để kiếm sống. Mãi đến đầu thế kỷ hai mươi, ở Trung Hoa vẫn còn "Cái Bang". Vua Lê Thánh Tôn của ta viết về "Ăn mày":

Chẳng phải ăn đong chẳng phải vay,

Lộc trời để lại được... ăn mày!

Nếu kẻ lười biếng thấy việc lao động cho là khó nhọc, đi ăn xin khổ hơn, kẻ ấy mới đáng gọi là nhục. Lời chất vấn của ông khách kia là không đúng! Làm thuê cho một nhà giàu, hay cho một người chăn ngựa cũng là lao động, miễn là việc làm ấy đừng vi phạm đến pháp luật là được.

68. NHÂN ĐẠO HAY BẤT NHÂN

Người dân ở Hàm Đan (Kinh đô nước Triệu) có tục: Cứ ngày mồng một đầu năm họ mang chim Ban Cưu đến bán cho Triệu Giản Tử. Triệu Giản Tử vui mừng thưởng tiền bạc cho họ rất nhiều. Có người chất vấn Giản Tử:

- Ngài mua chim Ban Cưu làm gì?

Giản Tử nói:

- Ngày đầu năm ta thích phóng sinh để thể hiện cái ân đức của ta.

Người kia nói:

- Mọi người biết ngài hay phóng sinh chim nên mới tranh nhau đi bắt chim, như vậy chim Ban Cưu chết vào ngày ấy rất nhiều. Nếu ngài thật muốn cho chim sống sao không lệnh cho mọi người đừng bắt chúng? Chứ như bắt rồi mới phóng sinh e rằng ân đức này không bù đắp nổi tội ác này.

Triệu Giản Tử khen:

- Ông nói đúng lắm!

Từ đó ông không mua chim vào ngày đầu năm nữa.

LỜI BÀN:

Triệu Giản Tử ở vào đầu thời kỳ chiến quốc (giữa thế kỷ thứ V trước Công Nguyên), thời này Phật giáo chưa du nhập vào Trung Hoa, nên việc phóng sinh có lẽ ảnh hưởng ở Đạo giáo. Sở dĩ có những cuộc phóng sinh là vì họ tôn trọng quyền sống của loài vật. Mọi sinh vật đều có quyền sống như nhau. Nhưng tại sao chỉ phóng sinh chim Ban Cưu mà thôi? Lý ra Giản Tử phải phóng sinh hết tất cả các loài chim. Nghề săn bắt chim để ăn thịt cũng là

một nghề sinh sống của người xưa nên khó mà cấm họ. Có thể dùng triết lý nào đó để giảng giải cho họ biết rằng: Không nên giết những con vật hiền lành và vô hại như chim, thỏ, nai, rùa... để được phúc đức. Thời cổ vua Nghiêu đi săn, trước khi bủa lưới thì vái: "Con nào có cánh thì cao bay, con nào có chân thì mau chạy, chớ có vào lưới ta" Tục lệ đó rất phổ biến ở Triều Thành Thang (nhà Thương), nên mới có thành ngữ "mở lưới thành Thang" (phóng sinh để lấy đức).

Quy định phóng sinh phải chọn ngày mồng một đầu năm, rõ ràng đó là hại chim. nếu có lòng nhân từ cũng không thể gặp đâu mua đó, tiền đâu mà mua cho? Cũng không thể mua tượng trưng để mà thả, làm gương cho người khác noi theo. Sự phóng sinh chim là lòng tốt, nhưng làm cách nào để người ta khỏi bắt chim đó mới là việc ân đức.

Ngày nay, lễ phóng sinh thường vào những ngày Phật Đản, Lễ Vu Lan, Thích Ca thành đạo, Phật Nhập Niết Bàn, Thượng Nguyên, Hạ Nguyên... những ngày đó người ta bán chim, thú rất nhiều và rất đắt. Có lẽ đến ngày đó các loài chim thú chết rất nhiều.

Phóng sinh là một tập tục tốt giúp cho con người giảm bớt đi tính dã man. Nhưng có chuyện phóng sinh thì có sự săn bắt chim thú để bán. Không phóng sinh thì người ta vẫn bắt chim thú (làm nhu cầu thực phẩm) đều đều như mọi ngày. Khó mà bàn đến một phương pháp hoàn hảo. Thôi thì... tùy theo "căn cơ và duyên cơ của chúng sinh".

69. HỌC PHÉP TRƯỜNG SINH BẤT TỬ

Vua Chiêu Dương nước Yên nghe đồn có một phương sĩ biết phép trường sinh bất tử liền sai người đến học thuật đó (để về truyền lại cho ông). Người ấy học chưa xong thì thầy có thuật bất tử kia đã "tử chi hoành hoạch" (chết). Chiêu Dương Vương tức giận muốn xử tử kẻ sai đi học kia. Một bề tôi được vua sủng ái liền can:

- Cái mà người ta lo nhất là không ai thoát khỏi cái chết. Cái mà người ta quý nhất là mạng sống. Chúa công biết quý trọng mạng sống sao phải giết người? Vả lại thầy phương sĩ kia chết đi, chúng tỏ rằng ông ta không có thuật trường sinh bất tử gì cả!

Yên Vương nghe qua không xử tử người đó nữa.

Lại có người nước Tề lại muốn đi học thuật trường sinh bất tử ấy, nhưng khi nghe thầy phương sĩ kia chết, ân hận đấm ngực thống trách chính mình, Phú Tử đùa với anh ta:

- Thầy phương sĩ đã chết rồi mà anh vẫn còn ân hận, té ra anh không hiểu gì về cái học ấy cả!

Nhưng có người cãi với Phú Tử:

- Lời của thầy sai rồi! Biết đâu có người nắm được lý thuyết về bí thực mà không thực hiện được? Lại có loại người thực hành được nhưng không hiểu gì về lý thuyết. Kìa, nước Vệ có một người rất giỏi về toán học, trước khi chết đem bí quyết ra dạy cho con, nhưng người con chẳng vận dụng gì được cả. Người khác đến xin học người con ấy, người con cũng chỉ đọc khẩu quyết của cha đọc lại, người kia lãnh hội được, phát huy môn toán đâu kém gì người đã truyền bí quyết. Cứ vậy mà xét thầy phương sĩ kia cũng có thể biết được lý thuyết của thuật trường sinh.

LỜI BÀN:

Sử nói: "Yên Chiêu Vương rất mê thuật trường sinh. Ông lợi dụng nhiều kim đan nên cuối cùng phải chết non" (khoảng 50 tuổi). Yên Chiêu Vương là một bậc minh quân, biết dùng Nhạc Nghị phá được Tề, giết được Tề Mân Vương để trả thù cho xã tắc. Nhưng nhà vua ra lệnh giết người đi học phép trường sinh kia là vô lý. Tên phương sĩ kia đã lường gạt những kẻ ham sống đến "vạn tuế", thực ra hẳn không có thuật gì cả, bằng chứng là hẳn đã chết, thế mà nhà vua vẫn không tỉnh ngộ. Hơn nữa, học phép trường sinh bất tử, tức là phải yêu cái sống, đã yêu mạng sống sao lại giết người? Đó là mâu thuẫn.

Anh chàng nước Tề cũng thích sống lâu muôn tuổi, nên muốn đi học thuyết trường sinh, bất ngờ lão thuật sĩ kia chết, anh ta ám ức oán trách mình, sao không chịu đi học sớm? Sự mê tín mất hết lý trí, gọi là cuồng tín. Cái chết của phương sĩ chứng tỏ được rằng, lão ta chỉ là kẻ rỗng tuếch. Sau này Tần Thủy Hoàng sống được 45 tuổi, ông chết sớm vì cả dùng thuốc "trường sinh" kim đan, vài năm cuối đời người ông khô cằn, gầy đét, da xám, môi thâm, tính tình gắt gỏng, chứng tỏ ông đã bị kim đan hành hạ. Người nào đó nói: "Có thể có người hiểu lý thuyết trường sinh mà không thực hiện được...", trên lĩnh vực nào đó thì đúng. Vì thời thượng cổ đến lúc đó (có thể kể đến hôm nay) có ai đắc đạo trường sinh?

Trong đạo giáo có những vị như Trần Đoàn, Trương Tam Phong, Lã Động Tân, Hàm Tương Tử... Chỉ sống ngoài trăm tuổi, trong khi đó có một vị sống đến 174 tuổi là tối đa. Vì những người đó biết được phương pháp dưỡng sinh "Thanh tâm quả dục".

Trường sinh bất tử chỉ là giấc mộng hảo huyền.

70. TRƯƠNG LƯƠNG GẶP HUỠNH THẠCH CÔNG

Trương Lương Gặp Huỳnh Thạch Công

Một hôm Trương Lương lòng buồn rười rượi bèn đi dạo chơi cho khuây. Một ông già qua cầu làm rớt chiếc giày xuống nước. Lão gọi Trương Lương nói:

- Này chú, hãy nhặt giúp giày cho ta!

Lương muốn cự lão, chợt nhìn thấy lão đã già, liền nén giận xuống cầu lấy giày đem lên. Lão bảo:

- Xỏ vào cho ta!

Vì đã trót lượm giày, nên Lương cũng quỳ xuống xỏ cho lão. Đi được vài bước lão lại đánh rơi giày nữa! Cứ như thế Lương phải nhặt và xỏ giày cho lão đến ba lần! Lão bỏ đi! Lương trừng mắt nhìn theo... Lão đi chừng một dặm thì quay lại, thấy Lương vẫn còn đứng đó... Lão nói:

- Thành nhỏ này dạy được!

Rồi lão nói:

- Năm ngày sau, sáng sớm mày đến nơi đây gặp ta!

Lương lấy làm lạ, vội quỳ xuống đáp:

- Dạ!

Năm ngày sau, sáng sớm Lương đến chỗ hẹn, đã thấy lão đứng sẵn ở đó rồi. Lão giận nói:

- Đã hẹn với người già cả, mà đến sau là sao.

Lão lại dặn:

- Năm ngày nữa sẽ gặp ở đây thật sớm!

Năm ngày sau lúc gà gáy Lương đến nơi hẹn, đã thấy lão đến trước. Lão giận, nói:

- Sao lại đến trễ?

Lão ra đi dặn tiếp:

- Năm ngày sau đến cho sớm!

Năm ngày sau chưa tới nửa đêm Lương đã tới điểm hẹn đứng chờ. Một lát lão cũng đến, lão đưa ra quyển sách, nói:

- Đây là quyển "Thái công binh pháp". Đọc quyển này sẽ làm thầy bậc vương giả. 13 năm sau người sẽ gặp ta. Hòn đá màu vàng ở chân núi Cốc thành phía Bắc sông Tê là ta đó!

Lão nói rồi bỏ đi. Lương đem sách về miệt mài nghiên cứu.

LỜI BÀN:

Trương Lương có tính kiên nhẫn thật đáng khen. Nhưng trong cái kiên nhẫn của Trương Lương vẫn có sự tính toán. Sử gia Tư Mã Thiên nói: "Trương Lương định đánh lão già xác xược này, nhưng thấy lão có vẻ tiên phong đạo cốt nên thôi". Trương Lương chịu khó lượm dép và xỏ dép ba lần cho lão là cốt để lão dạy cho điều gì đó, có thể là kỳ thư bảo điển, có thể là một tin tức bí mật, cũng có thể là một bảo vật... Có lẽ Trương Lương đọc được điều ấy trong gương mặt lão mới chịu khó làm đến ba lần một việc trái tai gai mắt thế này. Hành động này không phải là kiên nhẫn mà muốn thủ lợi. Hành Động ấy còn tệ hơn Hàn Tín luôn tròn! Người đời cho Lương hiền trí, Hàn Tín là hèn hạ. Đó là quyền của họ. Tín giúp cơ nghiệp nhà Hán kéo dài đến 400 năm, nhưng vợ chồng Lưu Bang, Lã Trĩ là những kẻ độc ác, hay giết những người có đại công và đại tài. Hàn Tín bị Bang giết, còn Trương Lương khéo nịnh hót, nên sử nhà Hán mới chửi Hàn Tín mà ca ngợi Trương Lương. Giả sử nhà Hàn thọ chừng vài mươi năm như Tần, thì người ta sẽ coi như một Lý Tư, chẳng khác tý nào!

Lương kiên nhẫn đến gặp lão già ấy ba lần cũng chỉ là để xin xỏ. Còn lão kia, ông Tiên Hoàng Thạch Công nào đó cũng có thể là một lão du hiệp như Đường Thư, lão muốn gởi gắm mối thù của mình vào Trương Lương trả dần (cũng giống như Lương đã nhờ Lê

Hải Biên). Còn việc hòn đá vàng với 13 năm sau thì quá dễ. Lão cứ sai người đem hòn đá vàng dị dạng đến đặt nơi đó. Lương có đến thì gặp, không đến thì thôi, có sao đâu? Mặc dù thuở đó cũng có một đạo sĩ tên là Hoàng Thạch Công (tác giả của một bộ phong thủy xoàng xĩnh) khá nổi tiếng, nhưng người ta chỉ nghe tiếng đồn chứ không ai biết mặt, ngay cả những bộ chính sử tiền hậu Hán thư cũng không có. Mãi đến đời nhà Đường còn nghe lão xuất hiện đủ biết đây là chuyện hoang đường. Hơn nữa, Lương là tay xảo nguyệt khó mà tin lời của Lương được.

Điều cần ghi nhận ở đây giúp ai việc gì thì phải tận tâm chứ không làm lấy lòng lấy lệ. Và đã hẹn ai điều gì thì đừng nên thất hẹn.

71. LÝ TƯ, TRIỆU CAO MƯU VIỆC PHẾ LẬP

Tháng 20 năm thứ 37 (211 trước Công Nguyên) Tần Thủy Hoàng, nhà vua đi tuần thú phương Đông, theo vua có Thừa tướng Lý Tư, Trung Thư lệnh Triệu Cao (hoạn quan) và con nhỏ vua là Hồ Hợi cùng một số quan lại thân tín đi theo. Vua dọc Trường Giang ra đến biển, nhìn trời nước mênh mông mà uất ức vì nhớ đến chuyện đi tìm thuốc của Tử Phúc trước đây bật vô âm tín. Trong lúc đó có nhiều người nói với vua Tần: "Thuyền của Tử Phúc bị cá lớn đón đường". Cá lớn tức là Sa Ngư (cá nhám, cá mập). Vua Tần truyền sắm cung nỏ chuẩn bị bắn Sa Ngư.

Nhà vua dùng thuyền đi dọc ven biển lên đến Lang Gia (Tê) thì có Sa Ngư xuất hiện. Vua Tần cùng đoàn cung thủ xúm bắn Sa Ngư chết. Nhà bếp nấu Sa Ngư vua cùng mọi người ăn khen:

- Ngon!Thịt thơm lắm!

Long xa quay về, dọc đường vua nhuốm bệnh, biết mình không sống được, nghĩ lại lòng thấy thương Thái tử Phù Tô. Phù Tô hiền hiếu, vì can vua đừng giết học sĩ, đừng đốt sách, vua Tần cả tin Lý Tư nên nổi giận đày Phù Tô ra biên giới Tần, Hồ làm đóc công giúp tướng Mông Điền coi việc xây Trường Thành. Tần Thủy Hoàng viết chiếu truyền ngôi cho Phù Tô, rồi kêu Lý Tư, Triệu Cao lại trấn trời:

- Phù Tô là người hiền hiếu đáng được nối ngôi. Trẫm vì một phút nóng giận mà đối xử với con quá khắc nghiệt. Trẫm có chết, các khanh nên tận tình giúp Thái tử giữ ngôi báu.

Nói rồi trao chiếu thư cho Triệu Cao !

Vua Tần băng hà tại Sa Khâu tháng 7 năm thứ 38 (210 trước Công Nguyên).

Triệu Cao và Lý Tư ém nhem việc vua băng hà không cho bá quan biết. Cao nói với Lý Tư:

- Nếu Phù Tô làm vua thì chúng ta chết không có đất chôn. Nay phải giả chiếu để Hồ Hợi làm vua!

Lý Tư không chịu, nói:

- Không được! Không thể phụ lòng ủy thác của Tiên đế!

Triệu Cao đem lời lẽ hơn thiệt lần hăm dọa ra thuyết phục, Lý Tư mới nghe theo.

Triệu Cao liền giả chiếu chỉ, rồi niêm phong có ấn Hoàng Đế gửi ra biên giới cho Phù Tô và Mông Điềm, buộc hai người phải tự sát, binh quyền giao lại cho Vương Ly.

Mông Điềm nói với Phù Tô:

- Thái tử không nên tự sát vội, phải cho người về triều dò xét hư thực, bọn Lý Tư, Triệu Cao là những tên điêu ngoa man rợ, không chắc đây là chiếu chỉ thật.

Sứ giả là Triệu Thường cháu của Triệu Cao, giục phải chết liền.

Phù Tô nói:

- Phụ Vương tính nét như thế nào, hàng ngày ta quá biết. Nay vua cha bảo chết, làm Thần tử sao dám trái lời?

Nói rồi uống thuốc độc tự tử. Còn Mông Điềm bị bắt giam vào ngục. Mông Điềm uất ức tự sát trong ngục!

Xác của vua không liệm (vì sợ lộ), vài ngày sau bốc mùi hôi thối, Triệu Cao cho mua mấy giỏ cá ươn để đánh lộn mùi. Về đến Hàm Dương mới liệm. Lúc đó sứ giả về báo tin, Lý Tư và Triệu Cao cả mừng liền báo tang rồi tôn Hồ Hợi lên làm vua để hiệu là Tần Nhị Thế (đầu năm 209 trước Công Nguyên).

LỜI BÀN:

Qua đoạn này ta biết, quả là "cơ trời dâu biển đa đoan" (Kiêu). Tần Thủy Hoàng đi lần này để tế lễ phong thiện, cúng bái các vị Thánh Vương ngày trước như Hạ Vũ, Nghiêu, Thuấn, giết được cá dữ Sa Ngư, nhưng không ngờ vua Tần tạ thế ở Sa Khâu, nghĩa là "Chết không may" (bất đắc kỳ tử, vì chết dọc đường). Đây là triệu chứng của sự sụp đổ. Một ông vua hùng lược như vậy lại tin dùng những tên gian độc, để bọn chúng gây ra những việc tà trời. Trách ai?

Lý Tư chịu không biết bao nhiêu ân sủng với vua Tần, lại đi đồng loã với tên Triệu Cao. Thật đáng khen cho cái chức vụ Thừa tướng của hắn. Nhưng người ta cũng thắc mắc, chiếu thư kia thuộc về triều đình sao vua Tần không đưa cho Lý Tư mà lại đưa cho tên Triệu Cao? Thật là "ma dốt lối quỷ đưa đường, lại tìm những chôn đoạn trường mà đi"! Vua Tần thất đức thấy rõ. "Thánh thể" đó đánh lộn sòng với giỏ cá thối. Ôi! Mai mả biết bao! Ông và Tề Hoàn Công, một bá một đế kiệt xuất, qua cái chết không ai may mắn hơn ai!

Ghi chú: Tề Hoàn Công mất trong cùng, không trăng trời được lời nào, vì không chịu nghe lời Quảng Trọng và Bảo Thúc Nha, thi thể để sinh uơn tới 67 ngày, dòi, bọ rúc rĩa, hôi thối không ai chịu được.

Còn Tần Thủy Hoàng chết dọc đường có trời trần nhưng không được bọn sủng thần thi hành, trần trời cũng bằng thừa, "Thánh thể" cũng để sau hai tháng mới chôn! Hai vị ấy giống nhau hay khác nhau? .